

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Tiểu Tử (II)

Tiểu sử & Tác phẩm  
(xem *Vài hàng về tác giả*).



### Mục Lục

#### Người viết mượn – 2

Giới thiệu tác phẩm mới *Chuyện thuở giao thời* – Hùynh Tâm - 7

#### Tô cháo huyết – 10

Nhà văn Tiểu Tử, những giọt nước mắt, những...- Từ Thức - 12

#### Đi xe đò, đi xe ôm - 15

Những câu chuyện Di Tàn của nhà văn Tiểu Tử - Tường An - 21

#### Phụ đính:

**Ông Năm Từ - Tôi nằm gác tay lên trán**

**Tiết Nhân Quý - Con mẹ hàng xóm – Tấm vạc giường**

**Chuyện di tàn 1975 – Chuyện giao thời**

**Ngày này, năm 1975 – Chuyện chẳng có gì hết**

**Những hình ảnh không in ra được**

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Người viết mướn

Ở chợ Plateau thành phố Abidjan (thủ đô cũ của xứ Côte d'Ivoire, Phi Châu) ai cũng biết ông già viết mướn đó. Người ta gọi ông là "l'écrivain chinois" (ông Tàu viết mướn)

Xứ Côte d'Ivoire - thuộc vùng Phi Châu Da Đen - ngày xưa là thuộc địa của Pháp. Dân bản xứ đi học bằng tiếng Pháp. Và vì họ gồm nhiều bộ tộc, mỗi bộ tộc nói một thổ ngữ, nên họ phải dùng tiếng Pháp để hiểu nhau. Về sau, khi đã độc lập rồi, trường vẫn dạy bằng tiếng Pháp và ngôn ngữ chánh trong dân gian vẫn là tiếng Pháp. Những người ít học hay thất học thì nói "tiếng bời", nghĩa là tiếng Pháp không đúng văn phạm. Mấy bà buôn bán ở chợ Plateau nói trên thuộc vào thành phần này. Nhiều bà có con cái "đi làm ăn" ở Pháp hay ở Bỉ, lâu lâu cần xin gì hay cần nhắn gì, họ phải nhờ người khác viết cho cái thư. Ngoài ra, có nhiều người cần viết đơn từ thưa gởi nhưng không đủ trình độ để viết đúng từ ngữ hành chánh nên nhờ viết dùm. Do đó mới có cái nghề viết mướn.

Ở khu chợ Plateau, trước đây, chỉ có một người đàn ông trung niên người bản xứ làm nghề này. Anh ta hành nghề dưới hàng hiên khu phố nhìn qua chợ, nằm cách chợ một con đường. Chỗ hán ngồi là một bức tường nhỏ nằm giữa hai cửa hàng bán radio của người libanais. "Dụng cụ" của anh ta là cái máy đánh chữ loại xách tay đặt trên bàn gỗ nhỏ. Anh ta ngồi trên ghế thấp vừa tầm với cái bàn, nhưng vì anh ta lớn con chân dài nên khi đánh máy anh ta phải cho hết hai chân xuống dưới bàn đưa thẳng về phía trước lòi ra một khúc, trông giống như anh ta ôm cái bàn vào lòng! Còn "khách hàng" thì hoặc đứng hoặc ngồi xỏm cạnh hai bàn chân to xù mang dép Nhựt của hán, tỉ tê kể những gì mà họ muốn để trong thư. Anh ta gõ máy bằng hai ngón tay nhưng gõ khá nhanh, khách kể đến đâu hán gõ theo đến đấy. Đánh xong thư, khách hàng đưa cho hán mảnh giấy nhỏ trong đó có ghi rõ địa chỉ của người nhận thư, hán lấy trong ba lô để dưới chỗ hán ngồi một phong bì có dán tem sẵn, đánh máy địa chỉ, cho thư vào rồi le lưỡi liếm keo dán lại.

Người khách hàng chỉ còn có cho thư vào thùng thư đứng ở góc đường gần đó. Dĩ nhiên, khi hán tính tiền, hán tính cả tiền giấy, phong bì, tem... Thư gởi đi Pháp hay đi Bỉ đều cùng một giá. Cho nên đã thành lệ, sau vài câu chào hỏi, khách hàng cứ đặt tiền trước lên bàn rồi đợi hán sửa bộ kéo bàn vào lòng với cái máy đánh chữ lúc nào cũng "ngậm" sẵn một tờ giấy, là bắt đầu tỉ tê kể lể... Còn đơn từ thì hán dùng phong bì không có tem, bởi vì khách hàng mang tay đến nộp thẳng cho cơ quan liên hệ. Loại "đơn từ" này, hán vẫn lấy bằng giá với "thư nhà", bởi vì, theo hán giải thích, viết cho hành chánh khó gấp mấy lần viết cho thân nhân. Bớt con tem nhưng thêm nhiều công suy nghĩ!

Một hôm, có ông già Á đông - ốm nhom, già khú - đi lang thang với điều thuốc trên môi, ngang qua đó nghe tiếng đánh máy lọc cọc nên tò mò đứng lại nhìn. Đợi anh đen làm xong công việc, ông già mới chào hỏi làm quen. Anh đen rất ngạc nhiên vì ông ta nói tiếng Pháp rất trôi chảy rành rọt, không giống những người Á đông mà anh đã từng gặp hay quen biết. Ông già ghé đít ngồi lên bệ thềm gần đó, hỏi:

- Ông làm nghề gì vậy?

Anh đen nhăn răng cười:

- Viết thư dùm người ta, người ta trả tiền. Ông không thấy bà hồi nãy cầm phong bì đi sao?

- Thấy. Nhưng mà hồi nãy hai người nói với nhau bằng thổ ngữ nên tôi không hiểu.

Ngừng một chút, ông già lại hỏi:

- Làm ăn có khá không?

- Ô! Cũng tạm được.

Hán chỉ qua bên chợ:

- Khách hàng của tôi là mấy bà buôn bán ở bên kia. Họ không biết chữ, mà con cái họ thì đi làm công bên Pháp bên Bỉ hết. Thành ra, ngày nào cũng viết dùm vài cái thư, lai rai... Với lại ở xứ này, người ta hay thưa gởi kiện cáo lắm nên có công việc làm hoài! Rồi hán nhìn ông già từ đầu đến chân:

- Còn ông? Ông làm nghề gì ở đây?

- Già quá đâu có ai mượn. Ở không, đi lang thang.

Anh đen lại nhìn ông già ra về tội nghiệp:

- Rồi lấy gì sống?

- Sống nhờ con. Con gái ở nhà làm nem. Thằng em nó đạp xe đi bán. Khá chật vật!

- Ông người Tàu hả?

- Không. Tôi người Việt Nam.

Nói xong, ông già thở dài. Tội nghiệp cho cái xứ Việt Nam của ông! Nhược tiểu đến mức độ mà người dân khi ra ngoại quốc cứ bị thiên hạ gọi là người Tàu!

Ông già đưa bao thuốc lá mời anh đen:

- Hút một điếu chơi.

- Cám ơn. Tôi không biết hút thuốc.

Ngừng một chút, anh ta hỏi:

- Nhà ông ở đâu?

- Ở tuốt trên Cocody, gần nhà thờ.

- Xa quá há. Rồi ông đi bằng gì xuống đây? Xe buýt hả?

- Đi bằng xe đạp. Đạp xuống thì dễ, đạp về leo dốc mới mệt!

Anh đen lại nhìn ông già một lúc, mới nói:

- Ông nói tiếng Pháp rành quá mà không đi làm việc cũng uống.

- Già như tôi thì còn làm được gì?

- Tuổi tác ăn nhập gì, trình độ văn hoá mới cần chớ!

Ông già hít mấy hơi thuốc, suy nghĩ. Một lúc sau ông háng giọng rồi hỏi:

- Ông thấy tôi làm cái nghề viết mượn được không?

Anh đen nhăn răng cười hớn hờ:

- Được chớ! Được chớ!

Rồi đề anh ta nghị:

- Ông cứ ngồi kể bên đây! Đừng ngại gì hết! Cả khu Plateau chỉ có một mình tôi làm nghề này.

Có thêm ông càng vui.

Thấy dễ dàng quá, ông già đứng ngăn ra, chưa kịp nói lời nào thì anh ta nói tiếp:

- Vậy, sáng mai ông đem máy đánh chữ ra, nghen.

- Tôi không có máy đánh chữ. Tôi viết tay được không?

Giọng anh đen hơi xìu xuống:

- Ồ... cũng không sao. Cứ ra đây đi, rồi tính.

Ông già mừng rỡ, bắt tay anh đen, nói "Cám ơn! Cám ơn! Ông tốt bụng quá!", rồi đi xăng xớm về chỗ để xe đạp trước ngân hàng gần đó, mở khoá lấy xe phóng lên đạp đi mà nghe như vừa được bơm vào người thêm nhiều sinh lực!

Mấy hôm sau, ông già xin được của hội nhà thờ một cái bàn và ba cái ghế bằng nhôm loại xếp được để đi pique-nique. Ông mua một mớ giấy viết thư, phong bì, tem, bút bi rồi đạp xe đạp chở bàn ghế đến ngồi cạnh anh đen, hành nghề viết mượn. Buổi sáng đó, trước khi rời nhà, ông lầm bầm: "Bữa nay đúng là một ngày đẹp trời!"...

Ông già ngồi đã ba hôm, chẳng có một ai đến nhờ viết! "Khách hàng" cứ nhờ anh đen. Thấy vậy, anh ta an ủi:

- Đừng buồn. Từ từ rồi sẽ có khách. Tại ông không có máy đánh chữ nên người ta không biết đó thôi.

Một hôm, có hai bà cùng đến một lúc. Anh đen tiếp một bà rồi nói với bà kia:

- Nếu bà gấp thì bước qua ông đồng nghiệp của tôi đây, ông giúp cho. Ông viết tay, nhưng cần gì! Viết tay hay đánh máy cũng vậy thôi! Điều cần thiết là viết làm sao cho người đọc hiểu.

Bà khách ngần ngừ một lúc rồi bước qua ngồi lên cái ghế xếp trước mặt ông già. Như thông lệ, bà ta đặt tiền lên bàn rồi bắt đầu kể lể bằng thứ tiếng Pháp không có văn phạm. Ông già ngồi chống cằm, lắng tai nghe.

Thấy ông viết mượn không viết gì hết, bà khách ngừng kể, lấy làm lạ nhìn ông:

- Sao ông không viết?

- Thưa bà, tôi đang nghe bà kể, đây.

Bà ta chỉ anh đen:

- Sao kỳ vậy? Ông làm không giống anh này! Với anh ta, khi tôi bắt đầu nói là anh ta bắt đầu gõ. Còn ông thì không nhúc nhích gì hết!

Ông già phì cười, giải nghĩa chậm chậm:

- Xin lỗi. Tôi phải nghe bà kể hết những gì bà muốn nói cho người con của bà, rồi tôi mới sắp xếp câu văn để viết. Bà biết không, viết thư phải viết cho mạch lạc thì người con của bà mới hiểu được hết cái ý của bà, bà hiểu không?

Bà khách ngần ngừ rồi gật đầu. Ông già đốt điếu thuốc, nói tiếp: "Bây giờ, xin bà kể lại. Từ từ kể lại, tôi nghe". Bà khách liếc nhìn ông rồi nhìn vội xuống hai bàn chân của bà, thấp giọng kể... Bà khổ lắm, buồn bán ế ẩm, con dâu mang bầu đừa thứ năm gần sanh mà cứ đau rề rề, mấy đứa cháu nội đi mót khoai mót củ nhưng không đủ ăn, bà đã gửi ba cái thư xin tiền thằng con, xin nó thương vợ thương con của nó neho nhóc, chắc thơ đã đi lạc nên không thấy hồi âm, bà khổ lắm, không biết thằng con ở bên Pháp còn sống hay đã bị cái gì rồi... Bà khách ngừng kể, kéo ống tay áo lên lau nước mắt.

Nghe xong, ông già viết mướn, chừng như xúc động, làm thỉnh hít mấy hơi thuốc dài. Bà khách len lén nhìn ông rồi lại nhìn xuống chân của bà, hai bàn chân cùi đày nằm trong đôi dép cao su rách bươm lấm lem bùn đất. Bà đợi. Suy nghĩ một lúc, ông già mới lấy giấy viết. Lâu lâu, ông ngừng lại nhìn xa xăm qua chợ nằm phía đối diện như để tìm chữ tìm câu. Rồi lại cúi đầu viết tiếp. Viết xong, ông hỏi:

- Bà cần tôi đọc lại không?

Bà khách chớp chớp mắt, lắc đầu. Bà đưa cho ông địa chỉ của người con, ông chép lên phong bì đã dán tem, cho thơ vào dán lại rồi trao cho bà khách. Bà cầm thơ lật qua lật lại nhìn như thiếu tin tưởng, rồi đứng lên làm thỉnh đi về hướng thùng thơ đứng ở góc đường. Ông già nhìn theo, lòng nghe chơi vơi như chính ông đang đi gửi thơ cho thằng con...

Ngày nào ông già viết mướn cũng mang đồ ra ngồi cạnh anh đồng nghiệp đen, nhưng không phải ngày nào ông cũng có khách. Lâu lâu, có dư người thì anh đen "đẩy" qua cho ông. Anh ta nói đùa: "Đồng nghiệp mà! Phải giúp nhau chớ!" Ông cười chua chát: "Cám ơn! Cám ơn! Nhờ lòng tốt của anh mà tôi cũng vớt vát được một hai người".

Một hôm, anh đen bỗng hỏi:

- Hồi trước ông làm gì ở Việt Nam?

- Buôn bán.

Ông không muốn nói hồi đó ông là chủ hai nhà thuốc tây, khá giàu.

- Rồi tại sao ông đi qua đây vậy?

- Tại làm ăn không được. Tại... tại nghèo.

Ông không muốn nói "cách mạng" đã tịch thu tài sản của ông, gia đình ông sống cầu bơ cầu bắt ở vùng kinh tế mới, vợ ông chết ở trên đó, ông và hai đứa con trốn về thành phố sống chui như bầy chó hoang, ăn nhờ ở đậu...

- Bộ ông có quen ai bên này hả?

Đến đây thì ông già không giấu giếm gì hết:

- Đâu có. Tôi đâu có quen ai. Tôi nghe nói Nhà Nước Côte D' Ivoire dễ dãi và tốt bụng nên tôi viết đại một lá thơ dài gửi thẳng cho ông Tổng Thống, trong đó tôi kể hết hoàn cảnh bi đát của tôi. Tôi viết mà không có hy vọng gì hết.

- Ô... Tại ông không biết chớ Tổng Thống Houphouet của tụi này rất bình dân và thương người lắm!

- Bây giờ thì tôi biết. Bởi vì sau bức thơ của tôi, tôi nhận được visa và luôn vé máy bay cho ba cha con tôi nữa. Chuyện thật khó tin.

- Gì mà khó tin? Tổng Thống tụi này hay làm những "cú" ngoạn mục như vậy lắm! Chắc ông viết thơ cũng phải hay lắm nên mới làm xúc động "Le Vieux" (Ông Già).

Ở Côte d' Ivoire, dân chúng thương Tổng Thống Houphouet nên khi nói chuyện với nhau họ gọi ông là "Ông Già" một cách triu mến.

- Hồi đó tôi viết giống như tôi muốn than thở với một người nào đó để cho vơi nỗi thống khổ của mình, chớ đâu dè. Nhận được giấy tờ, tôi như trên trời rớt xuống!

Đến đây, ông già không nói rằng ông đã bán mấy chiếc nhẫn cất giấu từ sau trận nhà nước đánh tư sản, để chạy lo vô hộ khẩu của người bà con xa, rồi chạy lo chiếu khán xuất cảnh v.v...

Ông chỉ nói:

- Hồi qua đến phi trường Abidjan, cha con tôi không biết đi đâu ở đâu. Tôi phân trần với chánh quyền sở tại, họ điện thoại gọi hội "Anciens d'Indochine". Nhờ hội này giúp nên tụi tôi mới có căn nhà nhỏ ở Cocody và chút vốn làm nem đi bán dạo, sống lây lất tới bây giờ...

- Tôi nghe nói người Việt Nam tỵ nạn ở Pháp ở Mỹ nhiều lắm. Bộ ông không có bạn bè bà con định cư ở các xứ đó sao?

- Có chớ.

- Sao ông không viết thư cho họ? Kể đi trước giúp người đi sau là sự thường mà.

Ông thở dài, hít mấy hơi thuốc rồi mới nói:

- Tôi có viết thư chớ. Chỉ viết thăm thôi và báo tin rằng tôi đã đến Côte d'Ivoire. Nhưng không thấy ai trả lời hết.

- Có lẽ không đúng địa chỉ chăng.

- Đúng chớ! Nếu không đúng nó phải được trả về, bởi vì tôi có ghi rõ địa chỉ người gởi mà. Hồi ở Việt Nam người thân của họ cho tôi địa chỉ và tin tức, nói họ bây giờ ổn định và khá lắm.

- Ở... sao vậy há?

- Chắc họ sợ tôi xin tiền...

Ông cười khẩy một tiếng nghe như ông muốn khạc ra một cái gì chận ngang cổ họng, một cái gì vừa cay đắng vừa nhèm tởm. Ông nhớ lại hồi thời "vàng son", bạn bè bà con của ông tới lui nhà ông ăn nhậu hà rằm, trong số đó có nhiều người đã được ông giúp đỡ cư mang. Vậy mà bây giờ... Ông hít một hơi thuốc thật sâu rồi nhả khói ra từ từ làm khoảng trống trước mặt bị mờ đi, giống như ông muốn xoá bỏ trong đầu hình ảnh của mấy thằng bạn bè mấy người bà con mà ông vừa nhớ lại... Anh đồng nghiệp da đen suy nghĩ một lúc lâu rồi nghiêng người qua vờ vai ông và cái nhẹ nhẹ, một cử chỉ an ủi tầm thường như vậy mà ông già viết mướn bỗng thấy nó đẹp vô cùng. Ông xoay người qua bắt tay anh đen, không nói gì hết, nhưng ông chắc chắn rằng anh bạn đó hiểu là cái cảm ơn của ông già Việt Nam lưu vong...

Một hôm, bà khách hàng đầu tiên của ông già viết mướn mang biếu ông hai trái xoài Caméroun (loại xoài xứ Caméroun ngon nổi tiếng vùng Phi Châu Da Đen) vừa cười vừa nói:

- Tôi cảm ơn ông. Nhờ cái thơ của ông mà thằng con của tôi hồi tâm. Nó gởi tiền về, kèm theo một cái thơ dài. Nó nói nó đọc thơ của ông nó khóc quá! Nó lạy lục xin tôi tha tội cho nó. Nó nói là nó có vợ và một con ở bên Pháp nhưng nó thề sẽ gởi tiền về đều đặn để nuôi tụi này... Tôi vui quá! Vui quá!

Bà ta nói một hơi, nói thứ tiếng Pháp "ba xí ba tú", nhưng trong giọng nói nghe đầy xúc động. Nói xong, bà kéo ống tay áo lên lau nước mắt. Ông già nhớ lại cách đây hơn mười bữa, bà cũng kéo áo lên lau như vậy sau khi kể lể sự buồn khổ của bà. Thì ra, cái vui cái buồn vẫn giống nhau ở giọt nước mắt!

Ông già mỉm cười:

- Tôi viết mướn, bà trả tiền, có gì đâu mà bà cảm ơn?

- Không nhờ cái thơ của ông, không biết tụi này còn khổ sở đến đâu. Cảm ơn! Cảm ơn!

Nói xong, bà đi trở qua chợ. Ông già đưa một trái xoài cho anh đen:

- Anh cầm lấy để chia vui với tôi!

Anh ta cầm trái xoài trên tay nhìn ngấm một lúc rồi nói:

- Làm nghề này đã hơn 5 năm, tôi chưa được khách hàng tặng quà bao giờ. Ông mới ra nghề mà được như vậy là ông viết thơ phải hay lắm.

- Thì cũng ráng viết vậy thôi.

- Đâu được! Viết mà làm xúc động người đọc đâu phải dễ. Bây giờ tôi hiểu tại sao ông tổng thống của tụi tôi đã gởi tặng ông visa và vé máy bay!

Ông già viết mướn đốt điếu thuốc, thở khói một cách sáng khoái. Ông nhớ lại ngày xưa, thuở

thiếu thời, ông lúc nào cũng đứng đầu về luận văn, và về sau ra đời, ông cũng có lai rai vài ba truyện ngắn đăng báo này tạp chí nọ. Viết, đối với ông, là để giải tỏa tâm tư, một cách giải tỏa trầm lắng và sâu đậm hơn là nói. Cho nên trong đời ông, ông rất thích viết, nhứt là viết thơ cho bạn, những người cũng thích viết như ông hay ít ra cũng biết viết vài dòng hồi âm hay vài chữ để hỏi thăm nhau...

Hai hôm sau, có thêm một bà mang đến mấy trái cam để cảm ơn ông đã viết thơ cho chồng bà có vợ đầm ở Bỉ. Rồi cứ như vậy, vài hôm là có người đến cảm ơn, cho quà, khi thì chai đậu phộng (ở đây, sau khi rán, đậu được cho vào chai lít đầy tới miệng rồi đóng nút để giữ cho được dòn lâu. Người nghèo bản xứ hay ăn đậu phộng với bánh mì...) Khi thì mấy trái cà chua, vài bó rau cải... Có gì cho nấy, không nề hà! Ông già nhận hết, bởi vì ông thấy làm như vậy, người cho rất vui. Cái vui của họ được bộc lộ ra một cách rất thiết tha: họ quay lưng bước đi, vừa vỗ tay thành nhịp vừa lắc lư nhún nhảy. Lần nào ông cũng nhìn theo, thấy cũng vui lây...

Vậy rồi không biết họ đồn với nhau thế nào mà khách hàng cứ đến nhờ ông viết. Những người cần làm đơn từ cũng đến nhờ ông! Bên anh đen đồng nghiệp thấy thừa khách. Ông già bèn đề nghị: "Tình trạng này kéo dài coi kỳ quá! Tôi đề nghị anh bạn như thế này: tôi lãnh viết thơ nhà, anh lãnh viết đơn hành chánh. Minh cứ nói đơn hành chánh phải được đánh máy cho sạch sẽ để đọc thì các cơ quan mới mau chóng cứu xét. Anh đồng ý không?" Anh đen nhăn răng cười, bắt tay ông một cái đau điếng!

Từ đó, thấy khách đến, anh đen trịnh trọng nói: "Đơn từ thì ở bàn này. Thơ cho thân nhân thì bước sang bàn ông bạn đồng nghiệp của tôi đây!" Lần hồi, khách hàng cũng quen nên cả hai người viết mướn cùng có việc làm đều đặn. Và càng ngày càng đông khách.

Một hôm, anh đen hỏi:

- Tôi cứ thắc mắc: Làm sao viết thơ mướn mà ông viết hay được như vậy?

- Tại anh không biết. Xưa nay tôi say mê viết. Tôi thích viết cho một người nào đó để giải bày, để chia xẻ những cảm nghĩ những suy tư của mình, chọn lời cho đúng, chọn câu cho hay... thú lắm! Ông già ngừng nói, hít chậm chậm một hơi thuốc rồi chép miệng:

- Bây giờ tôi chẳng còn ai để mà viết. Bạn bè thì anh biết đó. Chúng nó cũng như người vừa đi vừa điếc, viết uổng công. Cho nên làm nghề viết mướn này, tôi có chỗ để viết. Tôi khổ cái khổ của khách hàng, tôi vui cái vui của khách hàng, tôi tâm sự cái tâm sự của khách hàng. Tôi viết với tất cả những xúc cảm chân thật đó, viết mà không nghĩ là mình viết mướn!

Anh đen vỗ tay đôm đốp, khen:

- Hay! Ông nói hay quá! Bây giờ tôi mới hiểu tại sao khách hàng mến mộ ông như vậy! Tổng thống tụi tôi đem ông qua đây, đúng là ông có con mắt!

Rồi hần cười hắc hắc làm ông già cũng bật cười theo. Cả hai, không người nào nhớ rằng mình da đen hay mình da vàng, họ chỉ biết họ là hai người viết mướn.

Hai năm sau... Một hôm ông già bỗng thèm viết cho mấy thằng bạn hồi đó. Viết cho mỗi người một cái thơ, lời lẽ y chang như nhau. Viết bức thơ cuối cùng cho họ. Viết để cho họ thấy rằng ông phải dít phải tay, dứt khoát không còn bận bịu gì nữa với quá khứ, với lớp bụi đất đã ăn bám vào ông hồi thuở "vàng son".

Ông đốt điếu thuốc, suy nghĩ. Đại khái, ông sẽ viết:

"Thưa anh... gì gì (hay chị...gì gì)

Tôi viết thơ này để báo tin cho anh... (hay chị...) mừng dùm cho cha con chúng tôi. Tụi này đã định cư luôn ở Côte d'Ivoire. Bây giờ, đời sống tụi này đã ổn định, cuộc sống tương đối khá. Hai con tôi có cửa hàng bán nem ở chợ Cocody, thiên hạ đến mua cũng đông. Còn tôi thì làm nghề viết mướn, khách hàng cũng nhiều. Được như vậy là nhờ ở xứ đen này, con người thấy đen nhưng lòng dạ của họ không đen chút nào hết. Chẳng bằng người Việt mình, nhiều người bề ngoài trắng trẻo lịch sự nhưng lòng của họ chẳng những đen mà còn bạc nữa, anh...(hay chị...) có thấy như vậy không?..."

Nghĩ đến đó, ông già bật cười khan một mình!

## Giới thiệu tác phẩm của nhà văn Tiểu Tử: *Chuyện thuở giao thời* Huyền Tâm

Tác phẩm mới "*Chuyện Thuở Giao Thời*" của nhà văn Tiểu Tử được trình làng vào lúc 13 giờ 30 ngày mùng 3 tháng 1 năm 2015 tại Nhà thờ Choisy, như tên gọi quen thuộc của phần đông Người Việt Nam ở Pháp và Paris, tên chính thức là Eglise Sainte Hippolyte (*Salle de la Roulotte*), số 27, Avenue de Choisy, 75013 Paris.

Không ai ngờ hình ảnh của buổi chiều mùa Đông Paris hôm ấy lại tuyệt đẹp đến như vậy. Người ta chợt có cảm tưởng như nay là mùa Xuân giá lạnh. Buổi giới thiệu "*Chuyện Thuở Giao Thời*" của Tiểu Tử được các Hội Ái hữu ở Paris cùng đứng chung tổ chức, như Đại học Sư phạm Sài Gòn, Ái hữu Gia Long Paris, Ái hữu Petrus Ký Pháp, Ái hữu Petrus Ký Âu Châu, Ái hữu Hải Quân-Hàng Hải VNCH, Câu lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam Paris, Cộng đồng Người Việt Quốc Gia Tự Do, và Gia đình KH Cao Niên. Phải nói buổi sinh hoạt "chữ nghĩa" hôm ấy được tổ chức bởi một Ban Tổ chức rất hùng hậu. Một việc rất hiếm ở Paris từ khá lâu. Và một điều vô cùng quan trọng nữa, rất đáng ghi nhận như một biến cố đã phá mất đi cái tập quán kiên cố của bà con ta xưa nay "*Không đi trễ, không phải Việt Nam*", buổi hôm ấy khai mạc đúng 1 giờ 30 như ghi trong Thư Mời. Về mọi liên quan đến buổi giới thiệu tác phẩm của Tiểu Tử, Thư mời ghi rõ liên lạc với Nguyễn Thị Mỹ, Phạm Hữu Thành, Trần Thị Thanh Hương.

### Một thành công ngoài mong đợi

Thời tiết mùa đông, trời mưa, mới mùng 3 Tết, phần lớn bà con còn thiếu xức Tết vì Tết chỉ vừa mới qua, vậy mà phòng Salle de la Roulotte của Nhà thờ Choisy khá rộng mà chật cứng người. Trên trăm người tham dự. Số người đi trễ theo thói quen, mời 1 giờ 30, tới 2 giờ là vừa, phải đứng và đứng cả ngoài hành lang. Nhưng tất cả đều vui vẻ và ở lại cho tới bế mạc. Đây cũng lại là một hiện tượng không bình thường của bà con ta nữa vì, xưa nay, không ít người tới cho có mặt, rồi đi sớm. Người ta hỏi phải chăng vì ngưỡng mộ nhà văn, đã đọc qua các tác phẩm trước như "*Những Mảnh Vụn*", "*Bài Ca Vọng Cổ*", "*Chị Tư Ú*" của Tiểu Tử? Hay vì cảm tình sâu đậm với Ban Tổ chức vì những Hội Ái hữu này có một quá trình sinh hoạt chung với nhau lâu đời ở Paris? Hay vì chương trình Văn nghệ hấp dẫn do nghệ sĩ của "*Hội Cao niên*" Paris trình diễn? Cừ nhìn tên các Hội, thì Hội nào cũng là Hội của hội viên phải trước 30/04/1975. Tính ra có phải hội viên nào cũng đã ăn lễ Lục tuần rồi nếu không đã qua "*Thất thập cổ lai hi*"?

Thật tình phải thừa nhận buổi giới thiệu sách của Tiểu Tử hôm ấy thành công ngoài sự mong đợi. Chính Ban tổ chức đã không dám chủ quan mượn phòng lớn hơn.

Trước khi bế mạc, nhà thơ Đỗ Bình phát biểu cảm tưởng cũng nhìn nhận buổi lễ hôm ấy thành công ngoạn mục. Theo ông, người có nhiều kinh nghiệm về "*Ra mắt sách*", đã không dám tổ chức ở Paris, mà phải qua tận Thủ đô Tỵ nạn ở California, Hoa Kỳ, để tổ chức ra mắt sách của ông và Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên. Ông còn nhấn mạnh ở Mỹ, nơi có đông đảo người Việt như vậy, mà có khi "*Ra mắt sách*" có không quá mười người tham dự. Người ta sợ thất bại nên phải đưa vào tiệm cà-phê tổ chức với nhau!

### Một buổi chiều mừng 3 Tết

Tất cả mọi người tới tham dự đều cảm thấy hài lòng. Có cả độc giả trẻ đến từ vài quốc gia lân cận của Âu Châu bằng xe nhà. Xin mời bạn đọc xem *photo* dưới đây để hình dung được không khí đầy ấp tình cảm nồng nàn của mọi người dành cho nhà văn Tiểu Tử. Và đồng thời hưởng ứng Thư mời của Ban Tổ chức.





Quang cảnh Hội trường buổi giới thiệu sách của Tiểu Tử (ảnh Huỳnh Tâm)

Đặc biệt có nhiều diễn giả quen thuộc trong Cộng đồng Người Việt Paris được Ban Tổ chức mời phát biểu về tác giả và tác phẩm.

### Vài hàng về Nhà văn Tiểu Tử

Nhà văn Tiểu Tử tên thật là Võ Hoài Nam. Từ lâu nay, ông vốn là người bạn thân của đông đảo độc giả, không riêng của người Việt Nam tại Paris, mà cả trên khắp thế giới, cả ở Việt Nam nhờ hệ thống internet. Khi đã đọc qua Tiểu Tử, người đọc thường khó quên văn của ông, nhất là những câu chuyện của ông. Đó là những mẫu chuyện thật trong đời sống của người dân Việt nam sau ngày mất nước. Nó thấm sâu vào tâm tư của mọi độc giả, mãi mãi ở lại với độc giả. Như "*Thằng Jean, Con Mén, Made in Việt Nam, Chị Tư Ủ, Con Rạch quê mình...*"

Từ đó, có thể khẳng định tên Tiểu Tử được đông đảo bà con người Việt ở khắp nơi quen biết, thân tình hơn là tên của người thật.

Ông Võ Hoài Nam năm nay hưởng được lộc trời 84 năm. Thọ nhưng chưa tới Thượng Thọ theo thang tuổi Thọ ngày nay. Thượng Thọ phải từ 120 tuổi. Huỳnh Tâm kính chúc ông ung dung hưởng Thượng Thọ. Để viết thêm nhiều chuyện nữa.

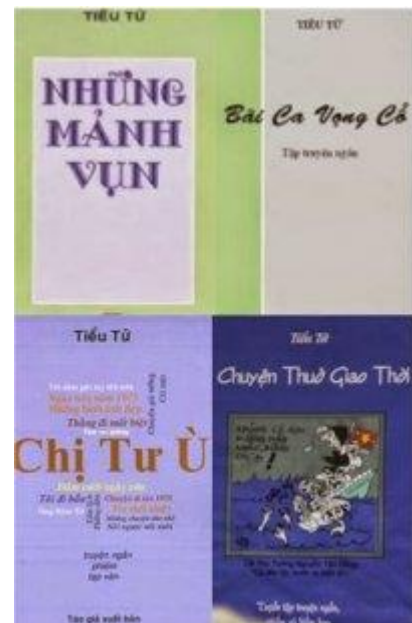
Ông tốt nghiệp kỹ sư Điện ở Marseille và về nước vào giữa thập niên 50. Những năm đầu, ông dạy Lý Hóa ở Trường Petrus Ký. Sau đó làm việc cho hãng xăng Shell.

Ông viết nhiều và có sách xuất bản từ mười năm nay, sau khi ông nghỉ hưu. Trước 1975, ở Sài Gòn, ông có viết chuyện biếm cho vài nhật báo bạn. Giờ rảnh, ông học vẽ và ông có khá nhiều tranh. Gần đây, ở Pháp, ông có đem tranh tham dự nhiều triển lãm. Trong giới mê tranh, không ít người yêu tranh của ông.

Chúng tôi bước vào phòng họp đúng lúc Chương trình vừa bắt đầu.

Bà Thanh Hương, Chủ Trang Web Đại Học Sư Phạm Sài Gòn, thay mặt Ban Tổ chức, vấn tắt tuyên bố khai mạc buổi lễ.

Dược sĩ Josephe Huỳnh nói tại sao ông không phải nhà văn, không phải nhà xuất bản mà lại nhận in sách "*Chuyện Thuở Giao Thời*" cho Tiểu Tử. Ông nêu lên ý rất tế nhị và vô cùng đẹp, tuy mới nghe qua như nó không





rõ nghĩa lắm "Ông chọn làm việc này mà thật ra không phải chọn lựa". Ông cắt nghĩa "chọn lựa" là làm việc bằng cái đầu. Nhận lãnh làm mà không chọn lựa vì hành động theo con tim của mình. Ông đảm nhận việc in ấn chỉ vì muốn sách của Tiểu Tử phải được phổ biến. Tuy số lượng ít nhưng nó sẽ được lưu lại với thời gian. Một ngày kia, có người bắt được đọc qua, sẽ rung động theo nhịp tim của tác giả, sẽ thấy văn chương của Việt Nam không phải như thứ văn chương của CHXHCN ngày nay ở Việt Nam.

Tiếp theo, các ông Nguyễn Văn Trần, Từ Thức, Phạm Hữu Thành và Trần Thanh Hiệp lần lượt nhận xét và đánh giá tác phẩm và văn chương của Tiểu Tử. Ai cũng nhìn nhận văn và truyện của Tiểu Tử rất đặc biệt, nó dành cho Tiểu Tử một chỗ đứng nhứt định trong văn học Việt Nam. Ông viết về đời sống thực tế của Nam kỳ, nhân vật đặc sệt Nam kỳ, khung cảnh xã hội cũng Nam kỳ. Nhất là lời văn hoàn toàn không ảnh hưởng Tự Lực Văn Đoàn, mà không quá Sài gòn, nó như mang hơi hướng một Sơn Nam, một Bình Nguyên Lộc, một Lê Xuyên...

"...Văn của Tiểu Tử bình dị, mộc mạc của người miền Nam, dù đọc giả chai đá tới đâu, khi đọc Tiểu Tử cũng không cầm được nước mắt. Người ta khóc, nhưng sau đó thấy ấm lòng, vì thấy trong xã hội đảo lộn, vẫn còn tình người, vẫn còn đầy thương yêu, vẫn còn nghĩa đồng bào và thấy đời còn đáng sống. Văn chương, trước hết là xúc động. Trong truyện ngắn của Tiểu Tử, sự xúc động hầu như thường trực" (Từ Thức).

"...Những truyện ngắn của nhà văn Tiểu Tử hầu hết là những chuyện thật thương tâm, đầy nước mắt của người dân miền Nam sau ngày "cách mạng thành công" với bao cảnh đọa đày, bắt công, áp bức... khi đọc truyện Tiểu Tử tôi như sống lại những hình ảnh làng quê của một thuở thanh bình êm ả, thuở mà người dân còn biết lấy đạo đức, lễ nghĩa để cư xử với nhau... tất cả lại hiện ra rõ ràng trong tâm trí tôi, khiến tôi bồi hồi xúc động. (Phạm Hữu Thành).

Cụ Trần Thanh Hiệp, một trong những người chủ trương tạp chí Sáng Tạo của thập niên 1950/1960 ở Sài gòn, nguyên Chủ tịch sáng lập Văn Bút Việt-Nam Hải Ngoại, phát biểu:

"...Những diễn giả vừa phát biểu đã lấy hết suy tư của tôi, mỗi người mỗi ý quá phong phú, riêng tôi muốn đề cập một khung cửa Văn học, sử học và hiện tượng sống qua ngôn ngữ, rung cảm trong một tác phẩm văn học quốc ngữ Việt Nam, từ văn viết đến văn nói... và đọc sách mua sách cũng là một hành động văn học. Hiện nay trên thế giới có 5000 ngôn ngữ, trong tương lai chỉ còn 2500 ngôn ngữ, tôi tin rằng ngôn ngữ Việt Nam vẫn còn tồn tại bởi trong ngôn ngữ Việt có sự tiếp nối và gắn sâu liền cuộc sống như sự trưởng thành của cây Bần, cây Đước bám sâu vào đất...". Tổng hợp những tác phẩm của Tiểu Tử kể chuyện văn biếm đời, văn biếm trong hội họa về những bối cảnh của quê nhà, sau ngày miền Nam Việt Nam bị Cộng sản cưỡng chiếm. Quả thực lịch sử hiện nay do những người vô danh làm nên cách mạng và văn chương cũng thế.

### Tác giả "Chuyện Thuở Giao Thời" nói với thân hữu



Trước hết chào quý anh chị em và ban tổ chức đã tạo điều kiện cho tôi được hiện diện nơi đây và sự gặp nhau trong lòng chân thành này, kính xin đa tạ. Thưa quý anh chị em, những gì tôi muốn trình bày ở đây đều đã có những diễn giả trình bày đầy đủ suy tư và cô đọng trong những tác phẩm của tôi.

Nhân dịp này tôi xin kể chuyện đời của tôi vừa trải qua 84 năm. Tôi bị bệnh tim, sau đó thay "van" động mạch chủ, phải giải phẫu mổ lồng ngực, cũng may tôi qua khỏi bệnh, rời giường bệnh về nhà. Nhớ lại thuở ấu thơ, tôi bật tiếng cười... khi mình còn nhỏ cha mẹ

đi dặt từng bước một, tập đi chập chững, mỗi bước đi cả nhà đều vui mừng, vỗ tay khuyến khích. Và sau 84 năm, tôi cũng bắt đầu tập đi từng bước một như thời thơ ấu, lần này vợ con tôi

điều dắt tập tôi đi từng bước một, cho đến nay đi khá vững và ngồi được lâu, trong ngày giới thiệu sách "*Chuyện Thuở Giao Thời*". Như vậy tôi đã có hai lần tập đi trong đời, rất lý thú.

Các bà tranh nhau tới đứng gần tác giả "*Chuyện Thuở Giao Thời*" chụp hình kỷ niệm ngày vui hôm nay. Rất cảm động. Một buổi chiều mùa Đông mà ấm áp như mùa Xuân. Thật đúng.

Sau cùng, các bà biết Tiểu Tử biết ca vọng cổ, yêu cầu ông ca cho hội trường nghe một câu mà thôi.

Hôm nay là lần đầu tiên, từ trước khi mổ tim, ông ngồi suốt bốn giờ liền mà chưa thấy mệt. Bệnh tim thường do ảnh hưởng ngoại cảnh. Tiểu Tử cất tiếng đờn miêng để bắt nhịp vô vọng cổ. Ông ca "*Đường về quê ngoại*". Tuy sức còn yếu nhưng ngoại cảnh giúp sức, ông xuống câu cũng mùi tận mạng.

Cả hội trường, nhất là các bà, ai cũng nhiệt liệt vỗ tay tán thưởng. Muốn yêu cầu ca tiếp câu nữa, nhưng bà con không dám...

Văn nghệ cho tới bế mạc để trả lại phòng họp vào 17 giờ.

Nguồn: [danlambao.blogspot.com](http://danlambao.blogspot.com)

## Tô cháo huyết

Xe cháo huyết của bà xắm đó nằm trên vỉa hè phía đối diện với rạp hát Casino Đakao, gần trụ đèn xanh đèn đỏ. Thành ra khi đi về hướng Gia Định, gặp đèn đỏ, ngừng xe lại là thấy nó ngay ở bên tay mặt.

Hồi mới "giải phóng", còn chút đỉnh tiền, chiều đi làm về tôi hay tấp vô đó "làm" một tô cháo huyết có kèm theo một đĩa giò-cháo-quẩy cắt khoanh. Không biết có phải tại vì buổi trưa ăn không đủ no thành ra chiều nghe đói sớm hay sao, mà lúc nào tôi cũng thấy cháo huyết của bà xắm đó thật là ngon !

Cháo nấu nhừ, huyết cắt vuông thành từng miếng vừa vặn nhỏ để được nằm gọn trong lòng cái muỗng nhôm. Múc một muỗng vừa có cháo vừa có huyết đưa lên môi thổi cho bớt nóng trước khi cho vào miệng, mà nghe thơm phức làm chảy nước miếng. Còn giò-cháo-quẩy cho vào cháo, dù đã được cắt khoanh, nhưng vẫn giữ nguyên cái giòn của nó. Cái "béo" của giò-cháo-quẩy làm cho cái "bùi" của cháo càng thêm đậm đà, và cái "giòn" của giò-cháo-quẩy thì thật "ăn rơ" với cái mềm mềm cứng cứng của huyết.

Lâu lâu, nhai nhăm một sợi gừng làm nong lên trong miệng, ngon không chê được ! Bà xắm gọi tôi bằng "thầy Hai". Sau "giải phóng", từ ngữ cũng đã được đổi thay – cho nó hợp với... tác phong cách mạng – không còn gọi "ông A, bà B" gì nữa. Không còn xưng hô "thầy X, cô Y" gì nữa. Mọi giai tầng xã hội đều được xóa bỏ, mọi chênh lệch tuổi tác hầu như được sang bằng.

Trong... "xã giao thường thức", để gọi nhau, người ta chỉ còn dùng có hai từ "anh" và "chị", vừa ngắn gọn lại vừa... bình đẳng nữa ! Thành ra thấy được xử dụng rất thoải mái và... xả láng ! (Một hôm, một thằng bé cỡ tuổi cháu tôi đã gọi tôi bằng "anh"... ngon lành ! Có lẽ trong lòng nó cũng khoái được trịch thượng như vậy. Bởi vì nó biết "thằng chả không làm gì mình được" ! Đồi đời... sướng ở chỗ đó !).

Vậy mà bà xắm vẫn gọi tôi bằng "thầy Hai", thản nhiên không ngưng nghịu gì hết ! Có lẽ tại thói quen. Cũng như tôi vẫn gọi bà bằng "thím xắm" chứ không là... "chị xắm" với tiếng "chị" rất... thời trang từ ngữ ! Mặc dù bây giờ người ta hay nghi ngờ, dè dặt, bà xắm, đối với tôi, vẫn nói chuyện

một cách thật tình cởi mở:

- Tôi nhớ hồi trước thím đâu có cái xe cháo huyết này.
- Thầy Hai nói đúng đó. Hồi trước là cái tiệm. Nó nằm sau lưng tôi nè. Hồi đó buôn bán khá lắm, thầy Hai à. Tiệm có bốn năm cái bàn lận.
- Tôi biết mà. Hồi đó, lâu lâu tôi có chờ vợ con lại đây ăn. Tôi ở bên Gia Định, gần xịt hè.
- Ủa ! Mà hồi đó thầy làm việc ở đâu vậy ?
- Tôi làm trong ngân hàng ở Chợ Cũ. Lái xe đi về trên đường này nên mới biết tiệm của thím đó chớ.
- Giải phóng rồi thầy cũng còn làm việc ở sở cũ hả ?
- Đâu có ! Máy ổng đổi tôi xuống làm việc ở nhà máy ve chai Khánh Hội.
- Cha... Xa quá há ! Đạp xe chắc mệt hả thầy Hai ? Bây giờ ai cũng đi xe đạp hết trơn.
- Rồi cũng quen hà. Ủa ? Mà tại sao thím dẹp tiệm đi ?
- Thời buổi khó khăn mà thầy Hai. Giữ chi cái tiệm cho họ để ý. Làm ăn nhỏ nhỏ thôi. Như thiên hạ vậy mà.
- Rồi mấy đứa con thím đâu ? Tôi nhớ hồi đó trong tiệm có mấy đứa...
- Đi hết rồi. Đi trước giải phóng.
- Sao thím không đi ?
- Thầy Hai nghĩ coi. Tôi già rồi. Không biết tiếng, không biết chữ. Đi đâu ? Còn mò mả chồng tôi, mò mả ông già bà già ở đây mà đi đâu ? Còn thầy ? Sao thầy không đi ?
- Tôi kẹt ! Lâu lâu ăn cháo huyết của bà xẩm được một thời gian thì Nhà Nước đổi tiền. Tôi... trở tay không kịp. Vậy là kẹt cứng. Có khi cả tháng không dư được một đồng. Lấy gì ăn cháo huyết ? Để tránh... thấy hàng cháo huyết, mới đầu tôi thay đổi lộ trình. Tôi đi ngã cầu sắt, vòng qua chợ Bà Chiểu, xa hơn, hời hơn ( vì đi ngang chợ cá ) mệt hơn. Được mấy tuần, tôi bỗng nảy ra một sáng kiến ( Nhà Nước đã chẳng dạy: “Ta phải luôn luôn phát huy sáng kiến” à ? ). Đó là vẫn đạp xe theo lộ trình cũ. Nhưng khi đến cách đèn xanh đèn đỏ độ vài chục thước, tôi rà thắng, mắt nhìn đèn tuốt ở đằng xa. Nếu là đèn đỏ, tôi bóp thắng ngừng ngay, đợi. Nếu là đèn xanh, tôi bấm đầu phóng nhanh đi thắng. Thật là... thích thú. Tôi phục... tôi quá chừng ! Chiều hôm đó, đi làm về, mặc dù bụng đói meo, tôi vẫn áp dụng sáng kiến “canh đèn để vọt” kể trên. Nhưng không hiểu sao đèn đang xanh bỗng bật đỏ ngang không qua đèn vàng, khi tôi chỉ còn cách nó có vài thước. Nếu tôi... nhắm mắt chạy luôn, chắc cũng không sao. Đằng này, “bản năng” của một người công dân tốt trong tôi... bóp thắng. Xe đạp lét bánh một khúc rồi ngừng ngay trước xe cháo huyết ! Tôi chống chân chờ, mắt nhìn đèn đăm đăm. Bỗng tôi nghe tiếng bà xẩm, giọng niềm nở :
- Thầy Hai ! Thầy Hai à ! Trời ơi sao đâu mắt biệt vậy ? Vô ăn cháo đi ! Tôi làm bộ giật mình rồi nhìn về phía bà, mỉm cười cho... lấy có:
- Thím mạnh hả ?
- Giọng của bà xẩm trở nên ân cần:
- Vô ăn cháo đi thầy Hai. Lâu quá mà...
- Tôi không có tiền ! (Tôi đã nói như vậy – dám nói như vậy – một cách thẳng thừng và không chút ngượng nghịu !).
- Không có sao ! Vô ăn đi ! Chừng nào trả cũng được. Mình quen mà... Thầy Hai !
- Tôi lại nhìn đèn đỏ. Sao nó không xanh cho rồi, để tôi có cơ mà hời hả đạp đi, tránh được cái mùi thơm hấp dẫn của cháo huyết và tránh được lời mời rất thân tình của bà xẩm. Đèn vẫn đỏ !
- Như... cố tình đô lâu để tôi có thời gian “đấu tranh tư tưởng”: một bên là “cái đói”, kéo thêm “cái thèm”, còn một bên là “cái xấu hổ” của một người chưa quen ăn chịu.
- Tiếng bà xẩm vang lên:
- Thầy Hai đừng ngại mà... Vô ăn đi rồi mai mốt trả. Không có sao ! Lần này, “cái đói” cộng thêm “cái thèm” đã thắng. Tôi nuốt nước miếng, bước xuống xe đạp thì đèn bật xanh. Nhưng trễ rồi. Thắng người hạ cấp trong tôi không còn đếm xỉa gì đến đèn xanh đèn đỏ. Nó chỉ còn thấy có tô cháo huyết ! Nó dẫn xe đạp lên lề khóa xe cẩn thận rồi nó bước lại ngồi lên ghé đầu trước mặt bà xẩm. Nó còn mỉm cười chào bà một cách rất tự nhiên, không có vẻ gì của một người sắp sửa ăn

chịu. Bà xẩm hỏi:

- Sao lâu quá không thấy thầy Hai vậy ?

Nó nói dóc một cách ... gọn ơ :

- Tôi mắc về dưới tỉnh.

- Bà con ở dưới cũng mạnh hết hả ?

- Dạ, mạnh.

Bà xẩm múc cháo, rắc tiêu, rồi đẩy tô cháo đến trước mặt nó:

- Thầy Hai cứ ăn đi. Chừng nào có tiền trả cũng được, đừng lo !

Nó nuốt nước miếng, cầm muống múc cháo lên đổ cháo xuống cho mau nguội mà mặt mày hớn hờ. Rồi nó nhắm mắt, hít từng hơi dài mùi thơm mời mọc, coi giống như một thằng ghiền...

Giọng bà xẩm ôn tồn:

- Thời buổi bây giờ, đâu phải ai cũng còn tiền đâu thầy Hai. Hồi trước, làm ăn dễ, có đồng ra đồng vô. Bây giờ, càng ngày càng khó khăn, ai cũng chăm bẵm hết. Ngừng một chút rồi tiếp:

- Chỗ quen biết, tôi nói thiệt. Thầy Hai cứ tới ăn tự nhiên, đừng ngại. Chừng nào thầy Hai trả cũng được hết. Mình với nhau mà... Phải thông cảm với nhau chứ ! Thầy Hai hiểu tôi không ? Đến đây, bỗng thằng người hạ cấp trong tôi biến đâu mất ! Để lại tôi ngượng nghịu cúi đầu nhìn tô cháo, chỉ nói lí nhí được có mấy tiếng "Cám ơn thím. Dạ...", rồi nín thính.

Tô cháo trước mắt tôi bỗng như to hơn, đầy hơn, đậm đà hơn...

Tôi thấy nó như vậy, và chỉ phải như vậy nó mới tương xứng với lòng tốt của bà xẩm. Và lần này, tôi có cảm tưởng như tôi ăn tô cháo đó chẳng bao giờ cho hết ! Tôi cúi đầu húp được vài muống thì bà xẩm đẩy tới một đĩa giò-cháo-quẩy. Tôi vội xua tay:

- Không ! Không ! Tôi không ăn giò-cháo-quẩy đâu thím !

- Không phải đâu. Đây là tôi cho thầy Hai mà ! Không tính tiền !

Tôi ngước lên nhìn bà xẩm, dò xét. Bà nhìn tôi, hiền hòa, gạt đầu nhẹ nhẹ như để nói "Thiệt mà ! Ăn đi !".

Miếng cháo tôi đang nuốt bỗng nghe như bị nghẹn ngang ở cổ họng, làm tôi ứa nước mắt...

Tôi không dám nhìn bà xẩm nữa. Tôi nhìn tôi đang cúi đầu húp từng muống cháo, trịnh trọng như trong đời tôi lần đầu tiên tôi được ăn món này, món cháo huyết đậm tình người của bà xẩm Đakao...

## Nhà văn Tiểu Tử, những giọt nước mắt, những tiếng thở dài Tử Thức

André Gide nói " *C'est avec des beaux sentiments qu'on fait de mauvaise littérature* " ( Với những tình cảm tốt, người ta làm văn chương dở ). Tiểu Tử là một nhà văn đã chứng minh ngược lại, có thể viết hay với những tình cảm tốt. Trong tác phẩm của ông, hầu như chỉ có những tình cảm tốt, chỉ có tình người. Một nhân vật nói về một nhân vật khác trong truyện ngắn "Made in Vietnam" : người chi mà tình nghĩa quá héng ? ". Độc giả nghĩ tới câu đó mỗi lần lại gần những nhân vật của Tiểu Tử. Người chi mà tình nghĩa quá héng. Độc giả chai đá tới đâu, đọc Tiểu Tử cũng không cầm được nước mắt. Người ta khóc, nhưng sau đó thấy ấm lòng, vì thấy trong một xã hội đảo lộn, vẫn còn đầy tình người, vẫn còn đầy thương yêu, vẫn còn nghĩa đồng bào vẫn còn những người tử tế. Và thấy đời còn đáng sống. Một nhà văn Pháp nói văn chương, trước hết là xúc động. Trong truyện ngắn của Tiểu Tử, sự xúc động hầu như thường trực.

Miệt Vườn

Tiểu Tử là một nhà văn miền Nam điển hình, con đường nói dài của những Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam. Văn của ông là lối kể chuyện của người miền Nam, bình dị nhưng duyên dáng, duyên dáng bởi vì bình dị, tự nhiên. Tiểu Tử không " làm văn ". Ông kể chuyện ; không có

chữ thật kêu, không có những câu chải chuốt. Với cách viết, với ngôn ngữ chỉ có những tác giả miền Nam mới viết được. Không hề có cường điệu, không hề có làm dáng. Người đọc đôi khi có cảm tưởng tác giả không mấy ưu tư về kỹ thuật viết lách, ông viết với tấm lòng.

Ngay cả tên những nhân vật cũng đặc miền Nam, không có Lan, Cúc, Hồ Điệp, Giáng Hương như trong tiểu thuyết miền Bắc, không có Nga My, Diễm My, Công Tăng Tôn Nữ như Huế, chỉ có những con Huê, con Nhàn, con Lúa, thằng Rớt, thầy Năm Chén, thằng Lượm, bà Năm Chiên, bà Năm Cháo lòng.. Các địa danh cũng đặc Nam kỳ, không có Cổ Ngự, Vỹ Dạ, Thăng Long, chỉ có những Nhơn Hoà, Cồn Cỏ, Bò Keo, Bình Quới, những tên, những địa chỉ rất "miệt vườn", chỉ đọc cũng đã thấy dễ thương, lạ tai, ngộ ngộ. Âm thanh như một câu vọng cổ.

Tiểu Tử, 88 tuổi, kỹ sư dầu khí, tác giả nhiều tập truyện ngắn ( Những Mảnh Vụn, Bài ca Vọng Cổ, Chuyện Thuở Giao Thời ) học ở Marseilles, hiện sống ở ngoại ô Paris, nhưng văn của ông không lai Tây một chút nào. Rất Việt nam, đúng ra rất Nam Việt, với lối viết như người ta kể chuyện bên ly la de, bên tô hủ tít, với những chữ ghen, chữ hêng, chữ nghe..” Cần gì cứ nói nghe cô Hai, đừng ngại. Mình với nhau mà ..”. Dưới ngòi bút của một tác giả người Bắc, người Trung, gọi người đàn bà là con Huê, con Nhàn có vẻ hỡn, ở Tiểu Tử, nó chỉ có sự thân ái.

Hồ Biểu Chánh, Sơn Nam, Tiểu Tử đã chứng tỏ ngôn ngữ địa phương, cách diễn tả địa phương làm giàu cho văn hoá dân tộc. Cố gắng bắt chước lối diễn tả Hà Nội là một lầm lỗi, nó chỉ làm cái vốn văn hoá của ta nghèo đi .. ( Sự thực Hà Nội ngày nay không còn gì là nơi văn vật, cái gì cũng "đéo". Còn báo Nhân Dân không? Đéo còn, chỉ còn Người Hà Nội )

Những giọt nước mắt

Văn chương là hư cấu, nhưng đọc Tiểu tử, người ta thấy cái chân thực, có cảm tưởng không có chi tiết nào là kết quả của tưởng tượng. Tất cả đều là những chuyện tác giả đã sống, hay đã nghe kể lại. Và lại, ở Việt Nam, thực tế vượt xa tưởng tượng. Cái đau đớn, cái thảm kịch mỗi người Việt Nam đã, đang sống, không có người viết văn nào, giàu óc tưởng tượng tới đâu, có thể bịa ra. Trong "Thầy Năm Chén", ông thầy thuốc, suốt đời làm việc nghĩa, bị cách mạng hành hạ, chuẩn bị cho con vượt biên. Khi già từ con, ông đưa cho con, thằng Kiệt, "một cái gói màu đỏ đã phai màu, cột làm nhiều gút, nói: cho con cái ni (ông là người gốc Huế). Con giữ trong người để hộ thân." Kiệt đến Cannada an toàn, một ngày dỡ cái gói của cha cho ngày vượt biển. Trong đó có ba cái răng vàng. Thầy Năm Chén, nghèo đói quá, đã cạy ba cái răng vàng cho con làm của hộ thân đi tìm đường sống ở xứ người. Đọc giả hiểu tại sao từ ngày con đi, ông Năm Chén chỉ ăn cháo.

"Chiếc khăn mùi xoa" có thể coi là điển hình cho truyện ngắn Tiểu Tử, trong đó có sự xúc động cao độ, đầm nước mắt, với những nhân vật nhân hậu, giàu tình nghĩa, những chi tiết éo le như một cuốn phim tình lãng mạn, nhưng đơn giản, chân thực.

Một người Việt tị nạn ở Pháp về thăm nhà, gặp những người bạn học cũ, trong đó có nhân vật chính, "con Huê", sự thực là một người đàn bà đã đứng tuổi. Ông ta kể lại: "Con Huê tiễn tao ra cổng, đứng ngập ngừng một lát rồi bỗng nói một mạch, là lạ, như tội mình trả bài thuộc lòng thuở nhỏ: Anh qua bên Tây, gặp anh Cương nói em gởi lời thăm ảnh. Nó nói rồi bỏ chạy vội vào trong, tao thấy nó đưa tay quệt nước mắt mấy lần. Tao đứng chết trân, nhớ lại lời con Nhàn, em con Huê nói với tao: Anh biết không, chị Huê thương anh Cương từ hồi còn nhỏ lặn. Người con gái ở quê mình nó thật thà, trung hậu đến mức độ mà khi trót thương ai thì thương cho đến chết. Họ coi đó là tự nhiên, phải có nước lớn nước ròng".

Tiểu Tử viết chuyện tình âm thầm của người đàn bà từ ngày còn đi học, tới ngày nay đã bạc đầu, với người bạn trai ngày xưa tên là Cương, nhưng sóng gió 75 đã khiến người đàn ông bỏ nước

đi lánh nạn. Người con gái của ông Cương, đang sống ở Bruxelles, đọc truyện, cho tác giả hay bố mẹ đều đã qua đời. Trước khi chết, Cương dặn con gái : " Con ráng tìm cách về Nhơn Hoà, Cầu Cỏ, trao cái này cho cô Hai Huê, nói ba không quên ai hết ". "Cái này " là một bao thư, trong đó có chiếc khăn mùi xoa cô Huê đã tặng Cương thời trẻ. Người con gái thấy thương bố , thương cô Hai Huê không cùng. Cô gái đi Việt Nam, một xứ xa lạ, tìm về Nhơn Hoà , Cầu cỏ , tìm người bà tên Huê để trao lại kỷ vật của người đã qua đời. Cô Hai Huê xủ đi khi nghe tin người bạn xưa đã chết. Hai người đàn bà, một già, một trẻ ôm nhau khóc.Nếu bạn là người tưởng mình có tâm hồn sỏi đá vì đã sống, đã chứng kiến đủ mọi thảm kịch của đời sống, nhất là đời sống của một người Việt Nam, bạn sẽ ngạc nhiên thấy mình đang lau nước mắt.

### Không Điền Cũng Khùng

Thế giới truyện ngắn của Tiểu Tử xoay quanh hai đề tài chính : những kỷ niệm về một Miền Nam hiền hoà, chất phác, nhân hậu ngày xưa, với những trò vui đùa nghịch ngợm của đám bạn bè trẻ , những mối tình mộc mạc của những người dân quê và, sau đó, những đảo lộn sau 75, khi tai họa trên trời giáng xuống. " Tất cả đều bị xáo trộn, bị nghịch lý đến nỗi tao sống trong đó mà lắm khi phải tự hỏi : làm sao có thể như vậy được ". Một xã hội vô tư , kể cả vùng quê, trở thành địa ngục. Chỉ còn hận thù, phản trắc , gian xảo, cướp đoạt, dối trá.

Những nhân vật của Tiểu Tử không còn cười đùa, vui chơi, dễ dãi nữa. Đó là những nhân vật đầy ưu phiền như ông Tư , như bà Hai , như thầy Năm Chén, như anh Bầy, như bà Năm cháo lòng. Một xã hội đổ nát, rách bươm. "Những người "cách mạng" xông vào nhà, ngang nhiên hùng hổ, như một bọn cướp. Họ "bơi " từ dưới lên trên, từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ sau ra trước...giống như gà bơi đóng rác.Gặp gì kiểm tra nấy.... Vậy rồi...hốt hết. "

Sau 75 , người ta truyền nhau một câu ca dao mới : "*Thằng khôn thi đã vượt biên. Những thằng ở lại không điền cũng khùng*". Các nhân vật của Tiểu Tử, vốn là những người miền Nam hiền lành, dễ tin, yêu đời, nhiều người đã hết lòng với "kháng chiến ", sau " cách mạng", đều bị đàn áp, gia sản bị cướp đoạt trắng trợn trong những chiến dịch " đánh tư sản mại bản " trở thành không điền cũng khùng

Ông Tư (trong Im Lặng) là người có gia sản ở Sài Gòn, đã bí mật đóng góp tài chánh cho "Giải Phóng". Khi Cộng Sản chiếm miền Nam, không những không được trả ơn, mà bị hành hạ, gia sản bị cướp sạch. " Bỗng nhiên ông Tư nhận thức rằng tất cả những gì thuộc về ông bây giờ chỉ còn lại người vợ của ông đang chờ đợi ông ở nhà ". Nhưng bà vợ tiếc của, uất hận vì bị cách mạng lừa gạt, suốt ngày đay nghiến trách móc chồng. Rốt cuộc hai vợ chồng tìm được cách chạy sang Pháp, nơi con trai ông đã được bố mẹ gởi đi du học, đã thành đạt, có nhà cửa sang trọng. Ông con hỏi bố ở chơi bao nhiêu ngày. Ông Tư nói ở lại luôn. Ông con nói, giọng đặc "Việt kiều yêu nước" : " Ủa, sao lại ở luôn. Bây giờ nước nhà độc lập rồi, không còn thằng nào ngồi trên cổ mình hết ; vậy mà ba má bỏ qua đây luôn. Thiệt là vô lý ". Ông Tư trở thành một người câm , không nói gì với ai nữa. Cho đến một hôm lâm lũi lội chết dưới biển.

Bà Hai (trong Thằng đi mất biệt ), con cái chết, gia đình tan nát, suốt ngày ngồi chờ đũa con trai còn lại bị đưa đi cải tạo. " Khi trời nắng ráo, bà đi tuốt ra ngoài vòm rạch, lên ngồi trên môi đất có thể nhìn thẳng qua bên kia sông. Như vậy, ' khi nào thằng nhỏ nó về, mình thấy nó từ đằng xa, nó có đi đò, trong đám đông, mình cũng nhìn ra được nó liền hà " .

Thầy Năm Chén (trong truyện cùng tên) phòng mạch bị chiếm, con trai phải bỏ đi kiếm ăn . "Chia tay nhau mà hai cha con không dám ôm nhau. Sợ người ta để ý. Thầy không đưa con ra cổng nghĩa trang. Sợ người ta để ý.Thầy không dám để rơi một giọt nước mắt. Sợ người ta để ý.Thầy chỉ thở dài. Thời buổi bây giờ chỉ thở dài là không ai để ý. Bởi vì ai cũng thở dài hết " .

Ông già bới rác (truyện cùng tên) là một ông già có công với "cách mạng", bị cách mạng cướp

hết không còn manh giáp, trở thành khùng, suốt ngày lang thang ngoài đường bới rác, " tao bới rác để kiếm mấy thằng Việt Cộng tao đã nuôi trong nhà "

Trong Những mảnh vụn, người yêu " đi chui bán chánh thức ", nghĩa là đi vượt biển do cán bộ tổ chức, biệt tâm, chắc mất xác vì tàu quá cũ bị chìm , anh Bầy suốt ngày, như một người mất hồn, đi qua lại tất cả những nơi ngày xưa hai người vẫn hẹn hò. " Bầy không biết mình đang đi lượm những những mảnh vụn của cuộc tình.. Nếu không có cái "ngay cách mạng thành công " đã thật sự thành công trong nhiệm vụ đập nát tất cả những gì của miền Nam, kể cả những gì nhỏ bé nhưt, tầm thường nhưt như tình yêu của chàng trai và cô gái đó ".

Bà Năm cháo lòng " vẫn bán cháo lòng, lâu lâu vẫn chửi thằng con mà giống như bà chửi cả nước "

Đọc Tiểu Tử, người ta không thể không xúc động. Nhưng văn Tiểu Tử cũng đầy nét khôi hài, những nhận xét ngộ nghĩnh .. Phòng mạch của Thầy Năm Chén "bệnh hơn cũng vắng. Làm như người ta sợ quá rồi...quên bệnh. Trái lại, bên phía chùa thì lại đông người lui tới và ngày nào cũng có người. Làm như người ta chỉ còn biết ...dựa vào Phật. ". Qua vài nét chấm phá, ông ghi lại những cảnh trái tai gai mắt, những cảnh lố bịch của những người thẳng trận. Những cảnh không biết nên cười hay nên khóc diễn ra trước mắt, mỗi ngày, chỉ cần ghi lại, không thêm thắt, bình luận. André Gide : Plus un humouriste est intelligent, moins il a besoin de déformer la réalité pour le rendre significative (Một nhà khôi hài càng thông minh, càng không cần bóp méo sự thực để làm cho nó có ý nghĩa). Tiểu Tử không cần bóp méo sự thực, chỉ việc cúi xuống lượm, ghi lại những cái lố lăng, đảo lộn luân thường diễn ra mỗi ngày, trước mắt.

Muốn hiểu lịch sử, hay xã hội trong một giai đoạn lịch sử, không gì hơn là đọc các nhà văn. Hơn là những sử gia, những nhà biên khảo, nhà văn , trong vài chữ, vài nét, cho thấy mặt thực của xã hội. Văn chương đi vào trái tim, trong khi biên khảo chỉ đi vào trí óc. Không có xúc động, rất khó có cảm thông, không có cảm thông, không sống với người trong cuộc, làm sao hiểu được ? Một câu danh ngôn : " một người chết là một bi kịch, một triệu người chết chỉ là một con số thống kê ". Tiểu Tử không làm thống kê, ông ghi lại bi kịch của một nhân vật, của tôi, của anh , của mỗi người. Mỗi câu chuyện của ông là một bi hài kịch (farces tragiques) của một thời đảo điên.

Truyện ngắn Tiểu Tử, với lối hành văn bình dị, linh động là một cuốn tự điển sống của ngôn ngữ miền Nam thời chưa loạn. Đó là kho tàng quý, trong khi ở hải ngoại, chữ Việt càng ngày càng lai Tây, lai Mỹ ; trong nước càng ngày càng lai Tàu, với những chữ, những lối nói ngớ ngẩn, đôi khi kỳ quái , khiến tiếng Việt không còn là tiếng Việt, báo hiệu một ngày người Việt không còn là người Việt . Truyện ngắn Tiểu Tử là những giọt nước mắt, những tiếng thở dài, nụ cười trong những ngày bình an và ngay cả trong cơn đốn đau cùng cực. Ông là một nhân chứng quý báu của một giai đoạn bi thảm , một cuộc đổi đời ghê rợn nhất trong lịch sử Việt.

*Paris Jan 2015*

## Đi xe đò, đi xe ôm

Năm đó, tôi về Việt Nam ăn Tết và cũng để mừng má tôi tròn một trăm tuổi. Đó là lần thứ hai tôi về Việt Nam. Kỳ trước về với vợ con nên đi đâu chúng tôi cũng dùng xe nhà của thằng em bà con cho mượn với tài xế (Thằng em này "biết làm ăn" nên bây giờ nó khá lắm). Kỳ này về một mình, tôi định nếu có dịp sẽ dùng xe công cộng một lần cho biết.



Sau một tuần ở Gò Dầu với má tôi (Gò Dầu quê tôi thuộc tỉnh Tây Ninh, nằm cách thành phố 63 km), thấy còn năm hôm nữa mới tới Tết, tôi bèn sửa soạn xuống Sài Gòn để đi thăm vài người bạn.

Lần này, tôi muốn đi bằng xe đò (bây giờ người ta gọi là "xe khách" - trong bài viết này tôi vẫn dùng từ "xe đò" cho dễ hiểu!). Một thằng cháu - hồi trước làm thầy giáo, bây giờ sửa xe đạp và bán sách vở học trò - nói:

- Để cháu lấy Honda chở chú Hai lên bến xe kiểm xe gửi chú đi.

- Khởi cần, chú đi một mình được.

Nó phì cười:

- Cái tướng Việt Kiều của chú lên đứng lơ ngơ trên đó, tụi nó dám chém nhẹ vài chục ngàn cái vé đi thành phố thay vì chỉ có tám ngàn thôi. Tụi nó bây giờ "mánh" lắm chú ơi!

Vậy là nó chở tôi lên bến xe đò (Ở quê tôi, vì có con sông Vàm Cỏ Đông chảy ngang, nên dân chúng thường nói "trên" và "lên" để chỉ những nơi nào nằm về phía thượng lưu con sông - đối với khu chợ nằm ở giữa - và "dưới" hay "xuống" để chỉ những xóm nằm về phía hạ lưu).

Ở bến xe, thằng cháu nói:

- Chú đứng đây giữ dùm cháu cái Honda. Để cháu "thả" một vòng coi.

Trong lúc nó "thả một vòng", tụi bắt mỗi hai ba đứa rà rà lại:

- Đi thành phố hả chú? Chạy liền giờ nè!

- Thằng xạo đó chú! Xe nó chưa tới "tài". Xe cháu kia, xe đầu vàng đang rò máy đó chú. Đi chú!

Cháu xếp chỗ tốt đằng trước cho chú, nè!

Vừa nói, thằng nhỏ vừa nắm cái ba-lô của tôi kéo đi trong lúc thằng kia cũng lôi về phía nó. Tôi rì lại la lên:

- Tao không có đi xe đò! Tao đợi thằng cháu. Bộ tụi bây không thấy xe Honda đây sao?

Một thằng khác, có vẻ anh chị, "xẹt" vô can thiệp:

- Buông ra! Tụi bây làm gì vậy? "Quậy" hả?

Trong lúc hai tên kia bỏ đi, nó hạ giọng thân mật:

- Chú Hai đi thành phố hả chú Hai?

Tôi lắc đầu, lại chỉ cái Honda, nói:

- Tao đợi thằng cháu chở đi công chuyện.

Thằng nhỏ bỏ đi. Tôi nhìn theo nó mà nghe ngượng vô cùng. Mấy thằng nhỏ bắt mỗi cỡ tuổi hai thằng cháu nội tôi thôi, vậy mà tôi sợ gì lại phải nói trớ là không đi thành phố? Có lẽ tại vì mấy chục năm nay ở xứ người, tôi đã sống quen với cái xã hội có tổ chức, có trật tự, nên tôi không biết cách ứng xử phù hợp với môi trường chộp giựt mánh mung này. Cho nên phản ứng của tôi là né! Không biết phải làm sao, thôi thì né tránh đi cho nó xong chuyện! Tự nhiên, tôi thờ dài.

Thằng cháu tôi dẫn lại một người đàn ông còn trẻ gầy nhom, giới thiệu:

- Thằng Đực nè chú Hai. Nó lái xe cho cậu Năm Bộn. Nó là chồng con Hường, con của chị Ba Đầy ở xóm nhà máy đó chú nhớ hôn?!!

Tôi mỉm cười gật gật đầu "ờ" cho lấy có. Thằng cháu nói tiếp:

- Còn đây là chú Hai con bà Tám, mầy kêu ổng bằng ổng lận.

Thằng Đực chấp tay xá:

- Dạ, lâu nay con có nghe nói ông Hai ở bên Tây, bây giờ mới gặp. Về chơi hả ông Hai?

Rồi không đợi tôi trả lời, nó vói tay xách cái ba lô:

- Ông Hai đi theo con. Xe con đằng này nè.

Thằng cháu tôi dặn vói:

- Xuống dưới nhớ kiểm xe ôm cho ổng, nghe mậy!

- Được rồi! Cậu ba yên chí!

Thằng Đực dẫn tôi lại xe của nó, giới thiệu tôi cho hai thằng cỡ mười tám đôi mươi đang đứng hút thuốc ở đầu xe

- Đây là ông Hai, con bà cố ở đường đất đỏ, đó! Còn đây là hai thằng em vợ con, tụi nó vừa là phụ xế vừa là lơ nữa.

Rồi nó đỡ tôi lên đưa lại ngồi phía tay trái cách chỗ tài xế hai hàng băng. Trên xe đã có nhiều người ngồi, chắc họ quen nhau nên nghe nói chuyện rân như họp chợ!

Chiếc xe đồ là xe loại đầu bằng, có hai cửa lùa cho hành khách lên xuống. Chỗ ngồi hẹp tẻ, tôi đo vừa đúng hai gang tay. Trên kiếng chắn gió trước mặt tài xế, về phía phải, có viết mấy hàng chữ bằng sơn đủ màu. Vì tôi ngồi trong xe nên phải đọc ngược, nhưng vẫn đọc được:

TP Hồ Chí Minh / Gò Dầu

Vidéo / Karaoké

Chính giữa xe, ngang ngang với đầu anh tài xế, có một cái lồng sắt hàn dính lên trần, trong đó có cái télé. Tôi tự hỏi: "Vidéo thì còn hiểu được, chứ Karaoké thì hành khách hát hí ra làm sao?"

Thật là mới mẻ quá! Dưới chân tấm kiếng chắn gió, cũng ngay chính giữa, có gắn một kệ nhỏ, trên đó có một tượng Phật Bà, một bình bông, một bình cắm nhang và ba chung nước. Tất cả mấy món vừa kể đều được gắn xuống mặt kệ bằng băng keo chằng chịt! Cho nó đừng nhúc nhích hay lật đổ khi xe chạy hay khi xe thắng gấp. Nhìn tượng Phật Bà chằng chịt băng keo, tôi nghĩ chắc Ngài cũng phải mỉm cười mà từ bi hi xả.?

Thằng Đực lên ngồi, để cho máy chạy, rồi cứ rờ máy từng chập giống như làm cho nóng máy.

Hai thằng lơ đứng dưới đất la ó:

- Lên đi bà con! Chạy à! Chạy à!

Tài xế sang số cho xe nhúc nhích nhúc nhích, trong lúc hành khách cứ lần lượt trèo lên xe tỉnh bơ không thấy có chút gì hồi hải. Không thấy ai bán vé, thiên hạ cứ lên xe thấy ghé trống là ngồi. Hàng hoá mang theo linh kinh để đầy hành lang chính giữa. Những người lên sau phải bước chèoang ngang để đi!

Một bé gái cỡ mười hai mười ba tuổi, lên xe với hai bao ni-long lớn đựng đầy dép, loại dép cao su Nhựt Bồn. Nó ngồi vào ghé trống cạnh tôi. Vừa đặt đít xuống nó vừa trao cho tôi một bao dép, nói:

- Ông ngoại giữ dùm con.

Nó làm một cách tự nhiên, chẳng thấy một chút ngượng nghịu gì hết. Còn tôi thì thật ngỡ ngàng bối rối không biết phải làm sao? Vậy mà tôi cũng ôm bao dép vào lòng, ôm một cách máy móc! Tôi biết nó "đi" hàng lậu (Xưa nay, Gò Dầu được biết tiếng nhờ có chợ trời hàng lậu ở biên giới Cao Miên) nhưng tôi không thể tưởng tượng được một bé gái mới mười hai mười ba tuổi mà đã đi buôn lậu và còn bắt người khác giữ hàng lậu giúp mình một cách tỉnh bơ coi như chuyện bình thường! Xã hội bây giờ thật quá nhiều thay đổi, mà tôi thì quê trần, giống như "một thằng mán ra chợ"!

Thằng Đực rờ máy cho xe chạy tới trong lúc hai thằng lơ phóng lên xe - mỗi thằng một cửa - vừa phóng vừa la "Bà con ơi! Chạy à! Chạy à!". Xe chạy được mười thước, ngừng lại, máy rờ từng chập một lúc rồi xe lui về vị trí cũ! Hai thằng lơ nháy xuống đất, miệng vẫn bô bô: "Lên đi bà con. Chạy liền giờ nè!". Hành khách vẫn lai rai từ tốn leo lên xe?

Mười phút sau thì xe lại chạy. Lần này, nó ra khỏi bến xe, chạy rề rề. Đến ngã ba (Chỗ này có đường xuống chợ, có đường vô xóm Mới, nhưng vẫn được gọi là "ngã ba") nó rước một vài người khách rồi chạy thẳng về hướng thành phố. Tưởng chạy luôn, tẻ ra xuống khỏi Trâm Vàng - cách ngã ba lối ba cây số - nó quay đầu lại chạy về bến đậu. Lại nhúc nha nhúc nhích một lúc lâu đến khi có tiếng tu hít thổi (Chắc là hiệu lệnh của cán bộ điều hành bến xe) xe lại rờ máy chạy.

Lần này, đúng là nó chạy thiệt bởi vì nó không có rề rề như hồi nãy! Tôi thờ cái khi?

Xe không có bán vé, nhưng có một chị đi đầu tiên. Cái hay của chị này là chị ta như người nào đã thâu rồi người nào chưa. Cho nên trong suốt "hành trình" trèo qua trèo lại trên những kiện hàng nằm ngổn ngang dọc hành lang để thâu tiền, không thấy ai phàn nàn phản đối gì hết.

Xe đang chạy, bỗng thấy thằng lơ cửa trước đứng thẳng lên mở dây nịt, kéo phẹt-mơ-tuya... cời quần! Hành khách tỉnh bơ. Có lẽ trên xe chỉ có một mình tôi là ngạc nhiên trở mắt nhìn. Một cô gái ngồi gần đó đưa cho nó mấy cây thuốc lá "555" và một nạm vòng thun, nó cầm lấy, xỏ vòng thun vào hai chân, cách khoảng nhau độ hơn một tấc, rồi nhét mấy cây thuốc vào đó, dài từ háng xuống mắt cá và ôm tròn chân từ mặt trong ra mặt ngoài. Trông nó giống Robocop của phim Mỹ! Thì ra thằng lơ giấu hàng lậu dùm cô gái. Nó vừa mặc quần xong là đến lượt thằng lơ cửa sau.

Nhưng thằng này quá gầy nên nó không cần cỡi quần. Nó kéo ống quần đi-rét lên tới bẹn rồi làm y như thằng trước. Thằng này thì "cao cấp" hơn, vì nó còn "chêm" vòng theo thân mình tới năm cây thuốc lện! Xong nó khệnh khạng đi về hướng cửa sau. Tôi nhìn theo, phục quá!

Xe vừa chạy vừa bóp kèn, đường trống vẫn bóp kèn. Làm như đã thành cái tật! (Ở Việt Nam bây giờ, chạy xe hơi, xe gắn máy trên đường - Nhà Nước gọi là "tham gia lưu thông", nghe thật là văn vẻ - ai ai cũng bóp kèn, chạy ngoài đồng hay chạy trong thành phố gì cũng vậy hết. Lạ lắm!) Còn hai thằng lơ thì hề thấy có người chạy lạng quạng phía trước thì lòn người ra ngoài, vừa la to "Vô! Vô!" vừa vỗ vào thùng xe dừng ùng. Làm như kèn xe không đủ cho người ta nghe vậy! Thấy ai đứng lơ ngơ đằng xa bên lề đường như có vẻ đón xe thì lơ hét to cho tài xế "Bà già đó! Bà già đó!" hay "Con mẹ cầm nón đó! Con mẹ cầm nón đó!". Nếu là hành khách đưa tay ngoắc thì xe chạy chậm lại, rề sát vào. Thằng lơ phía trước mở cửa rồi một tay nắm cây cột sắt nằm cạnh cửa lùa, lấy thế nghiêng người xuống hốt người khách đẩy vào trong xe trong lúc xe vẫn tiếp tục lăn bánh chớ không ngừng lại (Sau này tôi mới biết rằng xe đồ không được phép rước khách ngoài những nơi đã được ấn định bởi chánh quyền. Vì vậy xe không được ngừng dọc đường ngoại trừ khi xe ăn-banh!).

Thằng Đực vừa lái xe, vừa bóp kèn, vừa lách tránh những xe khác - đủ loại: Honda, xe đạp, xe thùng, xe ba gác, xe bò, xe ngựa... - vừa liếc dài theo lề đường để "bắt" khách. Xe đang chạy ngon lành (50 km/giờ, tốc độ tối đa ấn định bởi Nhà Nước), bỗng nó "nhả ga" chạy bót lại và la lên: "Giao thông nghen! Giao thông nghen! Lấy tay lấy đầu vô bà con!". Hai thằng lơ cũng la theo: "Đừng lơ đầu ra nghe bà con! Giao thông đó!". Xa xa về phía trái, thấy có hai ông công an giao thông ngồi chàng hảng trên xe mô-tô dưới tàn cây bên lề, hút thuốc. Khi xe chạy ngang qua, mấy ông chỉ nhìn theo cười cười, chắc hài lòng với sự biết "chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ giao thông" của tài xế Đực!

Đường xuống thành phố, ngày xưa, hai bên là ruộng lúa ruộng mía và giồng rau cải. Bây giờ nhà cửa cất dài dài, đồng ruộng còn rất ít. Quán ăn, quán nhậu thì quá nhiều. Phần lớn mang bảng hiệu rất thơ mộng như: "Hẹn hò", "Vườn Thúy", "Quán Trăng". Làm như bây giờ người ta thêm được "phiêu phiêu" để quên đi một phần nào cuộc sống xơ cứng của hiện tại!

Bến xe Trảng Bàng nằm trước sân banh. Xe đồ vừa vào bến thì một bầy trẻ con bán dạo ùa lên xe như ruồi, rao hàng ó trời! Trong xe bỗng ồn ào như cái chợ. Nhiều đứa nhỏ mang hàng đầy hai vai. Hàng đựng trong những túi ni-long nhỏ bằng nắm tay, miệng cột túm lại bằng vòng thun. Mỗi loại được xỏ chung với nhau thành một đùm. Túi nhỏ đeo nhiều đùm như vậy lên hai vai, nhiều đến nỗi không còn thấy cái cổ! Chỉ còn thấy cái đầu nhỏ lòi ra trên đống túi ni-long tròn tròn?

Túi nhỏ bán loại này rao hàng có ca có kệ. Rồi vì muốn cho "có ca có kệ" nên nhiều tiếng để sai dấu, tôi nghe mà không hiểu hàng gì và hàng gì! Phải nghe vài lần mới "nắm bắt" được: "Sâm lạnh. Thuốc lá. Huynh gum. Trứng cóc. Bánh tráng muối. Nem chay. Đây?" Nếu có người mua, đứa nhỏ cầm túi ni-long giựt mạnh cho đứt sợi thun rồi trao cho khách, nhanh gọn lắm! Ngoài ra, có những đứa bán "chuyên ngành" hơn, bán một thứ một, như chỉ bán giấy số hay thơm gọt sẵn, hay bánh tráng bánh phồng, hay thuốc lá..v.v... đủ thứ. Đứng đây xe như vậy mà khi xe rồ máy lia bến thì túi nó đưa trước đưa sau phóng xuống như trò đu bay! Thấy chết như không!

Xe chạy chậm chậm, rước vài người ở khúc cua Trảng Bàng. Đến Cầu Ông Chùa - cách Trảng Bàng độ năm ba cây số - xe quay đầu chạy về bến trước sân banh! Rồi cứ nhúc nha nhúc nhích để lấy thêm hành khách. Mấy đứa nhỏ lại ùa lên rao hàng. Độ hai mươi phút sau, xe lại lăn bánh. Lần này chạy thiệt.

Trên đường lúc nào cũng có người. Xe đạp, xe Honda (Bây giờ, "Honda" là tiếng gọi chung cho xe hai bánh có gắn máy) chạy loạn. Hai bên đường, thỉnh thoảng có bảng đề "Bia tươi" đặt trên lề trước quán nhậu. Tôi đã nghe nói "bia hơi", "bia ôm", nhưng loại "bia tươi" này là lần đầu!

Khều thằng lơ, tôi hỏi:

- Bia tươi là gì vậy cháu?

Nó bật cười:

- Là bia làm tại chỗ, làm ngày nào là nhậu ngày nấy. Để vài ba bữa mà đớp vô là đi luôn à ông Hai!

Tôi gật gật đầu nhưng trong lòng sao nghe buồn chi lạ: bây giờ, đến "cái nhậu" cũng? "không giống ai" hết!

Bổng thẳng Đực vừa bốt ga rà thẳng vừa la lên:

- Kính té! Kính té! Bà con.?

Trong xe, hành khách nhón nháo. Kề thì dứt giầu hàng dưới băng mặc dù ở đó đã đầy đồ, người thì chèn nhét hàng trong hốc trong kẹt, dưới đất mấy kiếng hàng rau cải gà vịt. Mấy bà mấy cô thì nhét trong áo trong quần chẳng thấy có chút gì xấu hổ hết!

Tôi nhìn con bé cạnh tôi, nó cười trấn an:

- Ông ngoại đừng lo. Mỗi người có quyền đi một bao dép. Con đi hoài hà!

Tôi "ờ" rồi hỏi một cách máy móc:

- Bộ con không có đi học hả?

Nó cười rất tự nhiên:

- Đi học rồi lấy gì ăn, ông ngoại?

Tôi xúc động, không dám nhìn gương mặt dễ thương đó nữa, tôi nhìn vội ra ngoài. Xe đã đậu lại. Bên kia đường, có một xe hàng nằm sau một xe Jeep. Hai ông công an kính té mặc sắc phục (họ kiểm soát hàng lậu) đang "làm việc" dưới tàn cây vệ đường với mấy người mà tôi đoán là lơ và tài xế của xe hàng. Thằng Đực cầm một xấp giấy tờ xum xoe chạy qua đó, chen vào chỗ nói năng. Một lúc sau, thấy nó khúm núm cúi chào mấy cái rồi vui vẻ chạy trở về trèo lên xe sang số chạy thẳng!

Xe chạy không bao nhiêu xa, hành khách chộn rộn móc kéo hàng giấu hồi nãy cho vào bao vào bị. Hai thằng lơ cũng cởi quần lấy cây thuốc vòng thun trả lại cô gái, vừa làm vừa trò chuyện nói cười. Con nhỏ ngồi cạnh tôi kéo cái bao dép tôi đang ôm về phía nó, chẳng nghe một lời cảm ơn. Mọi người đều hành động một cách tự nhiên, bình thường. Tôi bỗng thấy tôi không giống ai hết. Tôi là người "bất bình thường", ngay trong lòng quê hương mà sao thấy thật là lạc lõng!

Xe ngừng ở Suối Sâu, hai thằng lơ - đưa trên mui, đưa dưới đất - xuống hàng: bao, bị, giỏ tre, cần xé lồn ngỗng (Những món này chắc của bạn hàng quen gửi và đã chất lên đó trước khi xe vào bến Gò Dầu) Vừa làm, thằng lơ trên mui vừa nói lớn cho mấy người đang bu lại nhận hàng: "Hai cái cần xé này của dì Ba. Cái giỏ bội này cũng của bà nữa. Mấy thứ tôi liệng xuống đây của cô Bảy ghen. Rồi! Xong! Bây giờ là đồ của chú tư Xáng".

Cô gái "đi" thuốc 555 lấy hàng nằm dọc hành lang trao qua cửa sổ cho một bà sồn sồn đứng phía dưới, vừa làm vừa nói chuyện huyền thiên. Bà đó hỏi:

- Mày có ghé thăm con Hoa hông? Nó đẻ chưa?

- Chưa. Má lên trên mà coi. Cái bụng của chỉ bây giờ chạng bạng như cái mả vậy!

Nói rồi, cô ta cười hắc hắc. Chắc cũng là chuyện bình thường thôi.

Xe chạy tiếp. Bon bon 50 km/ giờ. Đến Củ Chi ngừng lại để xuống hàng lần nữa. Con nhỏ ngồi cạnh tôi xuống ở đây. Nó đứng lên, xách hai bao dép đi, không nói một lời, cũng không nhìn lại. Nó làm tự nhiên như tôi không có mặt trên xe!

Sau khi xuống hàng, xe chạy thẳng về thành phố, không ngừng ở trạm nào nữa hết. Tôi đoán: "Trên mui chắc không còn hàng".

Bến xe Tây Ninh nằm ở Bà Quẹo. Bến này rộng lắm, vây quanh bởi một tường rào. Khi xe đồ quẹo vào, thấy người ta chạy theo lối nhỏ. Chừng xe đậu rồi, nghe họ mời mọc tí lia mới biết họ là những người lái xe ôm, xe ba gác đang tranh nhau kiếm mồi chở đi. Thằng Đực nói:

- Ông Hai ngồi đây, đừng đi đâu hết. Để con kiếm mấy thằng xe ôm quen cho ông Hai.

Tôi nhìn đồng hồ thấy 10 giờ 20. Hồi ở Gò Dầu, tôi lên ngồi trên xe lúc 8 giờ sáng. Tính ra, tôi đi 63 km mất hết hai giờ hai mươi phút!

Một lúc sau nó dẫn đến một người đàn ông cỡ tuổi nó, vừa vỗ vai người đó vừa nói:

- Thằng này tên Chín, ở cùng đơn vị với con hồi trước. Nó đang hoảng lắm, ông Hai. Mà ông Hai về đâu vậy?

- Ông về nhà thằng cháu ở khu Đại học Phú Thọ.

Thằng Đực lại vỗ vai bạn:

- Tao giao ông Hai cho mày đó. Tính tiền cho có tư cách nghe mày.

- Yên chí?

Vừa nói thằng Chín vừa cầm ba lô của tôi:

- Ông Hai đi theo con.

- Ủa? Xe của cháu đâu?

- Dạ để ngoài kia, chớ đâu được phép đem vô đây, ông Hai. Cấm mà!

Vậy là mấy phút sau, tôi "ôm" về nhà thằng cháu. Đó là lần đầu tiên tôi đi xe ôm.

\*\*\*

Ở thành phố, người ta thường đi xe ôm, nếu chỉ đi có một mình. Xe ôm rẻ hơn xe taxi nhiều và nhanh hơn nhờ nó lòn lách dễ. Biết như vậy nên sáng hôm sau tôi ra đường đón xe ôm để đi thăm bạn bè?

Nếu xích lô và taxi dễ "nhận diện" nhờ hình dáng và chữ "taxi" bên hông, thì xe ôm rất khó biết. Bởi vì trên đường lúc nào cũng đầy người chạy Honda, chạy xuôi chạy ngược, không có dấu hiệu đặc biệt gì hết thì biết ai "ôm" hay ai không "ôm"? Nếu xe ôm được sơn một màu ấn định, hay người lái xe có gắn một cái gì trên ngực trên lưng, hay ít ra cũng đội nón kết có in hai chữ "xe ôm" thì dễ cho mình nhìn ra, để ngoắc cho đúng. Đằng này, ai cũng như ai.

Ngoắc đại mấy lần thấy "trật chìa", tôi bèn đổi "chiến thuật". Tôi bước ra đứng trên mép vỉa hè, mặt làm ra vẻ dáo dác nhìn xuôi nhìn ngược như đang tìm xe ôm trong luồng người chạy Honda. Thấy một người vừa chạy vừa nhìn dài dài theo phố, tôi mừng rỡ vẫy tay ra dấu. Anh ta chạy luôn. Vậy là anh ta đang tìm cái gì khác chớ không phải tìm khách hàng. Tôi lại làm bộ dáo dác cho người khác để ý. Lần này có một ông tấp vô, mỉm cười hỏi:

- Đi không ông Hai?

Tôi gật đầu, nói địa chỉ, trả giá - căn cứ trên giá đi hôm qua - rồi ôm đi (Gọi là "ôm" chớ hành khách không có ôm người lái. Nhiều người không biết, cứ nghĩ rằng trèo lên xe là phải ôm! Cho nên, khi trở về Paris thuật lại vụ đi xe ôm, vợ tôi hỏi: "Có đàn bà lái xe ôm hông?").

Trên đường, xe chạy như loạn. Hai luồng ngược chiều nhau lấn ép lòn lách, bóp kèn như điên! Thấy tai nạn có thể xảy ra bất cứ lúc nào!

May quá, ông lái xe của tôi - khá trẻ tuổi - chạy từ tốn. Ông cứ men theo lề mà chạy và đặc biệt là không nghe ông bóp một tiếng kèn! Ngạc nhiên, tôi hỏi:

- Sao ông không bóp kèn?

- Bóp cho ai nghe? Ai cũng bóp kèn hết, rền trời. Mình có bóp cũng vô ích!

Ngừng một chút rồi tiếp:

- Cứ làm thình như vậy mà người ta để ý. Người ta nghe mình làm thình!

Rồi ông ta cười ha hả. Tôi cũng bật cười theo. Khoái quá, tôi vỗ vai ông:

- Hay! Hay!

Rồi không kèm được, tôi hỏi thẳng:

- Hồi trước ông làm gì?

Ngàng ngừ một lúc, ông mới nói:

- Dạ, làm giáo viên.

- Dạ trường nào vậy?

- Dạ, trường trung học X.

- Dạ trung học sao gọi là giáo viên được? Phải gọi là giáo sư chớ.

- Xin lỗi ông. Hồi nãy nhìn ông tôi đã đoán ra ông là Việt Kiều. Bây giờ, ông hỏi như vậy đúng là ông không phải người ở trong nước. Bây giờ, đi dạy học cao thấp gì cũng gọi là giáo viên ráo. Muốn được gọi "giáo sư" phải được "Hội Đồng Chức Danh Giáo Sư Nhà Nước" xét duyệt hồ sơ. Khi họ công nhận, họ cấp cho mình chức danh giáo sư. Chừng đó, mình mới được gọi là giáo sư. Ông hiểu không?

Tôi nhớ lại tôi có một người bạn hồi đó cũng dạy trường trung học X. Tôi nói:

- Tôi có một người quen cũng dạy ở trường X nữa. Ông tên Nguyễn Văn Y

Giọng ông xe ôm có vẻ như reo lên:

- Anh Y dạy lý hoá. Ảnh mọc mọc dễ thương lắm. Lúc nào cũng thất cà vạt đen!

Ông xe ôm nói đúng. Như vậy ông là giáo sư thiệt, không phải ông ba xạo. Tôi bỗng nghe một xúc động dâng tràn lên ngực. Tôi đặt một tay lên vai ông ta, muốn nói gì đó thật nhiều. Nhưng sao tôi không tìm ra được lời, tiếng nói bị nghẹn ngang trong cổ. Tôi chỉ biết bóp nhẹ vai của ông, cái vai bây giờ tôi mới thấy là gầy. Chắc ông hiểu cử chỉ của tôi nên làm thinh. Tôi bóp vai ông mà tưởng chừng như tôi đang bóp vai một người bạn cố tri, tưởng chừng như tôi đang mân mê một cái gì trân quý của thời cũ. Tôi như thấy lại được cái thời đã mất đó với những giá trị tinh thần của nó, cái thời mà nhà giáo dù nghèo cũng chưa đến nỗi phải chạy xe ôm như bây giờ.

Ông xe ôm im lặng lái xe. Tôi im lặng nhìn cảnh tượng xô bồ hỗn tạp trên lòng đường phố. Bàn tay tôi vẫn đặt trên vai ông ta như để giữ thăng bằng. Sự thật, tôi muốn giữ nguyên như vậy để ông cảm nhận rằng giữa ông và tôi không có một sự cách biệt nào hết. Không có người lái xe ôm, không có khách đi xe ôm. Mà chỉ có hai thằng bạn...

Bỗng ở phía ngược chiều, một người đàn ông lái Honda nhìn về phía bên này gọi to: "Thầy! Thầy!". Tôi thấy anh ta chật vật lòn lách quay đầu xe lại, chạy theo chúng tôi. Chừng đến ngang nhau, anh ta hớn hờ:

- Thầy mạnh hả thầy?

Giọng ông xe ôm cũng vui vẻ:

- Ờ! Mạnh! Cám ơn! Em đi đâu vậy?

- Dạ! Em chạy áp-phe. Thấy thầy em nhìn ra được liền hà! Tụi thằng A thằng C nói có gặp thầy nên em thường để ý kiếm, bây giờ mới gặp. Mừng quá, thầy!

- Ờ! Cám ơn! Hai mươi mấy năm mà tụi em còn nhớ tới thầy là thầy vui rồi.

- Làm sao quên được, thầy? Hồi đó, thầy là thần tượng của tụi em mà!

Ông xe ôm làm thinh. Chắc cả một dĩ vãng đang được quay nhanh lại trong đầu. Tôi bóp nhẹ vai ông ta, chia xẻ.

Hai thầy trò vừa lái xe vừa nói chuyện với nhau một lúc rồi người đó xin phép "đi làm ăn". Chúng tôi im lặng, tiếp tục đoạn đường còn lại. Sự im lặng nào sao cũng nói thật nhiều...

Đến nhà anh bạn tôi, tôi trả tiền cuộc xe ôm mà không dám cho thêm như tôi đã làm hôm qua với thằng Chín. Tôi muốn ông ta thấy rằng tôi vẫn kính trọng ông ta, vẫn xem ông ta là một giáo sư.

Ông ta nhìn tôi mỉm cười. Chúng tôi bắt tay nhau, cái bắt tay đó ngầm nói lên rằng, dù cuộc đời có vĩ đại đến đâu, mình vẫn giữ được cái tình người trân quý của thời cũ.


Lần đi xe ôm đó tôi nhớ hoài đến bây giờ. Viết lại mà vẫn còn nghe xúc động.

## Những câu chuyện Di Tản của nhà văn Tiểu Tử Tường An

Hành trình vượt biên được nói nhiều, viết nhiều bởi những ngòi bút hải ngoại, nhưng bên cạnh cuộc vượt biên vĩ đại đó, những hình ảnh của cuộc di tản cũng không kém phần đau thương của người dân Việt Nam hầu như bị bỏ quên.



Nhà văn Tiểu Tử

Nhà văn Tiểu Tử - hiện đang định cư tại Pháp - là một trong số rất ít những nhà văn đã ghi lại những hình ảnh này để nhớ lại một giai đoạn bi thảm trong hành trình tìm tự do. Thông tin viên Tường An trò chuyện với nhà văn Tiểu Tử và giới thiệu một vài đoạn văn của ông về cuộc di tản trước ngày 30 tháng 4 năm 1975. Mời quý vị cùng nghe: 

Với lối hành văn mộc mạc của người Nam Bộ, những truyện ngắn của nhà văn Tiểu Tử luôn luôn gây xúc động cho người đọc bằng những hình ảnh rất đơn giản trong cuộc sống hàng ngày: một chiếc nón lá, một tô cháo huyết, một cái quần rách, một bản vọng cổ. Những hình ảnh rất đời thường đó, qua giọng văn của ông đã biến thành những âm điệu quê hương khơi dậy nhiều dòng nước mắt.

### Cuộc di tản kinh hoàng



Dân chúng quá sợ cộng sản qua sự kiện Tết Mậu Thân đã bỏ chạy khi thấy các đơn vị quân đội rút khỏi Huế. Photo by Trần Khiêm. Photo: RFA

Trong tâm tư người Việt hải ngoại, cuộc vượt biên đánh dấu một đoạn đời không thể quên, tuy nhiên nhà văn Tiểu Tử muốn nhắc cho mọi người nhớ lại một cuộc hành trình khác không kém phần bi thảm đã xảy ra trên chính quê hương của mình trước ngày 30 tháng 4 năm 75. Đó là cuộc di tản từ miền Trung vào miền Nam, từ làng này sang làng khác của người dân để trốn chiến tranh. Ông cho biết lý do ông chọn đề tài này:

"Mỗi một hình ảnh có một cái đau thương riêng của nó. Hình ảnh di tản là cái đầu tiên hết mà mình thấy, thành ra nó gây xúc động mạnh hơn cái hình ảnh của cuộc hành trình tị nạn. Mặc dù rằng hành trình tị nạn có nhiều cái ví dụ như chết ở dưới biển, bị Thái lan nó hãm hiếp rồi nó chặt đầu... này kia... Cái đó là cái mình thấy sau này. Tức là không phải cũng một lúc mà mình có gần đấy hành trình tị nạn, nghĩa là, nó rời rạc.

Trong lúc đó, thì cuộc di tản nó ồ ạt, nó nhiều, nó đông và cùng một lúc. Thành ra những cái đau thương của cuộc di tản bị cái ồ ạt đó che lấp đi mình không thấy. Nếu mà mình thấy được, viết ra được tất cả những cái đau thương khổ cực trong lúc di tản. Mình sẽ thấy có nhiều hơn nhiều lắm. Bởi vì, nó đông, cái số người đi di tản cũng một lúc, đông lắm.

Xin mời quý thính giả cùng nghe một đoạn tả lại một hình ảnh trong cuộc di tản:



Giữa cầu thang, một bà già, bà mặc quần đen áo túi trắng đầu cột khăn rằn, bà đang bò nặng nhọc lên từng nấc thang. Bà không dáo dác nhìn trước ngó sau hay có cử chỉ tìm kiếm ai, có nghĩa là bà già đó đi một mình. Phía sau bà thiên hạ dồn lên, bị cản trở nên la ó! Thấy vậy, một thanh niên tự động lòn lưng dưới người bà già cõng bà lên, xóc vài cái cho thẳng bằng rồi trèo tiếp.

Chuyện chỉ có vậy, nhưng hình ảnh đó đã đeo theo nhà văn Tiểu Tử từ bao nhiêu năm, ông thắc mắc:

"Bà già đó sợ gì mà phải đi di tản? Con cháu bà đâu mà để bà đi một mình? Rồi cuộc đời của bà trong chuỗi ngày còn lại trên xứ định cư ra sao? Còn cậu thanh niên đã làm một cử chỉ đẹp – quá đẹp – bây giờ ở đâu?... Tôi muốn gửi đến người đó lời cảm ơn chân thành của tôi, anh ta đã cho tôi thấy cái tình người trên quê hương tôi nó vẫn là như vậy đó, cho dù ở trong một hoàn cảnh xô bồ hỗn tạp như những ngày cuối cùng của tháng tư 1975..."

### Những bàn tay nhân ái



Quá sợ cảnh tàn sát của cộng sản trong trận Tết Mậu Thân, người dân bỏ nhà cửa, ruộng đất gồng gánh theo đoàn quân di tản. Photo by Trần Khiêm. Photo: RFA

Đàn bà, trẻ con luôn luôn là những mảnh đời lau sậy, yếu đuối trong cơn lốc của chiến tranh, truyện của Tiểu Tử hầu như luôn có những bàn tay nhân ái đưa ra gánh vác những mảnh đời lau sậy này:

Trong luồng người đi như chạy, một người đàn bà còn trẻ mang hai cái xác trên vai, tay bồng một đứa nhỏ. Chắc đuối sức nên cô ta quỵ xuống. Đứa nhỏ trong tay cô ta ôm nhom, đang là người về một bên, tay chân xụi lơ. Người mẹ - chắc là người mẹ, bởi vì chỉ có người mẹ mới ôm đứa con quặt quẹo xấu xí như vậy để cùng đi di tản, và chỉ có người mẹ mới bất chấp cái nhìn bàng quan của thiên hạ mà khóc than thống thiết như vậy - người mẹ tiếp tục van lạy cầu khẩn.

Bỗng, có hai thanh niên mang ba lô đi tới, một anh rờ đầu rờ tay vạch mắt đứa nhỏ. Anh này bồng đứa nhỏ úp vào ngực mình rồi vén áo đưa lưng đứa nhỏ cho anh kia xem. Thành nhỏ ôm đến nỗi cái xương sống lồi lên một đường dài...

Anh thứ hai đã lấy trong túi ra chai dầu, rồi cạo gió bằng miếng thẻ bài của quân đội. Họ bồng đứa nhỏ, vừa chạy về phía cầu thang vừa cạo gió! Người mẹ cố sức đứng lên, xiêu xiêu muốn quỵ xuống, vừa khóc vừa đưa tay vẫy về hướng đứa con. Một anh lính Mỹ chợt đi qua, vội vã chạy lại đỡ người mẹ, bỗng xốc lên đi nhanh nhanh theo hai chàng thanh niên, cây súng anh mang chéo trên lưng lắc la lắc lư theo từng nhịp bước....

Hình ảnh người Mẹ lúp xúp chạy theo đứa con sắp chết của mình trong tay một người xa lạ, Hình ảnh ấy, mặc dù đã hơn ba mươi năm, nhưng khi viết lại câu chuyện này, nhà văn Tiểu Tử vẫn:

"Cầu nguyện cho mẹ con thành nhỏ được tai qua nạn khỏi, cầu nguyện cho hai anh thanh niên có một cuộc sống an vui tương xứng với nghĩa cử cao đẹp mà hai anh đã làm. Bây giờ, tôi nhìn mấy anh lính Mỹ với cái nhìn có thiện cảm!"

## Quê hương xa rồi



Mọi người đổ xô ra biển để theo tàu vào Đà Nẵng. Photo by Trần Khiêm. Photo: RFA

Cái nón lá, hình ảnh mộc mạc, thân quen đến độ người ta không còn nhớ đến nó, không để ý đến nó. Nhưng trong giờ phút chia lìa, nó bỗng trở thành một cái gì gắn bó, một cái gì thân thuộc mà nếu rời xa, người ta tưởng chừng như xa cả quê hương:

Cũng trên chiếc cầu thang dẫn lên tàu, một người đàn ông tay ôm bao đồ to trước ngực, cồng một bà già tóc bạc phều lất phất bay theo từng cơn gió sông. Bà già ốm nhom, mặc quần đen áo bà ba màu cốt trâu, tay trái ôm cổ người đàn ông, tay mặt cầm cái nón lá. Bà nép má trái lên vai người đàn ông, nét mặt rất bình thản của bà, trái ngược hẳn với sự thất thanh sợ hãi ở chung quanh!

Lên gần đến bong tàu, bỗng bà già vụt tay làm rơi cái nón lá. Bà chồm người ra, hốt hoảng nhìn theo cái nón đang lộn qua chao lại trước khi mất hút về phía dưới. Rồi bà bật khóc thảm thiết...

Bà già đó chắc đã quyết định bỏ hết để ra đi. Yên chí ra đi, vì bà mang theo một vật mà bà xem là quý giá nhất, bởi nó quá gần gũi với cuộc đời của bà:

"Đó là cái nón lá! Đến khi mất nó, có lẽ bà mới cảm nhận được rằng bà thật sự mất tất cả. Cái nón lá đã chứa đựng cả bầu trời quê hương của bà, hỏi sao bà không xót xa đau khổ? Tôi hy vọng, về sau trên xứ sở tạm dung, bà mua được một cái nón lá để mỗi lần đội lên bà sống lại với vài ba kỷ niệm nào đó, ở một góc trời nào đó của quê hương..."

## Những cuộc chia tay xé lòng



Dân chúng quá sợ cộng sản qua sự kiện Tết Mậu Thân đã bỏ chạy khi thấy các đơn vị quân đội rút khỏi Huế. Photo by Trần Khiêm. Photo: RFA

Ngòi bút của ông trải dài qua nhiều đoạn đời bi thảm của cuộc di tản, nhưng hình ảnh thương tâm nhất đã ở lại mãi trong tâm hồn ông là cảnh chia tay xé lòng của hai cha con trên một bến tàu, cuộc chia tay không có tiếng còi tàu hú dài, cũng không có cả một lời từ biệt mà cả cha lẫn con đều biết là sẽ không có ngày gặp lại, nhà văn Tiểu Tử chia sẻ:

"Cái hình ảnh làm tôi xúc động nhất có lẽ là cái hình ảnh mà thằng nhỏ mà Cha nó dẫn đi ra bến tàu. Cầu tàu kéo lên rồi Cha nó lạy lạy những người trên tàu. Những người trên tàu thông

xuống cái sợi dây. Người Cha nắm được cái sợi dây cột ngang eo ếch của thằng con, rồi ra dấu cho ở trên kéo thằng con lên.

Thằng con không khóc, không giãy dụa. Nó nghiêng người nhìn xuống cái người đứng ở dưới, lúc đó tôi mới đoán ra cái người đứng ở dưới là Cha của nó. Người đứng ở dưới ra dấu "đi đi, đi đi". Rồi tự nhiên tôi thấy ông già đó úp mặt vô hai tay khóc nức nở, tôi thấy tôi cũng ứa nước mắt.

Bên cạnh ông là một thằng nhỏ cỡ chín mười tuổi, nép vào chân của ông, mặt mày ngơ ngác. Người đàn ông chấp tay hướng lên trên xá xá nhiều lần như van lạy người trên tàu. Bồng trên tàu thông xuống một sợi thừng, đầu dây đóng đũa. Mấy người bên dưới tranh nhau chụp. Người đàn ông nắm được, vội vã cột ngang eo ếch thằng nhỏ. Thằng nhỏ được từ từ kéo lên, tòn teng dọc theo hông tàu, hai tay nắm chặt sợi dây, ráng nghiêng người qua một bên để cúi đầu nhìn xuống. Người đàn ông ngược nhìn theo, đưa tay ra dấu như muốn nói: "Đi, đi! Đi, đi!". Rồi, mặt ông bỗng nhăn nhúm lại, ông úp mặt vào hai tay khóc ngất! Không có tiếng còi tàu hụ buồn thê thiết khi lìa bến, nhưng sao tôi cũng nghe ứa nước mắt!

Không biết thằng nhỏ đó –bây giờ cũng đã trên bốn mươi tuổi -- ở đâu? Cha con nó có gặp lại nhau không? Nếu nó còn mạnh giỏi, tôi xin Ông Trên xui khiến cho nó đọc được mấy dòng này."

Bên cạnh nghề chính là một kỹ sư hóa học. Nhà văn Tiểu Tử, với trên dưới 30 truyện ngắn ở hải ngoại đã cùng với Lê Xuyên, Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Ngọc Tư đưa văn học miền Nam đến với người đọc bằng ngôn ngữ bình dị mà thấm thiết, lắt léo mà bao dung, đơn sơ nhưng chan hòa tình cảm.

*Nguồn: rfa.org*

\*\*\*

## Phụ đính



## Ông Năm Từ

Cả xóm đó ai cũng biết ông Năm Từ. Nói như vậy cũng chưa đúng. Phải nói rằng cả làng đó – nghĩa là trên một bình diện to rộng hơn – hỏi ông Năm Từ là ai cũng biết. Ông "nổi danh" như vậy không phải vì ông là một nhân vật quan trọng trong làng trong xóm, mà vì lâu lâu ông có những cơn say rượu "dậy làng dậy xóm" nên người lớn trẻ con đều biết mặt ông hết. Nhứt là trẻ con, những lúc đó, tụi nó bu theo ông như một đàn ruồi...

Ông thứ Năm, tên gì thì ít có người biết, nhưng tại vì ông làm ông từ giữ việc quét dọn cúng kiếng trong đình của làng đó, nên người ta gọi như vậy. Cái "thứ" của ông được ghép vào với cái "chức" của ông, lâu ngày trở thành cái "tên", vậy mà cũng chẳng thấy ông đính chánh sửa đổi gì

hết. Làm như đó là một sự tự nhiên. Riết rồi thiên hạ chẳng ai để ý, và có lẽ chính ông Năm Từ cũng quên luôn tên thật của ông nữa!

Mấy ông già bà cả gốc xóm Đình – nghĩa là không phải mấy người mới tản cư đến đó về sau này – đều biết ông Năm hồi ông còn trẻ, hồi những năm kháng chiến chống Pháp. Hồi đó, ông chưa làm ông từ, ông làm thợ câu, nhà ở dưới dốc đình, cạnh bờ sông. Người ta gọi ông là Năm Câu, gọi trống, nghĩa là không thêm một tiếng gì phía trước hết. Vậy là từ hồi trẻ, Năm Câu đã được người ta gọi bằng danh từ ghép, trong đó không có tên cúng cơm của mình. Đến người trong gia đình cũng không ai gọi Năm Câu bằng tên. Họ gọi "thằng Năm". Ông bà già vợ gọi "thằng chồng con Hai". Còn người vợ thì gọi "mình" khi nói với chồng hay "nhà tôi" khi nào nói chuyện với người khác.

Mấy ông già bà cả lâu lâu hay nhắc chuyện Năm Câu hồi thời 1945. Họ nói: "Năm Câu hồi đó gan cùng mình. Nó chèo xuồng đưa du kích qua bên kia sông như ăn cơm bữa. Nói cho ngay, cũng có bà con xóm Đình coi chừng Tây với bạc-ti-dăng giùm nó. Nhưng có nhiều khi Năm Câu cương ẩu làm đại như giỡn chơi. Làm bà con muốn xón trong quần luôn!".

Thật ra, Năm Câu làm gan một phần cũng nhờ ở địa thế của vùng đó và ở vị trí đóng quân của tụi Tây. Làng của Năm Câu nằm trên tả ngạn sông Vàm Cỏ Đông. Bên kia sông là bung với rừng tràm mùt mắt. Cuối rừng tràm là rừng già chạy dài qua Cao Miên. Vùng giáp giới đó tên là Bù Lu Chuối Nước. Kháng chiến lập chiến khu ở đó.

Điểm đặc biệt của làng Năm Câu là đất ở đó không bằng phẳng. Có gò cao trũng thấp, hai gò cao nhứt lại nằm ở hai đầu làng. Gò đầu trên – trên là vì nằm về phía thượng lưu con sông – gọi là gò đồng mả, ai chết cũng đều đưa lên đó chôn. Gò đầu dưới gọi là gò Đình, bởi vì trên gò đó có cái đình thờ thần của làng. Chung quanh đình là rừng cây dầu kéo dài xuống tiếp nối với một làng khác nằm dưới hạ lưu. Hai gò nằm cách nhau xa cỡ mấy cây số. Chính giữa trũng xuống là chợ búa và nhà cửa dân cư cất dọc theo bờ sông. Tây đóng đồn ở đây – nghĩa là ở giữa dân chúng – trên đất của ông đốc phủ Lễ. Nhờ vậy, mỗi lần Tây dẫn bạc-ti-dăng đi ruồng bớ là thiên hạ đều hay hết.

Đường xuống đình băng ngang một khoảng trống khá rộng gọi là "hố quần", hồi xưa là con rạch nhỏ lâu ngày bị đất gò trôi xuống lấp đi. Ở đó vào mùa mưa là ngập nước. Dân xóm Đình phải xấn quần tới bẹn, lội qua đó mà xuống chợ. Nếu không chịu đi như vậy thì phải đánh một vòng rất xa, dọc theo bờ rừng dầu đi sâu về phía dưới rồi băng qua ruộng đến con lộ cái đi ngược trở lên. Xa như vậy cho nên về mùa mưa, Tây ít đi ruồng miệt xóm Đình. Và về mùa mưa, gò Đình xem giống như một hòn đảo!

Nhờ địa thế gò Đình như vậy nên Năm Câu đưa rước kháng chiến qua sông dễ như trở bàn tay. Có hôm Năm Câu theo họ vào Bù Lu Chuối Nước chơi hết mấy bữa mới về, làm trong xóm tưởng Năm Câu đi khu luôn. Nghe như vậy, Năm Câu cười khịt: "Đi luôn rồi lấy ai mà chèo xuồng đưa mấy chạ đây?".

Năm Câu có hai đời vợ. Người vợ trước cưới về chưa đầy một năm, đau rồi chết. Ít lâu sau, Năm Câu cưới người vợ thứ nhì. Chị này người xóm Chùa, bán cá ngoài chợ. Nhờ ba con cá mà hai người phải lòng nhau. Bữa đám cưới, mấy ông già nói: "Trai xóm Đình cưới gái xóm Chùa là đúng điệu quá rồi. Thợ câu xâu chị bán cá, thiệt là xứng đào xứng kếp!". Vậy mà chị này, sau khi đẻ thằng con trai cho Năm Câu, đau rề rề hai ba tuần lễ rồi cũng tắt thở. Mấy bà trong xóm nói Năm Câu có tướng sát thê. Rồi họ kết luận: "Con nhỏ nào về ở với nó vài bữa rồi cũng ngum tuốt. Mấy thằng đàn ông sát thê là vậy đó!". Nghe như vậy, Năm Câu đành ở vậy nuôi con. Để khỏi phải chôn thêm bà vợ nào nữa hết.

Thằng con Năm Câu tên là Nhành. Càng lớn càng kháu khỉnh. Khi biết nói đồ đẽ, nó gọi Năm Câu bằng tía nhưng vì còn ngọng nghịu nên nó phát âm là "chía" làm Năm Câu sướng rơn! Ngày nào Năm Câu cũng gởi con cho bà hàng xóm để đi câu. Nhưng khi về đến nhà là bông riết thằng nhỏ, rề nó đi khoe cùng xóm. Lâu lâu vừa nựng con cu của thằng nhỏ, vừa nói đả đót: "Tru mẹ! Ton tu này đái chôi thằng cha nó luôn." (Đu mẹ! Con cu này đái trôi thằng cha nó luôn). Nói như vậy bởi vì hai cha con ngủ chung với nhau, và đêm nào thằng Nhành cũng đái dằm. Riết rồi gỏi mền gì đều khai ngáy. Từ ngày vợ chết, Năm Câu nghỉ câu đêm, ở nhà ngủ với con. Những đêm

phải đưa người qua bưng, bà hàng xóm qua coi chừng thằng nhỏ trong thời gian ngắn chèo đi chèo về. Lúc này, Năm Câu không còn cựa ở bên kia sông như hồi đó nữa, đưa qua rồi là chèo rút về để ngủ tiếp với con. Làm như ghìen cái hơi hám đó, bởi vì trong mùi khăn khăn của gói mền có lẫn mùi da thịt và nhíp thờ thơm tho của thằng Nhanh... Trong đời người thợ câu đó chỉ có thằng con là quý nhất.

Ông từ giữ đình hồi đó là chú bà con của Năm Câu. Những lúc rỗi rảnh, Năm Câu thường lên đình phụ quét dọn với chú, và năm nào đến lễ cầu an (dân trong làng gọi là lễ " kỳ yên"), Năm Câu cũng nghỉ câu mấy bữa để giúp chú coi trong coi ngoài, bởi vì mấy ngày đó trên đình người ta đông như kiến. Nhờ tới lui với người chú như vậy mà Năm Câu rành việc cúng kiếng tế lễ theo tập tục cổ truyền. Cho nên làng xã và các bang hội hay nhắc Năm Câu tới giúp mỗi lần có tổ chức cúng bái. Năm Câu làm những việc đó một cách rất nghiêm trang và thành kính chớ không phải hợ hễ bề ngoài. Bởi vì Năm Câu tin tưởng rằng có Ông Trên – gồm Trời Phật Thánh Thần – và có Ông Bà phò hộ nên làng này mới bình yên như vậy và dân chúng mới làm ăn phát đạt như vậy. Năm Câu hay tự nhủ :

" Hễ mình nghĩ phải, làm phải thì thế nào cũng có Thánh Thần độ trì". Sự tin tưởng đó thường được bộc lộ bằng những câu như " Thần làng mình linh lắm đó bà con. Tây mà còn không dám rờ tới đình thì phải biết!". Hoặc thường hay khuyên: " Thề thốt bậy bạ đây rồi bị Thần vận hòng đừng có trách!". Nói như vậy, bởi vì có lần Năm Câu chứng kiến một vụ thề trước đình của hai chị đàn bà. Hai chị này ở xóm Lò Gạch, nhà ở cạnh nhau. Một hôm, xảy ra chuyện mất tiền, rồi chị này nói chị nọ ăn cắp. Mới đầu còn đứng hai bên bờ rào xương rồng, lời qua tiếng lại. Một lúc sau, chạy xồng xộc ra ngõ xĩa xối nhau, lời bà con dòng họ ra mà chửi rửa rồi xáp vào nhau đánh lộn. Nhờ hàng xóm chạy qua can gián, họ mới chịu yên. Yên, nghĩa là không đánh chửi nhau, nhưng mỗi bên lời hàng xóm ra để phân bua và làm chứng. Cuối cùng là họ kéo nhau xuống đình để thề... Thiên hạ chạy theo coi, cũng hâm hờ không kém người trong cuộc! Rần rần rộ rộ như vậy mà khi vào trong đình là im phăng phắc. Tới đó rồi mà hai chị đàn bà vẫn còn thách nhau, mặc dù không dám to tiếng: " Mày giỏi mày thề đi! Thề đi!". Còn cựa một lúc rồi cũng có chị thấp nhang thề trước: " Tôi xin thề trước đình là nếu tôi có ăn cắp tiền của con nhỏ này thì cho xe lửa cán tôi đi!". Đến lượt chị thứ nhì, giọng còn hậm hực: " Tôi mà nói gian cho nó cũng cho xe lửa cán tôi đi!". Sau đó họ kéo nhau về, rẽ làm hai tốp, mỗi tốp đi theo một chị, im lặng, lo lắng. Trong thâm tâm mỗi người hàng xóm đều có một sự chờ đợi, phập phồng. Không ai để ý rằng chẳng có chị nào dám nói " thề trước Thần" mà chỉ dám nói " thề trước đình" và chuyện " xe lửa cán" ở cái làng xa xôi này thật là quá vô lý! Vậy mà tháng sau, cả hai chị đàn bà đó đều ngã lăn ra chết. Chị bị tình nghi ăn cắp tiền chết trước, trúng gió, nằm liệt mấy hôm rồi chết không trối được một tiếng. Hàng xóm nói chỉ " mắc lời thề ". Chị mất tiền chết sau, thầy pháp nói chỉ bị vong hồn của chị chết trước bắt! Hàng xóm lại nói chỉ " cũng mắc lời thề "... Năm Câu thì nghĩ khác. Năm Câu cho rằng hai chị đó " giỡn mặt với Thần; chuyện bậy bạ đâu mà dám đem Thần ra làm chứng ", vì vậy mà cả hai đều bị " Thần quở ". Vụ thề thốt đó đã làm cho Năm Câu càng tin tưởng mãnh liệt ở sự linh thiêng của Ông Trên...

Rồi một năm đó, vào mùa mưa, ông từ giữ đình qua đời. Làng xã và bang hội đưa Năm Câu vào đình thay thế. Từ đó, Năm Câu trở thành Năm Từ, dọn lên ở cái nhà nhỏ sau đình. Rồi cũng từ đó, thằng Nhanh- lúc này đã bắt đầu lớn - nổi nghiệp tía nó luôn.

Hồi còn nhỏ, nó học hết lớp nhì rồi ở nhà học nghề câu với tía nó. Lâu lâu nó cũng theo tía nó chèo xuồng đưa du kích qua sông (Bấy giờ, người ta gọi mấy người đi kháng chiến là du kích). Mấy chú du kích hay vò đầu nó hoặc để cho nó mân mê mấy khẩu súng lục. Nó khoái thứ này lắm. Vừa lóng vừa nặng. Rờ vào thấy lạnh ngắt mà khi cầm trong tay thì bỗng nhiên mình cảm thấy mình không còn biết sợ cái gì hết ! Giống như có vô bùa... Những lúc đó, mắt nó ngời lên thích thú cũng bằng như vừa kéo lên một con cá bự.

Bây giờ thằng Nhanh đi câu một mình. Lâu lâu cũng đưa du kích qua sông như tía nó đã làm hồi đó, và lâu lâu cũng " đi mất " vài hôm...

Thằng Nhành không chịu lên ở trên đình với tía nó. Nó thường đến phụ quét dọn trong đình ngoài sân, nhưng xong việc là nó trở về cái chòi tranh ở bờ sông. Ở đó, nó có cái thế giới của nó, cái thế giới mà tía nó đã tạo ra và trong đó nó đã sanh ra, lớn lên, quen nhìn quen thấy. Chẳng có gì đặc biệt: nhà tranh nền đất, một gian, một chái làm bếp, nhìn ra sông qua một sân có trồng mấy bụi mía, đám mì, mấy cây ớt, phía sau là đám chuối xiêm với giàn bầu, bên hông là con lạch nhỏ có chiếc cầu con bằng ba tấm ván vừa dùng để tắm giặt vừa dùng để cột xuồng. Chỉ có ngần đó thứ, thật đơn sơ nhưng cũng thật là thân thuộc, những thứ đã dính liền vào cuộc sống của nó từ thuở ấu thơ và bây giờ đã trở thành của riêng của nó, của một mình nó thôi.

Năm Tù ở trên đình cũng buồn. Thường xuống cầu với thằng con mấy bữa hoặc ở lại ngủ với nó mấy đêm. Người ta nói: " Năm Tù không thể vắng con quá ba ngày!". Sáng nào cũng vậy, đi cầu về chèo xuồng ghé qua chợ giao cá cho bạn hàng xong, thằng Nhành chèo miết về nhà tắm rửa rồi thả bộ lên đình kiếm tía nó. Năm Tù cũng vừa cúng nước xong. Hai cha con đưa nhau xuống xóm Nhà Máy, uống cà phê ở tiệm Tưng Gòn. Chú Tưng Gòn năm nay đã năm mươi ngoài, nhưng người trong xóm vẫn tiếp tục gọi là " tưng ", vì đã quen gọi như vậy từ mấy chục năm nay, từ hồi chú còn nhỏ. Chú là người Quảng Đông. Ông già chú làm trong nhà máy xay lúa của ông bang Xôi từ hồi xưa hồi xưa. Qua tới đời bang Bi – con bang Xôi – lên làm chủ, ông cũng vẫn tiếp tục làm cho đến khi ông mất. Tưng Gòn hồi bên Tàu mới qua, không biết nói một tiếng Việt Nam. Vậy mà đi chơi chung với bầy trẻ trong xóm, ọ ẹ riết rồi cũng nói được, tuy rằng phát âm vẫn còn lơ lơ. Cách phát âm đó, mấy chục năm sau Tưng Gòn vẫn không sửa được mặc dù cưới vợ Việt Nam và đẻ một bầy con chẳng có đứa nào biết một tiếng Tàu ! Tưng Gòn và Năm Tù quen thân nhau từ hồi nhỏ. Hồi đó, trẻ con phá phách nhứt trong xóm là " thằng Năm và thằng Gòn". Hai đứa chiều nào cũng rủ một bầy con nít xuống tắm sông ở bến gỗ trại chày Cai. Ở đó có cây gừa thật to, gốc trên bờ nhưng thân nghiêng ra ngoài nên những cành già thả rủ dài xuống mặt nước. Mấy đứa nhỏ bám mấy rễ đó đu qua đu lại hoặc để lấy đà quăng mình ra xa lộn một vòng trước khi rơi ùm xuống nước. Cây gừa đó đã bị trận lụt năm Thìn lôi tróc gốc, nhưng những kỷ niệm cũ Tưng Gòn vẫn còn nhắc hoài. Có lần, thằng Nhành nghe Tưng Gòn kể lại: " Hồi đó tao chưa biết lội. Thằng Năm bày đặt bắt chuồn chuồn cho cắn rún tao đau thấy mẹ rồi xô tao xuống nước làm tao uống hết một bụng ! May là chỗ đó cạn chớ không thì đã chết chìm rồi. Đu mẹ ! Thằng ác can không nổi !". Gọi lại những mẩu chuyện nhỏ hồi xưa, Năm Tù và Tưng Gòn nghe trong lòng vừa cảm động vừa thích thú. Bây giờ, hai người vẫn " mầy tao " như hồi đó, nhưng nhìn nhau đã thấy bắt đầu già...Nói chuyện với Tưng Gòn, Năm Tù hay ví mình như cái đình, cũng xưa, cũng cũ, cũng rêu phong, còn thằng Nhành thì được tía nó ví như một cái nhà gạch nền đúc, mái lợp bằng ngói móc tân thời lúc nào cũng đỏ au màu mới. Ví von không phải để tiếc tuổi tuổi tráng niên của mình hồi đó, mà để thấy tự hào đã tạo ra thằng con như vậy. Cái sung sướng của Năm Tù là thằng Nhành tiếp nối nghề nghiệp của tía nó và hai cha con vẫn ở gần nhau chớ không phải như bầy con của Tưng Gòn, từ ngày mẹ chết, tụi nó theo người bà con xuống Chợ Lớn làm ăn, bỏ ba tụi nó một mình với quán cà phê . Lâu lâu Tưng Gòn hay than: " Mầy có phước hơn tao, một cây có một trái mà lúc nào cũng có cha có con. Còn tao đẻ một bầy năm đứa mà rốt cuộc cũng như không có đứa nào hết ! Đu mẹ nó !". Tưng Gòn lúc nào mở miệng cũng phải chửi thề. Làm như là một sự cần thiết cho câu nói. Thật ra, tiếng chửi thề là tiếng Việt Nam mà Tưng Gòn học nói đầu tiên với mấy đứa nhỏ, hồi bên Tàu mới qua. Rồi cứ lặp đi lặp lại riết nên trở thành cái tật, bỏ không được ! Như vậy, từ mấy chục năm nên cũng không ai để ý nữa. Năm Tù cũng quên mất là chính mình hồi đó đã dạy " thằng Gòn " nói tầm bậy tầm bạ nhứt, để cười chơi. Bây giờ, lâu lâu nhớ lại tiếng chửi thề " chửi câu " của thằng bạn người Tàu, Năm Tù nghe thương bạn vô cùng. Vừa thương tình thật thà "học sao nói vậy " của Tưng Gòn từ hồi xưa hồi xưa tới giờ vẫn không thay đổi, vừa thương tình cảnh gia đình người bạn, cũng góa vợ như mình nhưng không nhờ cậy gì được ở bầy con. Những lúc đó, Năm Tù nhìn thằng Nhành một cách triu mến và thấy tất cả cuộc sống của mình đều tích tụ vào nó như đóm lửa ngọn đèn dầu thấp sáng trong đêm: Năm Tù là cây đèn dầu mà thằng Nhành là đóm lửa nằm trên đầu sợi tim, sức sống của cây đèn.

...Rồi một hôm có tin đình chiến với hiệp định gì đó chia hai đất nước. Chia ở đâu, thiên hạ không rõ nhưng nghe nói hết giặc là ai cũng mừng. Ở ngã ba lộ cái người ta tụ tập, nghe ngóng, bàn tán xôn xao. Tây và bạc-ti-dăng rút vô đồn, bỏ mặc bên ngoài dân chúng muốn làm gì thì làm. Xe đò nào từ Sài Gòn chạy về ngang cũng phải ngừng lại ngã ba để người ta hỏi thăm tin tức. Làm như đó là cơ quan thông tin ! Thôi thì mạnh ai nấy nói: tài xế, lơ, hành khách người nào cũng muốn chứng tỏ rằng mình am tường tình hình, ồn ào như cái chợ! Nói nghe thì nhiều, nhưng rốt cuộc chỉ vây quanh có mấy điểm: Tây thua mình thắng, xứ sở tạm thời chia hai, ai muốn ra Bắc thì theo tập kết, ai muốn ở miền Nam thì tự do vào miền Nam, vài bữa trưng cầu dân ý để thống nhất. Thật là giản dị !

Vài hôm sau thấy có vài anh du kích về thăm nhà để sau đó đi tập kết. Đi lại thật tự do, làm như chuyện đánh giặc mười năm chỉ là chuyện giỡn chơi trong giây lát. Có vài người ghé thăm Năm Tù và thằng Nhành để cảm ơn vụ đưa rước qua sông. Họ rủ thằng Nhành theo họ ra Bắc " chơi cho biết ". Thấy được dịp đi đó đi đây thằng Nhành cũng hăng lắm, nhưng khi nó nhìn thấy đôi mắt tia nó tối lại, nó biết tia nó không bằng lòng nên nó làm thinh. Năm Tù trả lời:

- Bây giờ yên rồi, cha con tôi kể như đã làm tròn nhiệm vụ đối với kháng chiến. Mấy chú cứ đi đi. Để thằng Nhành ở lại với tôi cho có cha có con.

Họ giải thích dông dài để thuyết phục Năm Tù, nhưng rốt cuộc đành đề nghị ở lại chơi một ngày và đi câu với thằng Nhành đêm đó trước khi chia tay để đi tập kết.

Sáng hôm sau, cúng nước xong, Năm Tù ra ngồi chòm hóm ngoài cổng đình hút thuốc, đợi con, Người trong xóm đi chợ, ngang qua chào hỏi:

- Đợi thằng Nhành hả chú Năm?

Hỏi mà không cần trả lời, bởi vì họ biết chắc mười mươi là đúng như vậy. Năm Tù ậm ừ láy lẹ, mắt nhìn xuống dốc đình phía bờ sông. Lâu lâu đứng lên để cái nhìn đưa xa hơn về phía dưới. Cứ đứng lên ngồi xuống như vậy đến khi mặt trời đã lên quá hai sào mà vẫn chưa thấy bóng thằng Nhành. Thật là lạ! Xưa nay thằng nhỏ chẳng bao giờ trễ tràng đến như vậy. Chắc có chuyện gì rồi. Năm Tù đành bươn bả đi về hướng bờ sông. Đi mà giống như chạy. Phần vì xuống dốc, phần vì nóng lòng muốn chóng tới nơi. Con đường mòn dẫn tới chòi tranh của thằng Nhành, chân quen đi lại từ bao nhiêu năm, mà bây giờ sao bỗng thấy nó ngoằn ngoèo một cách vô lý. Phải đi vòng phía sau lò heo của chú Mìn, bước qua hai đường mương trên mấy khúc tre gập ghềnh rồi đi quanh lò bún của di Tư Đập mới trở ra ruộng mía của thầy Cai. Ở đây lẽ ra Năm Tù phải bợc theo ven ruộng mía đến gốc cây gõ rồi ôm bên hông lò rèn Hai Tịnh mà ra bờ sông, nhưng đi như vậy quá chậm. Năm Tù nhắm hướng rồi băng càn qua ruộng mía. Lá mía cắt mặt cắt tay mà Năm Tù vẫn không hay không biết, cứ cắm đầu đi thẳng về phía trước. Một lúc là ra khỏi ruộng mía. Nhìn về phía bên trái là thấy nhà thằng Nhành, phen tre sập xuống im lìm. Đẩy phen tre lên, bên trong vắng ngắt. Cái nhà một gian một chái không vách ngăn, bỗng như rộng mênh mông. Năm Tù bỏ phen tre xuống, bước ra ngoài con lạch: chiếc xuống cầu không có đó. Chết rồi! Thằng Nhành chắc bị gì rồi! Năm Tù hốt hơ hốt hải chạy băng ruộng mía, chạy ngược về đình, chạy đổ xuống xóm nhà máy, ghé quán cà phê cho Tủng Gòn hay, nhip thờ cất câu nói thành từng khúc:

- Thằng Nhành...bị...gì rồi...Nó đi câu...hồi hôm giờ...chẳng thấy về...Tao đi...mượn xuống Hai Hiệp...kiếm nó coi.

Tủng Gòn chắc lưỡi chửi thề, chưa nói được gì thì Năm Tù đã chạy ù đi mất.

Sông Vàm Cỏ Đông rộng mênh mông. Từ bờ bên này nhìn thấy bờ bên kia nhưng hai bờ xa nhau quá ba dặm hú. Bờ bên kia không có xóm làng. Hồi xưa là bưng và rừng tràm. Dân bên này chèo xuống qua bên đó đốn cây tràm về làm cừ hoặc đi lấy mật ong về bán. Người ta cũng qua đó khai mương đắp bờ làm ruộng. Mới đầu còn ít nhưng sau rồi rừng tràm bị đốn tới đâu là ruộng lúa lan theo tới đó. Không có ai cất nhà ở bên đó, nhưng họ cất chòi để giữ ruộng, hoặc thấp lè tè núp dưới lùm cây dại, hoặc chòi cao cẳng đứng lên nghêu giữa đồng. Vào mùa gặt, bên đó đông như hội...

Thằng Nhành thường giăng câu bên kia sông, trong khoảng từ rạch bà Chạy kéo xuống rạch ông Tồn, ngang qua vịnh Mù U, chỗ có chiếc ghe bầu đựng bè gỗ chìm hồi tia nó còn trẻ. Vốn biết



rành vùng giăng câu của con, nên Năm Từ chèo riết qua sông, đâm xéo xéo qua con rạch trên mà mắt nhìn dài theo mé nước. Dọc bờ sông cây cối mọc um tùm. Nhiều cây cao, tàn xòe ra như cây lọng, cò ở đâu về đậu trắng như bông. Buổi sáng bên sông nắng trong tinh khiết. Mặt nước trải dài rộng thênh thang. Thật mát và thật êm ả. Cảnh trí đó, Năm Từ đã từng thưởng thức không biết bao nhiêu lần mà kể. Vậy mà bây giờ, nó không còn ý nghĩa gì hết. Cái tịch mịch, cái êm ả chung quanh chỉ làm tăng thêm sự dao động bên trong của Năm Từ. Thà có tiếng ai hò ai hát, thà có tiếng ai gọi ai kêu để Năm Từ cảm thấy rằng mình đang đi vào một vùng sinh động, trong đó nếu không hy vọng gặp thằng con thì cũng còn hy vọng gặp người này người nọ để hỏi dò coi có ai thấy thằng Nhành không. Đằng này, ngoài tiếng chèo khua nước, Năm Từ còn nghe được tiếng trái tim mình đập mạnh, hơi thở mình đứt quãng. Để tránh cái cảm giác ngây ngấy khó chịu đang dâng lên, Năm Từ dừng xuồng ở miệng rạch bà Chạy, hướng vào trong gọi lớn :  
- Ở... Nhành ơi ! Ở... Nhành !

Tiếng Năm Từ vang dài, lờng lờng trên mặt sông, giống như tiếng mấy người quảng cáo thuốc nói trong loa. Bầy chim đâu đó hoảng hốt bay vù lên trời. Năm Từ gọi tiếp mấy lần, tiếng gọi mát hút trong xa, chỉ thấy trả về yên lặng và yên lặng. Nước bắt đầu ròng. Năm Từ thả xuồng trôi theo nước, mắt vẫn tiếp tục nhìn vào mấy hốc mấy lạch, lâu lâu gọi con, nghe như tiếng loài chim hoang chỉ sống ở ven sông để kêu khi nước lên nước xuống...

Trôi tới vịnh Mù U thì mực nước đã để lòi cao cái bánh lái của chiếc ghe bầu chìm. Không biết hồi xưa ghe đụng bè gỗ cách nào mà chìm trút mũi xuống đáy sông, chống lái lên trời, rồi đứng nguyên ở tư thế đó từ mấy chục năm nay. Năm Từ nhớ hồi thằng Nhành còn nhỏ, lúc nào giăng câu gần đó nó cũng lội tới đó để trèo lên bánh lái lấy đà phóng xuống nước. Càng phóng ra xa chừng nào nó càng khoái chí chừng nấy. Khi trôi lên mặt nước, nó cười vang sông, tiếng cười thật trong trẻo mát rượi. Tiếng cười đó đã mất đi từ ngày thằng Nhành lớn lên, làm Năm Từ lâu lâu thấy nhớ. Sau này, bánh lái đó là chỗ mà thằng Nhành thường cột xuồng đợi nước, vừa xa bờ vừa nằm vào giữa khoảng giăng câu. Bánh lái lòi cao ra đó vậy mà thằng nhỏ nó ở đâu bây giờ ? Không có dấu vết gì của nó hết. Từ chiếc xuồng đến những cái phao làm dấu đường giăng. Năm Từ gọi tiếp rồi gọi tiếp: " Ở... Nhành ơi ! Ở... Nhành !". Tiếng Năm Từ càng gọi càng nghe thảm thiết. Chỉ có mấy âm " Nhành ơi " mà sao nghe náo nức như một chuỗi dài than thở héo hon. Mỗi lần gọi con, Năm Từ cảm thấy như hơi sức bị hao mòn đi một ít. Cũng như niềm hy vọng đang mòn dần...mòn dần...

Nước càng ròng càng chảy mạnh. Xuồng Năm Từ trôi băng băng. Một lúc sau là tới rạch ông Tồn. Rạch này rộng hơn rạch bà Chạy, và dài hơn vì nó dẫn tới bìa rừng Bù Nóp. Hai bên rạch là ruộng lúa dài dài. Trên bờ rạch, xa xa, chòi ruộng đứng bơ vơ...

Khi cho xuồng vào vàm rạch, Năm Từ thoáng nhìn thấy trong xa ngọn cây tầm vông mà người ta thường dùng để cắm xuống lòng rạch giữ thuyền. Mắt sâu bỗng sáng lên, Năm Từ lấy sức chèo ngược dòng, chèo hồi hả. Vừa chèo vừa hướng vào trong gọi to:

- Ở... Nhành ơi ! Ở... Nhành !

Tiếng gọi con bây giờ cũng nghe dồn dập như nhịp chèo khua nước. Chẳng mấy lúc là đã thấy dạng con xuồng nhỏ cắm sào bên chòi ruộng thấp lè tè. Năm Từ thấy không phải xuồng của con, đã chán nản, thì trong chòi có người lom khom bước ra. Nhìn rõ thì là thằng Lừa ở xóm Lò Gạch.

Thấy Năm Từ, nó ngạc nhiên:

- Ủa ! Chớ bác Năm không hay thằng Nhành đi Dầu Tiếng rồi à ?

Đến phiên Năm Từ ngờ ngác:

- Thằng Nhành... Thằng Nhành đi Dầu Tiếng ?

Thằng Lừa vẫn chưa hết ngạc nhiên:

- Chớ nó không có xin phép bác sao ? Nó đi từ chiều hôm qua. Đi với mấy chú du kích. Đi Dầu Tiếng để sáng nay tập kết ra ngoài Bắc.

Năm Từ bần rùn tay chân, vói nắm cây sào rồi tì lên đó để khỏi quỵ xuống. Năm Từ còn nghe được tiếng của mình nói:

- Vậy hà !

Rồi nghe tiếng thằng Lừa kể chuyện lại, tiếng được tiếng mất, chập chờn như trong chiêm bao:

- Chiều hôm qua, nó chèo xuồng lên xóm của cháu để rủ cháu đi tập kết. Cháu bị còn bà già với lúa ruộng đang mê mê nên không dám đi. Nó gởi xuồng ở nhà cháu rồi đi luôn với hai chú du kích. Cháu tưởng bác Năm hay rồi chứ !

Năm Từ lại nghe tiếng của mình nói:

- Vậy hà ! Ờ... Không hay.

Thằng Lừa còn nói loáng thoáng:

- Chiều cháu về cháu đem xuồng của nó xuồng cho bác, nghen.

Năm Từ " ờ " lúc nào không biết. Chỉ biết có buồng cây sào ngồi xuồng, và biết không còn gì hiện hữu nữa mà mình thì đã chết hẳn từ hồi nào rồi...

Xuồng không được giữ lại, từ từ theo nước trôi đi. Trôi dọc, trôi ngang như chiếc lá to giữa dòng. Năm Từ ngồi trên đó như một pho tượng, lưng cong cong, đầu cúi xuống, tay buông thõng. Đến mấy khúc quanh, xuồng va vào bờ rồi trở đầu. Nhiều lần như vậy mà Năm Từ vẫn không nhích. Cuộc sống như ngừng lại. Chỉ có tiếng chim hoang kêu lên từng chập, tiếng chim trầm bổng nghe như còn tiếp tục gọi: " Ờ... Nhanh ời ! Ờ... Nhanh !"

Xuồng trôi ra sông, trôi dọc theo bờ, trôi dài xuống hạ lưu. Năm Từ chỉ giựt mình tỉnh hồn khi xuồng đụng mạnh vào một thân cây nằm dài trong nước. Va chạm mạnh đến mức độ xuồng nghiêng về một bên làm nước tràn vào trong. Năm Từ chụp lấy cây chèo để giữ thăng bằng, rồi vừa nạy cho xuồng rời khỏi thân cây vừa nghĩ: " Mẹ ! Xuồng của người ta ! Rủi có bề gì thằng Hai Hiệp chửi tắt bép !". Khi xuồng đã tách khá xa bờ, Năm Từ nhìn quanh thấy mình đang ở tuốt dưới doi Cây Gỗ. Nhìn ngược lên, nhờ khúc sông vừa rộng vừa thẳng, nên thấy nhà cửa xóm làng lúp xúp ở chân trời. Làm như muốn chìm xuống nước.

Sửa lại quai chèo, Năm Từ chèo về chậm chậm. Không có gì phải gấp. Không còn gì phải gấp.

Bây giờ, thật sự chẳng còn gì nữa hết. Cha mẹ chết từ hồi mình còn trẻ. Vợ chết sau khi đẻ thằng con. Bà con thì chẳng còn ai. Có mỗi một thằng con mà nó cũng bỏ đi mất ! Mình bây giờ thật là bơ vơ. Cuộc đời này bây giờ thật là không còn ý nghĩa gì nữa. Thằng Nhanh đi rồi, mình giống như cây đèn dầu bị thổi tắt ngọn lửa. Cây đèn dầu sẽ vĩnh viễn không còn được thấp sáng. Sự sống đã bị ai cướp mất đi rồi... Bỗng Năm Từ nghĩ lại: " Chắc mấy thằng du kích nó dụ con mình, chứ thằng Nhanh làm gì tự nó bỏ đi được ?". Chưa kịp cảm phẫn, lại nghĩ tiếp: " Cũng tại mình hết. Ai biểu đưa rước kháng chiến ? Rồi còn tập cho thằng nhỏ đưa rước để cho nó lậm luôn. Bây giờ còn trách ai ?". Còn đang ân hận thì lại nghĩ khác: " Mà thằng Nhanh cũng đã lớn rồi chứ phải con nít sao mà nghe lời người ta dụ ". Cứ nghĩ quẩn nghĩ quanh rồi khi thì tức mấy thằng du kích, khi thì tự trách mình, khi thì giận thằng con. Lý luận vòng vo để không biết ngừng ở đâu cho phải, giải quyết thế nào cho đúng. Đầu óc Năm Từ rối tợ bông bong...

Mặt trời đã đứng bóng. Nước còn ròng. Năm Từ chèo ngược nước mà có cảm giác như đang cố ngoi lên từ đáy sông để tìm một cái phao, một điểm tựa, một lối thoát...

Khi Năm Từ bước vào tiệm nước, Tầng Gòn nhận thấy thằng bạn như thất thần. Không đợi hỏi, Năm Từ thuật lại vắn tắt, nói như cho chính mình nghe:

- Nó đi rồi ! Nó trốn tao, nó đi rồi ! Đi ra Bắc với Tiên Tổ nó ở ngoài !

Tầng Gòn dậm chân chửi thề liên hồi. Rồi nhớ lại thằng bạn chắc chưa ăn sáng, bèn đề nghị:

- Tao nấu hủ tiếu hai đứa mình ăn nghen ! Đu mẹ nó ! Ăn cái đã !

Một lúc sau, cả hai cùng ngồi ăn, chẳng biết nói gì với nhau hết. Tầng Gòn đem ra thêm một tô xí quách và một xí để:

- Đu mẹ ! Thứ này đưa cay là hết xẩy !

Năm Từ không phải bợm rượu, tuy lâu lâu có dịp cũng lai rai. Bữa nay, sau mấy hớp đầu, bỗng nghe trong người như được bơm thêm một chút sinh lực. Ngấm lại mấy ông già xưa nói thật có lý : uống rượu để giải sầu. Vậy thì làm thêm vài ly cho nó tỉnh mình rồi về đình còn quét lá sân trước sân sau. Mấy ông còn nói : "Uống rượu để quên trời quên đất ". Vậy thì làm thêm một xí nữa cho nó đừng nhớ gì hết. Mà thiệt ! Sau đó không nhớ là đã nốc hết bao nhiêu xí. Quên cha nó mình là ai, ở đâu. Chỉ còn nhớ mang máng là mình vừa mất thằng con. Không ! Không phải ! Mình đang đi kiếm thằng con, thằng nhỏ đi lạc đâu đó. Coi chừng nó bị té sông. Coi chừng nó bị xe đụng. Té sông cũng chết ! Xe đụng cũng chết ! Năm Từ giựt mình đứng phắt lên nhìn ra ngoài. Tầng Gòn

đang trở mắt ngạc nhiên thì Năm Từ đã xiêu xiêu bước ra đường, rồi vừa ngắt ngưỡng chạy như người lên đồng, vừa kêu, vừa khóc, vừa kể lể :

- Nhanh ơi ! Con đi đâu ? Rồi té sông té suối làm sao ? Rồi xe cộ cán con làm sao ? Rồi con bỏ tía ở lại với ai ? Tía đây nè con ơi...Hu...Hu...

Lâu lâu, Năm Từ té quỵ xuống, gượng đứng lên, băng xiêng băng nai mà chạy tới như được tiếp sức bởi một mãnh lực vô hình. Trẻ con bu theo như ruồi, vỗ tay cười khi thấy người say té chúi xuống. Người lớn nhìn nhau, không hiểu. Có mấy người bước lại đỡ Năm Từ lên :

- Sao vậy chú Năm ?

Rồi khi nghe mùi rượu nặc nồng, họ đề nghị :

- Để tụi này đưa chú về đình.

Năm Từ mắt trợn trừng, vùng ra hét to :

- Về đâu ? Người ta đi kiếm thằng Nhanh mà về đâu ? Nó đi lạc đâu rồi.Hu...Hu... Con ơi là con...

Rồi tiếp tục chạy, tiếp tục kêu, tiếp tục khóc. Lên đến gò Đồng Mã, Năm Từ kiệt sức, ngã lăn dưới gốc cây da rồi ngủ thiếp đi. Năm Từ không biết rằng mình đã tìm ra được một lối thoát !

Từ đó, lâu lâu nhớ con, Năm Từ " lên " một cơn say dậy xóm dậy làng...Đó là lúc mà cây đèn dầu của Năm Từ được vận cho sợi tim lú lên cao thật cao để tìm ngọn lửa, ngọn lửa mà người ta đã cướp mất. Năm Từ lúc nào cũng kết thúc cơn say ở gò Đồng Mã, làm như tiềm thức dẫn Năm Từ đến đó là cuối đường.....

\*\*\*

Yên được đôi năm gì đó rồi lại thấy có giặc lại. Quân đội quốc gia cũng đóng đồn trên đất ông đốc-phủ, chỗ tây đóng hồi đó, nhưng đào hào đắp bờ kiên cố hơn. Dân chúng vẫn ở chung quanh, không thay đổi. Chỉ thay đổi là bây giờ không phải Việt Minh đánh với Tây mà là Việt Cộng đánh nhau với Quốc-Gia. Đánh nhau đâu ở trong xa, thật xa đến nỗi không nghe tiếng súng. Chỉ nghe đồn khi có đụng độ lớn ở đâu đó, miệt Trảng Nhỏ hay miệt Giồng Riềng. Chớ tại làng của Năm Từ thì từ thời Tây đến bây giờ chưa biết mùi giặc ra làm sao hết.

Rừng cây dầu ở gò Đình được rộng cho trồng trái để để giữ an-ninh. Mấy cây dầu lớn đều bị đốn hết, chừa lại mấy cây con, to cỡ bằng bắp chân trở xuống. Thành ra coi thật xơ-rơ.

Hồi đó, rừng dầu vừa rậm vừa cao, ôm lấy đình như để bảo vệ cái phong khí u-tịch đã có từ thuở xa xưa. Ngoại trừ khi cúng cầu an có rước hát bộ hát cho Thần coi, và có làng xã dân chúng tham dự rộn rịp, hoặc những khi cá nhân hay đoàn thể cúng bái tạ ơn Thần, ngày thường đình là nơi trang nghiêm vắng lặng ít người lui tới. Đối với dân làng, đó là nơi linh thiêng cần phải có tính cách biệt lập. Một phần vì vậy mà dân xóm Đình đều cất nhà cách rừng dầu một khoảng khá xa, nằm thấp phía dưới, và tin tưởng rằng có Thần ở trên cao phò hộ.

Bây giờ, rừng dầu bị chặt đi, cây con lưa thưa chưa cao quá một sào. Cái đình vì vậy nhô ra một cách trần tục, không còn gì nét tôn nghiêm hết. Năm Từ thật đau lòng và bất mãn. Mỗi một cây dầu bị hạ xuống là một lần Năm Từ nghe xót xa. Những cây dầu thân to bằng hai ba người ôm, thẳng đuồn đuột và cao nhìn trặc ót, đã có từ thời ông cố ông sơ gì tới giờ. Không phải vài ba chục năm mà được như vậy. " Nó " đã biết làng này từ thuở còn là một xóm nhỏ lèo tèo vài ba mái nhà tranh vách đất nằm lúp xúp cạnh bờ sông, đã nhìn cái xóm nhỏ đó từ từ lớn lên để thành cái làng với đường ngang đường dọc, với nhà gạch nhà lầu. Nó đã chứng kiến thế hệ này nối tiếp thế hệ nọ, mỗi đời người một vươn lên, từ mức dân quê dốt nát tiến đến có người làm đốc phủ, có người làm giáo sư, có người làm dược sĩ...Những cây dầu đó thật sự đã sống với làng với xóm với con người không khác gì các bô lão. " Nó " đã thuộc vào " lịch sử " của làng này cũng như khúc sông Vàm Cỏ nằm xa phía dưới kia. Đối với Năm Từ, hạ những cây dầu cổ thụ đó xuống cũng giống như mình tự cắt đứt gốc rễ, những thứ đã bắt nguồn từ sông ngòi ruộng đất của Tổ Tiên. Quý vô cùng mà tụi nhỏ bây giờ đâu cần biết !

Công tác hạ cây đã được quyết định bởi ông trung úy trưởng đồn và hội đồng xã, sau khi nghiên cứu địa hình địa vật tại chỗ ! Năm Từ có thắc mắc hỏi ông chủ tịch xã - còn trẻ măng - thì được ông này trả lời một cách thản nhiên rằng khu rừng cây này chẳng liên hệ gì tới cái đình hết và ông Từ giữ đình chẳng có trách nhiệm gì khác hơn là việc thắp nhang cúng thần hằng ngày. Năm

Từ làm thính nhưng lòng đầy cay đắng vì thấy rằng làng xã thời nay không còn là một sự tiếp nối của thời xưa cho nên phạm vi của cái đình đã bị thu hẹp lại còn có cái nóc bên trên và cái nền ở dưới !

Sau đó, ngoại trừ lúc lên đình thắp nhang cúng nước, Năm Từ hoặc đi câu hoặc lúc thục ở trong nhà- một ngôi nhà nhỏ cột gỗ ngói âm dương cất ở góc sân sau đình - chớ không ra quét lá đều đặn như lúc trước nữa. Vì vậy, đình càng u-trệ xơ-rơ hơn. Người trong xóm biết Năm Từ bất-mãn, tuy rằng chẳng nghe Năm Từ phân bua than thở với ai một lời.

Một hôm, đang lúi húi quét dọn trong đình, Năm Từ nghe có người gọi nhỏ từ ngoài sân :

- Chú Năm ! Chú Năm !

Nhìn ra, thấy một người đàn ông lạ mặt, áo sơ-mi trắng quần tây đen, xách cặp-táp có vẻ như một thầy thơ-ky. Năm Từ bước ra hiên :

- Ờ...Thầy hỏi chi ?

Người đàn ông nhìn quanh trước khi nói :

- Tôi có cái thơ của thằng Nhành gửi cho chú.

Năm Từ nghe điển hồn như bị sét đánh gần bên, bỏ rơi cây chổi lúc nào không biết. Từ mười mấy năm nay, cái tên Nhành chỉ được Năm Từ gọi trong cơn say – nghĩa là miệng gọi nhưng tai không nghe và đầu óc không nhớ – cho nên âm thanh đó bị chìm sâu trong tiềm-thức. Bây giờ, trong lúc Năm Từ đang tỉnh táo mà âm thanh thân yêu đó bỗng bật lên quá nhanh, quá mạnh và quá bất ngờ, làm Năm Từ choáng váng đứng không vững , tưởng chừng như mình đang trong cơn say ! Một lúc sau, Năm Từ có cảm giác như vừa ngoi lên khỏi mặt nước, nói bằng một giọng trống rỗng:" Vậy là nó còn sống !"

Người đàn ông bước lại gần :

- Dạ. Nó đang công tác ở ngoài đó và vẫn mạnh khỏe. Nó nhớ chú lắm và thường hay nhắc tới chú.

Năm Từ nghe lòng ruột rã ra từng mảnh. Hình ảnh thằng con hiện về trong đầu thật rõ nét làm như nó chưa bao giờ rời khỏi vòng tay của mình. Năm Từ cười như mếu :

- Vậy hà ?

Ngừng một lúc rồi tiếp :

- Mời thầy qua nhà tôi uống nước.

Vào nhà, Năm Từ rót trà mời khách :

- Thầy uống miếng nước.

Người đàn ông cười hiền hòa :

- Tôi tên là Qui. Bạn bè kêu là Sáu Qui. Chú cứ gọi tôi là thằng Sáu hay thằng Qui gì cũng được.

Một lúc sau, Sáu Qui mở cặp lấy thơ đưa cho Năm Từ :

- Thằng Nhành ra ngoài đó được cho đi học lại. Bây giờ, chữ nghĩa nó đạt lắm.

Năm Từ cầm lấy thơ mà tay run-run. Lật qua lật lại một lúc rồi trao cho Sáu Qui :

- Tôi dốt. Không biết đọc. Thầy đọc tôi nghe coi.

Sáu Qui hớp một ngụm trà rồi đọc thơ. Năm Từ cầm chén trà hớp từng hớp nhỏ, đầu gật gù giống như người ta đang thưởng thức trà. Thật ra lòng Năm Từ vừa mở rộng sung sướng lại vừa cảm động miên man...Cây đèn dầu "Năm Từ " bỗng thấy sợi tim lú lên cao, đầy hy vọng. Bởi vì có người vừa bật diêm quẹt gần đầu đó !

Thơ không dài. Đại khái là thằng Nhành vẫn mạnh giỏi, công tác tốt. Nó sẽ trở về một ngày gần đây. Điểm chánh yếu trong thơ là nó gửi gắm Sáu Qui cho tía nó. Cuối thơ, nó viết : "Càng nhớ tía bao nhiêu, con càng có bổn phận phải kiên trì đấu tranh để đem lại hòa bình cho xứ sở ". Nghe đọc thơ xong, Năm Từ ngồi lặng yên. Làm như là để cho nó ngấm từ từ vào người cái ngạc nhiên, cái khoái trá, cái hãnh diện, cái sung sướng...

Sáu Qui cũng không nói gì, ngồi nhìn thẳng ra bìa rừng. Bây giờ cây nhỏ lưa thưa nên thấy tuốt xuống hố quần và con đường đất dẫn lên lộ cái. Có tiếng chim kêu trong lá và tiếng con gà mái tục-tục gọi con bên hè. Buổi sáng trên đình thật là êm ả. Không khí mát rượi trinh nguyên...Bỗng Sáu Qui hỏi Năm Từ :

- Nghe nói rừng dầu rậm lắm mà sao bây giờ coi xơ-rơ vậy chú ?

- Ờ...Họ đồn hết lấy gì mà rậm.

Sáu Qui hỏi tiếp :

- Ai đồn ? Mà tại sao phải đồn ? Hả chú ?

Giọng Năm Từ cay cú :

- Ồ...Thì chánh quyền đồn chớ ai dám vô đây mà đồn. Họ nói để giữ an-ninh gì gì đó không biết nữa !

Sáu Qui chắc lưỡi :

- Thiệt là bậy ! Đâu phải nhờ đồn hết rừng mà giữ được an ninh đâu chú. Đình chùa là tượng trưng cho sự tự-do tín ngưỡng của quần chúng nhân dân, phải được nhà nước tôn trọng. Xúc phạm những nơi đó mới là chuyện làm mất an ninh đó chú !

Năm Từ thật hả dạ khi nghe Sáu Qui lý luận như vậy và bỗng thấy người đàn ông mới quen đó thật là gần gũi với mình, làm như đã biết nhau từ lâu. Giọng Năm Từ trở nên thân mật hơn :

- Đúng vậy. Họ có nghĩ như mình đâu !

Ngừng một chút rồi tiếp :

- Vậy chớ thầy Sáu quê ở đâu ?

Sáu Qui bật cười :

- Chú kêu tôi bằng thầy nghe cách biệt quá chú ! Kêu tôi bằng cháu đi, như tôi là anh của thằng Nhành vậy.

Năm Từ nghe lòng thật ấm cúng :

- Ờ...cũng được. Vậy quê cháu ở đâu há ?

Sáu Qui vẫn tất tể lại lai-lịch của mình : cha mẹ gốc miền Trung, vào Dầu Tiếng làm phu cạo mủ cao su ; Sáu Qui lớn lên ở đó, đi kháng chiến rồi tập kết đi luôn tới giờ ; kỳ này vào Nam để công tác ba tỉnh miền Đông ; Sáu Qui hành nghề châm cứu để độ nhật...Rồi Sáu Qui kết :

- Trong thời gian công tác ở vùng này, tôi chỉ biết trong cậy vào sự đùm bọc giúp đỡ của chú thôi.

Năm Từ bỗng thấy như được giao một trách nhiệm, tuy không nguy hiểm bằng công tác đưa rước người qua sông hồi thời kháng chiến chống Pháp, nhưng cũng không kém phần quan trọng . Hình ảnh thời " oanh-liệt " hồi Năm Từ còn là Năm Câu " đưa kháng chiến qua sông như ăn cơm bữa "...hiện về thật rõ nét trong đầu Năm Từ. Giống như mới hôm qua hôm kia ! Mắt Năm Từ bỗng sáng lên, máu trong người bỗng chảy mạnh hơn và chỉ trong có mấy giây thôi mà Năm Từ bắt gặp lại cái cảm giác hăng hăng của thời trẻ. Năm Từ hạ giọng :

- Ờ...Cứ ở đây với tôi. Yên chí ! Có Thần linh phù hộ, đừng có lo !

Ngừng một lúc rồi tiếp :

- Cháu à ! Hể mình nghĩ phải làm phải thì chuyện gì cũng được Ông Trên giúp đỡ hết !

Từ đó, Sáu Qui nghiêm nhiên trở thành cháu bà con của Năm Từ. Cha Sáu Qui là anh bà con một đầu ông cố với Năm Từ, lâu nay lưu-lạc miệt Chợ Lớn, bây giờ tìm riết mới gặp lại nhau. Năm Từ dựng đứng câu chuyện như vậy để thiên hạ đừng ai để ý. Người ta gọi Sáu Qui là thầy Sáu châm cứu và nhà Năm Từ trở thành " phòng mạch bình dân ". Thầy Sáu châm mát tay nên bệnh nhân tới lui cũng khá. Lâu lâu, thầy Sáu vắng mặt vài hôm. Nghe nói thầy còn nhiều phòng mạch ở các tỉnh khác, bỏ bệnh nhân không đành...

Thời gian qua mau. Việt Cộng đánh càng ngày càng gần. Tuy chưa nghe tiếng súng nhưng dân làng biết như vậy bởi vì người ở các vùng đó tản cư về đây càng ngày càng đông. Và họ đưa tin còn nhanh hơn bưu điện !

Quân đội Mỹ kéo tới đóng đồn tuốt trên gò Đồng Mả. Không phải tại gò Đồng Mả, mà là ở khoảng giữa gò Đồng Mả và xóm Lò Gạch. Ở đó cũng có một cái gò, người Mỹ dùng mấy đoàn xe cam-nhông chở đất đổ từ đâu về đổ lên đó và máy ủi đất đắp vung lên cho gò thêm cao. Chỉ có mấy hôm mà gò đó đã trở thành điểm cao nhất làng. Cái gò mới đó không có tên, nhưng nó được dân làng gọi là " thành Mỹ ", bởi vì có hàm hồ bờ đê kềm gai thật kiên cố ! Mỹ kéo về đó mấy cây đại-bác. Đem đầu tiên Mỹ bắn đại-bác, dân làng đang ngủ bỗng giật mình ôm nhau tưởng đầu trời sập, trẻ con khóc điếng lên như bị ai cắn. Xưa nay làng này chưa từng nghe tiếng nổ to như vậy. Sau tiếng nổ điếc con rái là tiếng đạn bay nghe cái ào trên đầu làm tóc gáy dựng lên. Dân làng bắt đầu thấy cuộc đời này không còn yên ổn nữa.

Quân đội Mỹ thường bắn đại-bác về đêm. Nghe riết rồi cũng quen, nên không còn ai để ý. Đến một hôm đó, đại bác nổ ban ngày. Thiên hạ bàn-tán nhỏ nhỏ với nhau : " Chắc Việt Cộng di quân ban ngày nên mới bị pháo như vậy ". Rồi sau đó, ngày đêm gì cũng có tiếng đại bác. Và dân làng bắt đầu nghe xa xa tiếng súng đưng độ giữa hai bên...

Đến khi Việt Cộng bắt đầu pháo kích vô làng thì không thấy thầy Sáu châm cứu trở về phòng mạch ở đình nữa. Năm Từ cũng không biết " thằng cháu " đi đâu, đành nói với hàng xóm : " Nó về dưới Chợ lớn chắc bị bắt quân dịch luôn rồi ". Nói như vậy chớ Năm Từ biết mình bị Sáu Qui bỏ rơi, cũng giống như thằng Nhanh hồi đó.

Một hôm, vào quá nửa đêm, Việt Cộng pháo vô xóm Đình. Một trái rớt xuống sau đình, tiếng nổ to đến mức độ Năm Từ rớt từ ghé bố xuống đất. Bầy gà sau nhà kêu lên oang-oác. Năm Từ mở mắt nhìn quanh : bóng tối còn nguyên như cũ, vậy là trái đó không rớt trúng nhà mình ! Rồi Năm Từ mò mẫm trèo lên ghé bố, càu nhàu : " Mỹ ở tuốt gò Đồng Mả sao không pháo. Pháo chi xóm Đình chẳng có con mẹ gì hết ". Sáng hôm sau, thấy nửa mái đình phía sau bay mất, cột kèo đỡ nát tan hoang. Năm Từ nghe lòng đau như cắt. Và chua chát nghĩ : " Thần Thánh thời nay cũng không được người ta để cho yên ! " Tuy nhiên, vẫn tin tưởng rằng những ai xúc phạm tới đình sớm muộn gì cũng sẽ bị Thần quở.

Sau đó đình không được sửa chữa lại. Người ta nói chánh quyền quốc gia còn quá nhiều việc cấp bách để làm. Tình trạng đổ nát đó kéo dài đến ngày ba mươi tháng tư bảy mươi lăm...

\*\*\*

Bây giờ mới thật là yên giặc. Không còn nghe một tiếng súng. Chỉ nghe tiếng loa phát thanh của nhà nước cách mạng. Cũng uềnh oang như ngày xưa khi trong làng có gánh cải lương...

Không thấy thằng Nhanh về. Cũng không thấy Sáu Qui. Chỉ thấy người lạ ở đâu tới tiếp thu làng xã. Hỏi ra là dân Bù Lu hoặc Trảng Nhỏ xa xa...

Không khí trong làng thật là rộn rịp. Không phải do dân trong làng tạo ra sự rộn rịp đó như trước đây vào dịp Tết hay dịp cúng đình cầu an. Sự rộn rịp đó do số người mới đến cầm quyền chạy tới chạy lui gắn loa trương cờ, căng biểu ngữ, vẽ khẩu hiệu. Ngoài một số thanh niên " nhào " theo để dựa hơi (thiên hạ gọi là " mấy thằng ba mươi ") hầu hết dân trong làng chẳng thấy ai nhúc-nhích. Họ giống như khán giả được cho coi hát khởi trả tiền. Thành ra họ yên tâm nhìn cuộc diễn thay đổi một cách bàng quan. Và nghĩ một cách đơn giản : " Hết bị pháo kích, con cái khỏi phải đi lính... vậy là phước lắm rồi ! ". Chẳng dè làm " khán giả " chỉ được có năm bảy hôm gì đó, rồi là họ bị gọi đi đăng ký, đi báo công báo tội, đi học tập nghị quyết... Riết rồi họ trở thành " đào kép trên sân khấu cách mạng " lúc nào không hay ! Một loại đào kép không thuộc tuồng tích, nhưng lúc nào cũng được mấy ông bầu cách mạng bắt thủ vai chánh trong mọi vở bi hài kịch của họ : vai " nhân dân làm chủ " !

Đình bị lấy làm hội trường. Nửa phía sau đổ nát vẫn để nguyên như vậy. Bàn thờ Thần, cây lọng cây phước... được dọn hết vào nhà sau. Làm như là đồ riêng của Năm Từ ! Hai " ông hổ " bằng gỗ ngồi hầu trước bàn thờ Thần, bị liệng ra sau hè, nằm chổng gọng. Công tác dọn dẹp đình được mấy " ông cách mạng " tự tay làm lấy trong lúc Năm Từ bận giăng câu bên kia sông.

Bữa đó, đi câu về đến dưới dốc, Năm Từ chợt nhìn thấy lá cờ đỏ sao vàng phe-phẩy trên đầu cột trước đình. Cột cờ này xưa nay chỉ dùng để kéo lá phước của Thần khi cúng lễ. Thời quốc gia, ngay cả thời Tây, chưa ai dám phạm thượng treo ở đó lá cờ nào khác. Năm Từ nổi nóng, bươn bả chạy lên đình. Ở đó, bây giờ giống như mấy nhà xưa có đám cưới. Chỉ khác là nhà có đám cưới người ta kết bông bằng vải tây điều treo có tua có tụi, còn đây thì căng vải đỏ sơn chữ vàng từ phía. Bên trong, trống bóc.

Trên vách ngăn ở giữa đình có lá cờ đỏ sao vàng với ba khuôn hình treo ngang nhau. Năm Từ nhìn ra Hồ Chí Minh còn hai hình kia là một thằng... tây râu xồm tóc dài và một thằng... tây râu ngắn đầu sói. Thiên hạ đang lúi húi quét dọn. Năm Từ la lớn :

- Tụi bây làm gì vậy ? Ai cho phép tụi bây vô đây ? Bộ muốn phá đình hả ?

Cả bọn ngừng tay, ngạc nhiên. Một thằng hỏi :

- Chủ không hay gì à ? Ủy ban nhân dân biểu lấy đình làm hội trường.

Năm Tù trừng mắt :

- Làm cái giống gì ?

Tên đó giải nghĩa :

- Làm hội trường. Nghĩa là làm chỗ để nhân dân hội họp học tập !

Trong một thoáng, Năm Tù bỗng nhớ lại câu nói của Sáu Qui, nhớ rõ như đã học thuộc lòng.

Năm Tù nói ra câu đó như trả bài:

- Đình chùa là tượng trưng cho sự tự do tín ngưỡng của quần chúng nhân dân, phải được Nhà Nước tôn trọng. Xúc phạm những nơi đó là chuyện làm mất an ninh ! Tụi bây hiểu chưa ?

Cả bọn bỗng phá lên cười như đang coi một màn hài hước ! Năm Tù "phấn nộ xung thiên" chụp một cây chổi đập túi bụi lên tụi "cách mạng" vừa đập vừa la :

- Tụi bây giỡn mặt với tao hả ? Tây, tao còn không sợ ! Mỹ, tao còn không sợ ! Huống chi cái giống tụi bây. Đi ! Đi ra khỏi chỗ này !

Rồi Năm Tù cầm chổi chỉ ra cột cờ :

- Ra mà lôi lá cờ đó xuống. Ở đây không ai được phạm thượng hết !

Lúc đó, coi Năm Tù thật "oai phong lẫm lẫm". Mấy thằng "cách mạng" kéo nhau chạy biến về hướng ngã ba lộ cái, làm lữ chó xóm Đình chạy theo sửa rân !

Thấy không còn ai để hạ lá cờ, Năm Tù đành đi ra cột cờ để tự tay tháo gỡ, nách vẫn cặp cây chổi vì thói quen quét dọn trong đình. Năm Tù phải mất một thời gian ngắn để kéo lá cờ xuống, vì sợi dây treo cờ bị kẹt trong rổ-rẻ trên đầu cột. Trong khi Năm Tù đang gom tóm lá cờ thì có hai xe cam-nhông chạy ừ tới gò Đình, ngừng ở bìa rừng, đổ xuống hai toán bộ đội súng khua lách-cách. Họ lom khom chạy thật nhanh, dàn trận bao vây đình giống như sắp tấn công một đồn bót của Mỹ Ngụy ! Trên nền xi măng cao của kỳ-đài, Năm Tù chống cây chổi, nhìn cảnh tượng đó mà tự hỏi: " Tụi nó làm cái giống gì vậy, không biết ?".

Yên lặng một lúc. Có vài tiếng chó sủa vẫn vờ xa xa. Chim vẫn kêu trong lá. Mấy con rắn mới rượt nhau trong lớp lá dầu khô, nghe sột soạt. Làm như chẳng có chuyện gì xảy ra trong đình ! Bỗng, hai thằng bộ đội đứng lên chạy thẳng vào sân từ hai ngã đối diện, chĩa súng vào Năm Tù, quát lớn :

- Bỏ khí giới xuống ! Đầu hàng ngay ! Chống phá cách mạng phải không !

Bấy giờ, Năm Tù mới hiểu : té ra tụi nó bao vây mình ! Nhìn xuống cây chổi đang cầm trong tay, Năm Tù bật ngựa cười khan. Thì ra tụi nó sợ...cây chổi !

Thừa lúc Năm Tù cười, một tên bộ đội phóng lên trở bán súng đập vào lưng làm Năm Tù văng ra khỏi kỳ đài té xấp xuống đất bất tỉnh. Hai đứa vội vàng đề lên người rồi trói quặt hai cánh tay về phía sau giống như người ta tréo cánh con gà sau khi đã cắt cổ. Chừng đó, hai toán bộ đội mới kéo vào tập trung quanh kỳ đài để nhìn cho rõ " tên phản-động". Người trong xóm thấy chộn rộn cũng chạy ra, đứng xa xa nhìn. Khi thấy Năm Tù bị lôi ra thấy lên xe , người ta mới biết là Năm Tù bị bắt .

Trong thời gian Năm Tù bị giam trên tỉnh, Từng Gòn đóng cửa tiệm cà-phê hết mấy bữa để lên nuôi bạn và nghe ngóng coi có lo được gì không. Nhờ đó mà dân trong làng mới biết là Năm Tù bị hai tội: chống phá cách mạng và ngoan cố không chịu khai tên họ thật mà cứ dùng...bí danh " Năm Tù " ! Nghe như vậy, ai cũng bắt nể bởi vì ai cũng biết là Năm Tù đã làm rớt dưới sông thể căn cứ từ thời ông Diệm, rồi từ đó trong mình không có một tờ giấy lộn. Ngoài ra, từ mấy chục năm nay, từ hồi nhỏ, hồi còn là thằng Năm, đến thời lớn lên làm thợ câu, rồi về già vô đình làm ông từ...chưa nghe ai gọi Năm Tù bằng tên trong khai sanh, thì lấy gì để Năm Tù nhớ ? Còn chuyện chống phá cách mạng thì thật là bá vớ bởi vì "cha con thằng chả làm giao liên cả mấy chục năm, rồi còn đưa thằng con đi tập kết nửa lặn !". Bàn qua tán lại để rồi người nào cũng chắc lưỡi lắc đầu, chớ chẳng biết làm sao hết.

Một hôm, Sáu Qui đi với hai tên hộ vệ cầm súng bá đờ, vào thăm Năm Tù trong trại giam. Sáu Qui nói :

- Tôi có ghé đình thăm chú, mới hay vụ này. Mấy đồng chí đó bậy quá ! Chú cũng đừng buồn. Rồi ta sửa sai thôi !

Năm Tù ngồi nghe, chẳng nói chẳng rằng. Nhớ lại ngày nào mình đùm bọc Sáu Qui và câu mà mình thường nói cho nó nghe " hể mình nghĩ phải làm phải thì lúc nào Ơn trên cũng phò hộ"...bây giờ sao thấy nó trật lất ! Cũng như chuyện chiếm đình treo cờ...rồi cũng chẳng thấy thằng nào bị Thần vận họng hết. Riết rồi chẳng biết đâu mà rờ...

Sáu Qui lấy trong cặp ra một khuôn kiếng trao cho Năm Tù :

- Đàng và Nhà Nước cấp cho chú bằng khen đã giúp cách mạng. Biết chú không có phương tiện nên tôi lộng kiếng bằng khen luôn cho chú để chỉ cần treo lên thôi.

Năm Tù cầm lấy khuôn kiếng, nhìn bằng khen có đóng mộc đỏ như nhìn tờ giấy trắng bởi vì không biết chữ. Rồi cũng không nói gì. Sáu Qui lại tiếp :

- Phần tôi, tôi xin tặng chú chân dung bác Hồ dẹt trên lụa.

Sáu Qui cầm cuộn lụa xô ra trước mặt Năm Tù, khoe :

- Dẹt ở bên Trung Quốc lận. Mới nhìn tưởng hình chụp, phải không ?

Năm Tù cầm lấy chân dung cuộn lại, hỏi :

- Còn...thằng Nhành ?

Sáu Qui đốt điếu thuốc, hít mấy hơi rồi mới nói :

- Thằng Nhành chết lâu rồi !

Năm Tù nhìn Sáu Qui, tưởng mình nghe lộn :

- Chết ?

Sáu Qui lại hít mấy hơi thuốc :

- Chết hồi mới ra Bắc.

Vai Năm Tù bỗng xuôi xuống. Lưng Năm Tù bỗng cong lại. Cổ Năm Tù bỗng không còn giữ nổi cái đầu. Một lúc lâu, sực nhớ ra, Năm Tù hỏi :

- Còn cái thơ nó viết cho tôi hồi đó ?

Sáu Qui nuốt nước miếng mấy lần mới trả lời :

- Thơ đó do tôi viết.

Thấy Năm Tù không tỏ phản ứng gì hết, Sáu Qui tăng háng như để lấy can đảm :

- Chú đừng giận. Hồi đó phải làm như vậy để có ngày hôm nay : cách mạng thành công ! Trong cuộc đấu tranh giải phóng, chú đã đi hàng đầu và đã có công lớn đối với cách mạng. Nhân dân biết ơn chú nhiều lắm !

Năm Tù vẫn im lặng. Nói gì nữa giờ, khi mà tất cả đều sụp đổ, tất cả đều đảo lộn, tất cả đều gian xảo ? Mà mình thì đúng là một thằng ngốc ! Bỗng Năm Tù bật cười một mình, rồi " Ờ..." một tiếng cho lấy có, nghe như tiếng "ợ" của người ăn không tiêu...

Vậy là nhờ sự can thiệp của Sáu Qui, Năm Tù được thả về, ôm theo cái bằng khen và chân dung Hồ Chủ Tịch. Bây giờ, đình đã thật sự trở thành hội trường và căn nhà phía sau là phòng lương thực. Tất cả đồ đạc đều được dọn hết về nhà riêng của Năm Tù ở cạnh bờ sông, trong thời gian Năm Tù nằm ở trại giam trên tỉnh.

Từ ngày trở về làng , Năm Tù cứ lằm-lằm lì-lì, không giao thiệp nói chuyện với ai hết. Kể cả với Từng Gòn ! Nhưng, sau khi nhậu ba sơi rồi là lè nè nói hoài không ngừng và lâu lâu cười lên hồ hốt. Dân trong làng mới đầu còn ngạc nhiên thương hại, nhưng riết rồi họ cũng quen. Cho nên chẳng ai để ý thấy một con chó hoang đi theo Năm Tù mỗi ngày. Và khi Năm Tù đứng xiêu xiêu, chỉ đông chỉ tây nói láp đáp, nó vênh tai nhìn Năm Tù, đầu nghiêng nghiêng đuôi ngoắt ngoắt, ra điều "ta đây hiểu hết" ! Năm Tù cũng không nhớ con chó đã theo về " ở " với mình từ hồi nào. Chỉ biết có cho nó ăn uống đều đặn, đi đâu thì nó đi theo như đi "hộ tống", đi cầu bên sông thì nó giữ nhà, tối ngủ trên ghé bố thì nó nằm khoanh phía bên dưới. Năm Tù thường nói chuyện với nó như nói chuyện với một con người.

Một hôm, nhậu ba ngủ rồi, Năm Tù mang chân dung Hồ Chí Minh tòn teng trước ngực, vừa đi vừa hô "Hồ Chủ Tịch muôn năm !" giống như đi mít tinh. Ngả ngả nghiêng nghiêng đi dài theo lộ cái. Chẳng thấy ai đi theo, kể cả trẻ con vì tụi nó bây giờ bận công tác "khăn quàng đỏ". Chỉ có con chó là lẻo đẹo đi sau, cách vài ba bước giống như cái bóng. Một lúc, Năm Tù dừng lại nhìn nó, đưa ngón tay trở lên điểm điểm :



- Mày... mày... ăn ở còn có nghĩa có tình chớ không phải như tụi nó... Mày còn hơn tụi nó nhiều lắm ! Nghe không mày, cậu ?

Rồi cười lên hô hố khoái trá. Xong chỉ vào chân dung Hồ Chí Minh phân trần : "Mày thấy không ? Hỏi tao còn trẻ, tao gọi ông là cụ Hồ. Bây giờ tao già rồi mà thằng chả lại trẻ ra bởi vì tao chỉ còn gọi bằng bác Hồ thôi ! Ngược đời vậy đó, mày cậu ! "Nói xong, Năm Tù ưỡn ngực hô to : "Hồ Chủ Tịch muôn năm". Con chó bỗng sủa lên quấu quấu. Năm Tù ngạc nhiên, trợn mắt nhìn nó, lại đưa ngón tay trở lên điểm điểm :

- À ! A ! Biết sủa như vậy là mày giống tụi nó y chang rồi còn gì ?

Rồi vừa xiêu xiêu bước đi, Năm Tù vừa nói lầm bầm : "Đời bây giờ ... thiệt ... không biết đâu mà rờ ... Tớ con chó cũng không giống ai hết !"

Cuộc "mít-tinh cách mạng" một người một chó đó kết thúc ở gò Đồng Mả. Năm Tù mệt lả, ngã đại xuống một khoảnh đất còn trống giữa mấy mả vôi mả đá. Con chó ngoắt đuôi, ngáp ngừng một lúc, xem "động tịnh" rồi mới bước nhẹ tới nằm kế bên !

-oOo-

Cũng trong đêm đó, chùng quá nửa đêm, đình và rừng dầu bỗng phát cháy. Đám cháy lớn đến nỗi dân chúng chỉ dám đứng xa mà nhìn. Thiên hạ kéo ra coi đông nghẹt ở ngã ba lộ cái. Từ đó nhìn xuống đám cháy, thấy giống như người ta đốt đồ thợ mã để cúng cô-hồn...

Trong gian nhà tranh nằm cạnh bờ sông, Năm Tù ngồi trên ghế bố hút thuốc trong bóng tối mà vẫn thấy rõ đám cháy như đang nhìn ngay trước mặt

## Tôi nằm gác tay lên trán

Hồi nãy, nằm một mình trong phòng, tôi gác tay lên trán hồi nào tôi không hay! Một cử chỉ rất tầm thường, ở quê tôi - Việt Nam – thiên hạ hay làm như vậy khi suy nghĩ chuyện gì hay khi gặp khó khăn gì. Và thường thì cử chỉ "gác tay lên trán" đó lâu lâu có kèm theo tiếng thở dài ... làm như để trút ra một cái gì đang đè trong lòng ngực.

Nhớ hồi nhỏ, nằm gác tay lên trán là bị người lớn rầy : "Lát tay xuống! Làm vậy không nên!". Không ai giải thích tại sao không nên, nhưng rồi khi lớn lên, không ai dạy mà tự nhiên cũng biết nằm gác tay lên trán, và cũng không ai dạy mà tự nhiên cũng biết thở dài ...

Tôi bỏ xứ đi chui từ cuối 1978. Bao nhiêu năm "trôi sông lạc chợ" ở nhiều nơi, tôi không thấy ai nằm gác tay lên trán hết! Và tôi cũng quên mất cái cử chỉ tầm thường đó, cho đến hồi nãy đây tôi bắt gặp lại "nó" trong lúc nằm một mình trong phòng. Thì ra "nó" đã theo tôi đi lưu vong, ẩn mình một cách khiêm nhường trong tiềm thức, để bây giờ "nó" cầm cánh tay tôi gác lên trán, tự nhiên như ngày xưa – ba mươi năm trước – khi tôi chưa rời khỏi quê hương ...

Ở đây - ở Pháp - thời tiết đang vào thu. Lá cây chỉ mới lai rai ngả màu vàng chớ chưa rơi rụng vội. Trời còn sáng trong, đầy nắng chớ chưa ảm đạm âm u và cũng mới se se lạnh thôi, chỉ cần quấn cái khăn lên cổ là ra đường đủ ấm.

Một chút "tả cảnh" để thấy tôi không bị tù chân tù cẳng trong chung cư như vào mùa đông tháng giá, cái mùa mà một người già "tám bớ" như tôi ngày ngày vì sợ lạnh nên cứ ru rú trong nhà bước qua bước lại trong sáu chục thước vuông hay xem tê-lê để ngủ gà ngủ gật! Như vậy, thì đâu có gì bắt tôi phải nằm nhà để gác tay lên trán?

Kể ra, từ ngày tôi vượt biên rồi định cư ở Pháp, chắc nhờ Ông Bà độ nên cuộc đời lưu vong của tôi đã không bị "ba chìm bảy nổi". Có ... lang bang ba tháng đầu đi tìm việc làm, nhờ tiền trợ cấp

của nhà nước nên không đến nổi te tua, mấy đứa con cũng có chỗ ăn chỗ học. Rồi duyên may đưa tôi qua Phi Châu làm việc hết mười mấy năm, khi về hưu ở Pháp thì con cái đã lập gia đình và "ra riêng" hết. Vợ chồng tôi thâm gọn lại, liệu cơm mà gắp mắm, nên cuộc sống cũng an bày. Lâu lâu chạy lại nhà con giữ cháu nội cháu ngoại, và lâu lâu đi "đổi gió" xa xa gần gần ... Tóm lại, cuộc sống về già mà được như vậy là ... "có phước rồi còn muốn gì nữa?". Vậy mà hồi nãy tôi đã nằm gác tay lên trán và lâu lâu lại thở dài ...

Hồi sáng, một thằng bạn già gọi điện thoại cho hay vợ chồng thằng A về Việt Nam bị chặn lại ở phi trường Tân Sơn Nhứt. Sau đó, "họ" cho bà vợ "nhập khẩu" còn ông chồng thì bị đuổi trở về Pháp, dĩ nhiên là không cho biết lý do ! Ông chồng khuyên vợ cứ vào đi, dầu là gì gì đi nữa thì cũng là quê hương mình mà! Nghe kể đến đó, tôi tưởng tượng như chính tôi đang đứng ở trong nhà ga phi trường Tân Sơn Nhứt, nhìn qua các khung cửa kiếng thấy quê hương tôi ở ngay bên ngoài, cái quê hương mà ba mươi năm tôi chưa nhìn lại, cái quê hương mà ngay bây giờ, mặc dầu đang đứng bên trong nhà ga, khứu giác của tôi vẫn nghe rõ được mùi ...

Ờ ... mùi quê hương! Có mùi bông lài, bông bưởi, bông cau ... Có mùi lúa chín, mùi rơm mùi rạ ... Rồi mùi đồng un, mùi chuồng trâu chuồng bò ... Rồi mùi bùn non khi nước ròng bỏ bãi, v.v... Tôi biết, vợ chồng thằng A - nhỏ hơn tôi gần một con giáp – cũng có gốc "ruộng" như tôi, nghĩa là đã lớn lên ở thôn quê, đã lội bùn lội đồng bắt cá mò cua từ thuở nhỏ bị nước phèn đóng lớp vào tay chân nên lúc nào cũng thấy mốc cùi! Tôi chắc chắn vợ chồng nó đứng trong ga phi trường cũng nghe mùi quê hương như tôi đã tưởng tượng. Vợ thằng A - người VN được chánh quyền VN cho phép về quê hương để dòi mò mà ông bà cha mẹ họ hàng ra khỏi đất hương hỏa theo lệnh của nhà nước – nghe lời chồng khuyên "vào đi em" bèn nhìn qua lằn cửa kiếng để nhận thấy cái mùi quê hương nó hấp dẫn vô cùng, nó lôi kéo vô cùng, chỉ cần bước có mấy bước là đặt chân vào mảnh đất thân yêu mà mình đã xa cách gần ba mươi năm ... Tôi biết, vợ thằng A là một người đàn bà thật thà trung hậu, chắc thể nào cô ta cũng quay lại nhìn chồng rồi rơi nước mắt lắc đầu.

Đúng như tôi nghĩ, thằng bạn già kể tiếp trong điện thoại: "Hai đứa nó đã về đến Paris hồi sáng, phone từ phi trường Charles de Gaulle cho hay nội vụ và nhấn mạnh rằng tụi nó coi như tụi nó thì cô hồn!". Nói xong, thằng bạn già cười vang khoái trá trước khi nói "au revoir"!

Tôi gác máy, nhìn quanh nhớ lại hôm nay rằm vợ tôi đi làm công quả ở chùa tới tối mới về, tôi bèn vào phòng nằm đọc báo. Tờ Figaro đầy chữ như vậy mà tôi không làm sao đọc được một hàng! Trong đầu tôi còn vang vang tiếng cười của thằng bạn già và câu nói "thí cô hồn" của vợ chồng thằng A. Tôi buông tờ báo, nghiêng người nhìn ra cửa sổ, nghĩ đến cảnh vợ chồng nó bị "quây" trong phi trường Tân Sơn Nhứt, mà thương! Ở xứ người, mình vào ra dễ dàng – dĩ nhiên là đừng ... mang dao hay mang bom mang súng, cũng đừng mang bạch phiến cần sa! – còn mình về xứ mình, mặc dầu trong thông hành có "Giấy Miễn Thị Thực – Certificate Of Visa Exemption" do Đại Sứ Quán VN tại Pháp cấp, mình vẫn gặp khó khăn trắc trở bất ngờ mà mình không bao giờ được biết lý do! Vợ chồng A "thí cô hồn" là phải! Ở đó mà cãi à? Toàn là một lũ cô hồn thì nói thứ tiếng gì cho chúng nó hiểu?

Tôi trở mình nhìn lên trần nhà, miên man nghĩ về quê hương, hay nói cho rõ hơn, tôi nhớ về cái làng quê của tôi nằm bên sông Vàm Cỏ. Không biết cái "Chợ Nhỏ" bây giờ còn đó hay đã bị "di dời" đi nơi khác, theo ... truyền thống đổi dời của cách mạng? (Trong làng chỉ có một cái chợ, vậy mà thiên hạ gọi là Chợ Nhỏ, làm như còn một cái chợ nào khác lớn hơn vậy!) Còn "Ngã Ba Cây Trôm" nằm trên con lộ cái, chỗ có bãi đất trống để xe đồ tấp vô rước khách, chỗ có cây trôm mà dân trong làng hay đem dao đến chém vào thân cây để lấy mủ đem về pha nước đường uống giải khát giải nhiệt ... không biết có nằm trong một "quy hoạch cải cách đô thị có trình độ khoa học cao" của nhà nước? Còn cái đình làng, bây giờ đã thành một cơ quan gì chưa? Cái bến cát

nằm dài theo ven sông, chỗ mà ngày xưa - thuở nhỏ - tụi tôi kéo nhau một lũ cời trường tắm giỡn đùa đùa ... bây giờ vẫn còn là bến cát hay đã bị chiếm dụng để mấy "ông lớn" xây dinh thự với tường rào kiên cố và nhà thủy tạ có cầu tàu nằm trườn ra sông ngoạn nghệ? Cái lò đường trong Xóm Mới, vào mùa mía chạy che ép mía ngày đêm nghe trèo trẹo, nấu đường làm mùi thơm ngọt lịm bay trùm cả xóm ... bây giờ còn là "Lò Đường Ông Út K" hay đã ... biến thành "Nhà Máy Đường của Nhà Nước"? Trường tiểu học mà thời tôi còn đi học, ông đốc H cho gắn trên trụ cổng tấm bảng "Cắm Trâu Bò Vào Trường" vì mấy ông chủ bò hay thả bò vào ăn cỏ dọc hàng rào bông bụp ... bây giờ đã thành ... cái gì rồi? Và nghĩa địa của làng, thường gọi là "gò đồng má", nằm một bên con đường đất đỏ dẫn vào Xóm Trong, cái gò đó - cả trăm năm – là nơi an nghỉ cuối cùng của dân trong làng, không phân biệt lớn nhỏ giàu nghèo ... vẫn còn đó hay đã nhường chỗ cho những "Công Trình Văn Hóa Phục Vụ Nhân Dân"?

...Nhớ đến đó, tự nhiên tôi thờ dài ... Rồi tự nhiên tôi gác tay lên trán ... Tôi vẫn nhìn lên trần nhà: trần nhà trắng phau, ở đó không hiện lên được một nét nào của quê hương tôi hết. Rồi tôi nghĩ: nếu tôi có trở lại VN, có "được phép" đặt chân lên vùng đất mẹ, chắc chắn tôi sẽ không tìm lại được những hình ảnh cũ. Bởi vì quê hương tôi đã bị "họ" bôi xóa trắng như trần nhà tôi đang nhìn, để thay vào đó một cái gì không ra một cái gì hết, mang nhãn hiệu "Dân giàu nước mạnh xã hội công bằng dân chủ văn minh", nghe mà ... điếc con ráy !

Bây giờ, tôi hiểu tại sao tôi đã nằm gác tay lên trán mà thờ dài ...

## Tiết Nhơn Quý

Trước ngày 30 tháng tư 1975, trong cơn sốt di tản, tôi chen lán đẩy được vợ con lên trực thăng. Thằng Mỹ đen thông người xuống, vừa kéo tôi lên vừa la lớn cho đồng bọn: " Bốc lên ! Bốc nhanh lên ! Đầy ứ rồi ! " Chân tôi vừa chạm sàn trực thăng thì vợ tôi làm rớt cái xác da xuống đám người đang xô đẩy nhau phía dưới. Như cái máy, tôi phóng xuống theo ! Khi tôi giành giật lại được cái xác thì chiếc trực thăng đã bay đi xa. Tôi ôm cứng cái xác trước ngực, hồn hèn nhìn theo mà nghe chết điếng trong lòng...

Nhờ bị rớt lại như vậy mà tôi còn giữ được nhà cửa xe cộ. Bởi vì những nhà khác -nhà những người đã di tản- đều bị đồng bào hồi của, rồi sau đó là bị Nhà Nước cách mạng tiếp thu. Cũng là một hình thức hồi của, nhưng... cao cấp hơn !

Rồi nhờ cái xác của vợ tôi với mớ nữ trang và đô la mà tôi làm lại cuộc đời chẳng khó khăn gì mấy.

Hồi thời trước, tôi làm chuyên viên điện toán cho một hãng xuất nhập cảng lớn ở chợ cũ. Bây giờ, sau thời gian đi hội họp học tập để nghe cán bộ phát biểu đồng dài với những từ ngữ lạ hoắc, nghe... ù ù cạc cạc như vịt nghe sấm, vậy mà tôi cũng hiểu trắng được rằng cách mạng là đổi đời và hiểu ngầm rằng: muốn sống trong chế độ mới mình phải lột cái xác cũ ra chôn giấu đi, và muốn sống yên ổn trong thời buổi này, mình phải biết làm... thợ lặn, nghĩa là đừng có trôi đầu ra cho thiên hạ để ý, nhứt là chánh quyền. Vậy là tôi quyết định đổi nghề: tôi đem gia đình thằng Sáu, đưa cháu kêu tôi bằng bác, về cư ngụ với tôi, rồi chúng tôi lập Tổ May Thêu. Chạy vòng ngoài là thằng Sáu với chức tổ phó; tổ viên là vợ và hai đứa con gái của nó, cộng thêm hai người chị vợ nó; còn tôi thì làm tổ trưởng, nghĩa là ngồi không uống trà, hút thuốc, ký tên, đi họp...

Sau tháng tư năm 1975, không phải chỉ có mình tôi đổi nghề. Phần đông người dân miền Nam đều đổi nghề, nhứt là ở các đô thị. Chẳng ai bảo ai, cũng chẳng thấy ai khuyên ai, họ tự động đổi nghề một cách tự nhiên và đều khắp, giống như theo một thời trang đổi kiểu áo quần ! Và cũng

chẳng có một mĩa mai mặc cảm. Cho nên thấy giáo sư đi đạp xích lô, thấy thầy giáo đi làm thợ hồ, thấy lơ xe đồ là thợ bạc hồi thời trước, thấy chị bán nước mía là cựu nhân viên ngân hàng ... v.v. Kể không hết. Và cái nghề được nhiều người chọn nhứt là nghề mở quán cà-phê vỉa hè ! Dễ quá ! Chỉ cần đặt trước nhà mấy cái bàn mấy cái ghế ... vậy là thành quán ! Cho nên thấy đường nào cũng có, xóm nào cũng có, xá xính nào cũng có. Nhiều khi hàng quán nằm khích nhau một dọc, vậy mà chẳng thấy ai phàn nàn ai ! Làm như trong cuộc đời vĩ đại này, người dân miền Nam dễ thông cảm với nhau hơn hồi trước !

Sau cách mạng, có những nghề bỗng nhiên biến mất trong sanh hoạt hằng ngày. Điển hình nhứt là nghề coi tay coi tướng và nghề đấm bóp (cũng gọi là tằm quất ). Có người... ác ý nói rằng cách mạng rất sợ bị lộ chân tướng nên mấy thầy tướng số đều bị " đi "hết, còn tằm quất là nghề... chuyên chính của Đảng và Nhà Nước, họ giữ độc quyền dùng nó để đàn những phần tử xét lại hay phản động đã bị họ bắt nhốt... thì sức mấy mà người dân được hành nghề này !

Một tối đó, trong khi tòng teng trên võng hút thuốc sau bữa cơm, tôi bỗng nghe tiếng rẹt rẹt rẹt từ đằng xa. Đó là tiếng của những nút khoén đập dẹp xỏ xâu mà mấy ông tằm quất vừa đi vừa lác để ... rao hàng. Ngạc nhiên, tôi nhồm dậy lắng tai nghe. Đúng rồi! Đúng là tiếng lác nút khoén của ông tằm quất. Hồi thời trước, ông tằm quất xóm tôi thường đi lác như vậy đêm đêm. Và ông đấm lưng tôi đều đặn mỗi tháng hai lần. Sau giải phóng, không nghe ông lác rẹt rẹt nữa. Tôi nghĩ chắc ông cũng đã đổi nghề như thiên hạ. Nào dè...

Tôi vui mừng bước nhanh ra cổng, gọi: " Đấm bóp ! Đấm bóp ! ". Có tiếng dạ từ đằng xa, rồi một người đạp xe lại. Thì ra không phải ông tằm quất mà tôi quen. Người này cũng trọng tuổi như ông kia, cũng gầy gầy như ông kia, nhưng cao lớn hơn nhiều. Ông mặc sơ-mi ngắn tay và quần sọt, đeo ngang hông một túi vải nhỏ. Lỡ gọi rồi, tôi đành mở cổng cho ông vào mà phân vân tự hỏi: " Không biết ông này ở đâu ra ? Nhứt là trong thời buổi mà thiên hạ chạy ăn hằng bữa, ai đâu mà đưa lưng cho ông đấm ? Với lại không biết ông thiệt có nghề đấm bóp hay là thứ... ba trợn để kiếm cơm ? Bởi vì bây giờ cái thứ đó cũng đông lắm ! "

Vào nhà, tôi gọi mấy đứa nhỏ trải một chiếc chiếu ở hàng ba rồi tôi tự động nằm xuống đó sau khi cởi quần áo ngoài chỉ còn mặc cái quần đùi. Ông đấm bóp bỏ đôi dép nhựt ở tam cấp, bước vào nhà nhìn quanh rồi nói : "Xin phép cho tôi cởi áo ". Không đợi trả lời, ông cởi áo sơ-mi máng lên đầu võng, để lộ trên người chiếc áo thun ba lỗ đã ngả màu vàng và lưng rách nhiều nơi. Ông ngồi xuống cạnh tôi, lấy trong túi vải chai dầu mỡ nút trút vào lòng tay, nhìn tôi mỉm cười: "Ông nằm sấp xuống". Tôi làm theo như cái máy. Tôi nghe hai bàn tay vừa to vừa ấm của ông thoa dầu từ trên ót trên cổ tôi xuống lần hai vai, rồi lưng, để cuối cùng vuốt dài theo hai cánh tay nằm dọc theo hông... mà tưởng chừng như vừa được trùm lên người một làn hơi nóng vừa êm vừa mỏng !

Lối đấm của ông ta không giống lối đấm của ông mà tôi quen. Kỹ thuật của ông hồi đó đúng là đấm, nghĩa là hai bàn tay cứ đều đặn xuống lên, khi nắm lại thì có tiếng bốp bốp, khi xòe ra thì có tiếng bụp bụp. Và cứ như vậy, hết lưng là đến chân đến tay. Còn ông mới này thì khác hẳn. Ông... âm thâm hơn và đi sâu hơn. Ông mần từng khớp xương, từng thớ thịt, ông mò dài theo các đường gân tay gân chân. Mấy đầu ngón tay của ông đi tới đâu là mình nghe... rã rời tới đó ! Thật là kỳ diệu ! Tôi phục ông quá!

Sau khi làm xong, ông xin một ly nước, uống, lãnh tiền, cám ơn, rồi lẳng lặng dẫn xe đạp đi ra. Tôi hỏi với theo: "Tuần sau, cũng vào giờ này, ông lại đấm tôi được không ? " Ông nói ' dạ được ' rồi đi thẳng. Tiếng rẹt rẹt của xâu nút khoén lại vang lên xa xa... Tôi nằm mơ lơ mơ, nghe âm thanh rẹt rẹt mà tưởng chừng như thời cũ vẫn còn nguyên đây đó, cái thời mà cuộc sống còn mang nhiều thi vị, kể cả những thi vị thật nhỏ nhoi tầm thường.

Tuần sau, ông đấm bóp trở lại. Ông không bấm chuông. Ông đứng ngoài cổng lắc xâu nút khoén rẹt rẹt, rẹt rẹt, giống như một... ám hiệu ! Đã được dặn trước nên người nhà chạy ra mở cổng. Ông vào nhà, gật đầu chào tôi rồi tuần tự làm y như tuần rồi. Thấy ông có tay nghề “cao cấp”- nói theo từ ngữ bây giờ-mà không bô bô vừa làm vừa nói như ông cũ, tôi càng có cảm tình với con người trầm lặng đó. Nên tôi mở lời :

- Ông làm nghề này lâu chưa ?

- Dạ... sau giải phóng.

- Sao tôi không nghe ông lác ở xóm này vậy ?

- Dạ... tôi ít đi lác lác. Tôi làm cho khách quen không hà. Hôm rồi nhơn làm cho ông khách ở gần đây, tôi lác cầu may nên mới gặp ông đó chứ.

- Hồi thời trước, ông làm nghề gì ?

Ông ‘dạ’ rồi nín thinh. Tôi biết ông không muốn nói, nên cũng không hỏi tiếp.

Lần này, sau khi trả tiền, tôi hỏi, giọng thân mật:

- Ông thứ mấy ?

- Dạ... thứ Sáu.

- Ông chắc lớn hơn tôi cỡ bảy tám tuổi. Vậy cho tôi gọi ông bằng anh Sáu được không ?

Ông nhìn tôi, chớp chớp mắt:

- Dạ được chứ.

- Vậy tuần sau, cũng ngày này giờ này, nghe anh Sáu.

Ông “Dạ”, gật đầu chào tôi rồi dẫn xe đạp đi ra.

Tuần sau, ông lại đến. Lần này, chính tôi niềm nở mở cổng . Tôi bắt tay ông:

- Mạnh hả anh Sáu ?

- Dạ mạnh.

Vào nhà, lại tuần tự “xin phép, cởi áo, ngồi xuống, xoa dầu”... Nhưng lần này, sau khi rờ lưng tôi, ông nói:

- Hơi cảm hả thầy Hai ?

Tôi ngạc nhiên, vì hai tiếng “thầy Hai” thì ít mà vì chỗ ông Sáu biết tôi đang cảm thì nhiều :

- Sao anh biết ?

- Nghề mà thầy Hai. Lưng thầy lạnh ngắt đây nè !

Rồi ông tiếp, giọng đầy tự tin:

- Nhưng không sao đâu, thầy Hai yên tâm. Tôi làm một chút là thầy thấy khoẻ hà .

Thấy lần này ông cởi mở hơn, nên tôi tiếp tục...đẩy đưa:

- Anh học nghề này ở đâu vậy, anh Sáu ?

- Tôi học với một ông thầy Tàu ở Bình Hòa ?

Ngừng một chút như để suy nghĩ, rồi ông nói tiếp, trong lúc hai bàn tay vẫn đều đặn làm việc :

- Thiệt ra ông thầy tôi chuyên dạy võ.

- Ủa ? Rồi sao có vụ dạy tẩm quất ?

Im lặng một chút rồi ông mới nói, sau khi cười nghe cái khịt :

- Hồi đó, lâu rồi, tôi tới thọ giáo với ông, ông nắm tay nắm chân tôi rồi mới nói : "Tao dạy võ cho mày không lấy tiền với điều kiện là mày đấm lưng cho tao mỗi tuần một lần, mày chịu hông?". Tôi trả lời chịu nhưng tôi không biết đấm lưng. Vậy là ông dạy tôi đấm lưng !

Nói xong, ông Sáu cười nhè nhẹ mấy tiếng. Tôi biết ông đang sống lại với những kỷ niệm nên tôi "khởi" luôn:

- Mà tại sao anh Sáu phải đi học võ vậy ?

Ông ngập ngừng một chút rồi mới nói :

- Tại hồi đó tôi muốn đóng vai Tiết Nhơn Quý !

Ba tiếng "Tiết Nhơn Quý" làm tôi nhớ lại bà già vợ tôi hồi thời trước hay đi coi hát bội và bà thích nhất nhân vật Tiết Nhơn Quý. Bà thường nói "Đóng vai Tiết Nhơn Quý, không ai hay bằng kếp Sáu Thanh hết ! Thăng đó múa thiên phương họa kích như thần. Còn khi nó gặp lại Dương Mậu Sanh, nó khóc như thiệt vậy, hay không chỗ nói !" Tiết Nhơn Quý...Cây Thiên Phương Họa Kích... Kếp Sáu Thanh... Ông già đấm bóp thứ Sáu... Tôi xoay người lại hỏi:

- Vậy anh Sáu là kếp Sáu Thanh phải không ?

Gương mặt già nua đó bỗng nhăn lại vì xúc động. Ông nuốt nước miếng mấy lần mới nói được:

- Dạ phải.

- Hồi đó bà già vợ tôi mê anh lắm. Bả cứ nhắc hoài lúc Tiết Nhơn Quý gặp lại nghĩa huynh Dương Mậu Sanh. Anh đóng hay đến nỗi khán giả ai cũng sụt sùi khóc hết .

Ông Sáu im lặng, chớp mắt thật nhanh rồi nhìn đi nơi khác. Ông nhìn ra sân, ông nhìn ra cổng. Ở đó, tôi không có vịn đèn khi đêm xuống như thời cũ -phải làm giống thiên hạ để đừng ai để ý- nên bóng tối giăng đầy. Tôi biết: trong vùng tối đó, ông Sáu đang nhìn thấy lại ánh sáng huy

hoàng của thuở mà trong vai Tiết Nhơn Quý ông đã làm rung động biết bao nhiêu khán giả đêm đêm...

Một lúc sau, ông Sáu mới nói, giọng trầm tĩnh:

- Thầy Hai nằm xuống đi, để tôi làm tiếp.

Bây giờ, mấy đầu ngón tay của ông “đi” thật chậm nhưng thật sâu. Làm như ông đang tiếp tục mò mẫm để tìm lại những kỷ niệm vụn vặt mà cơn lốc cách mạng 1975 đã bắt thần thổi tung đi mất. Tôi bỗng nghe thương hại ông Sáu vô cùng...

Tôi xin mở dấu ngoặc ở đây để viết vài hàng về nhân vật Tiết Nhơn Quý. Tôi chỉ nhớ đại khái nhưng chắc cũng đủ để cảm thông sự xúc động của anh Kép tài danh Sáu Thanh, bây giờ là ông già đang ngồi đăm lưng tôi trong im lặng...

Tiết Nhơn Quý nhà nghèo, nhưng có sức mạnh hơn người. Một mình anh ta kéo khúc gỗ mà mười người kéo không nổi ! Và anh ta ăn uống cũng bạo lắm: mỗi bữa cơm, anh ta ăn bằng mười người ăn ! Vì nhà nghèo nên thường xuyên Tiết Nhơn Quý ăn không đủ no, mặc không đủ ấm.

Trong làng, có Dương Mậu Sanh là nhà có tiền và tánh tình rất hào phóng. Biết tình cảnh của Tiết Nhơn Quý, Dương Mậu Sanh bèn đem về nuôi và kết nghĩa anh em. Nhờ được ăn uống đầy đủ nên Tiết Nhơn Quý, ngoài việc giúp đỡ nghĩa huynh trong công tác nặng nhọc, hàng ngày luyện tập võ nghệ với cây thiên phương họa kích đến trình độ mà khi tung lên là “lá rụng cát bay”...

Tiết Nhơn Quý ăn đến... người nghĩa huynh bị sạt nghiệp !

Một hôm, nhân đánh đuổi Cáp Tô Văn và cứu được Lý Thế Vân nên được vị này thân dụng dưới trướng. Rồi từ đó Tiết Nhơn Quý theo phò Lý Thế Vân đánh đông đánh tây bao nhiêu năm mới dựng nên cơ đồ cho ông này lên làm vua. Lúc đó Tiết Nhơn Quý đã trở thành một vị nguyên soái lừng danh thiên hạ.

Thời gian sau, nhân chuyển viễn chinh qua làng cũ, Tiết Nhơn Quý cho hạ trại ở đây rồi truyền lệnh tướng tá đi mời Dương Mậu Sanh. Ông này bây giờ nghèo xác xơ, nghe nguyên soái cho vời mình thì không biết làm sao, vì không tiền mua lễ vật để ra mắt nguyên soái. Cuối cùng ông đành làm liều: ông lấy hai cái hũ đổ đầy nước, đóng nút rồi bịt lại bằng mấy lần vải đỏ, xong ông xin một ít rượu rưới lên đầu hũ cho có mùi. Như vậy, người ta sẽ nghĩ là hai hũ rượu, và như vậy khi tiếp vị nghĩa huynh, nguyên soái sẽ không bị mất mặt với những người dưới trướng.

Được thông báo, Tiết Nhơn Quý vội vã bước ra đón người anh kết nghĩa đã nuôi mình trong lúc cơ hàn mà bao nhiêu năm dài bận chuyện quân binh mình không về thăm được. Dương Mậu Sanh đặt hai hũ rượu giả lên bàn, vòng tay cố gắng lắm mới nói được mấy lời: “Thưa nguyên soái, tôi xin có chút lễ mọn để ra mắt nguyên soái...” Nhìn bộ quần áo trên người Dương Mậu Sanh, Tiết Nhơn Quý hiểu ngay tình cảnh của người anh kết nghĩa. Ông ôm lấy nghĩa huynh, xúc động: “Dương huynh lúc nào cũng tốt với tiểu đệ. Ở xưa biết bao giờ đệ trả cho xong mà bây giờ còn cho đệ rượu để mừng tái ngộ. Thì đệ xin uống cho huynh vui”. Nói xong, Tiết Nhơn Quý bưng lên một hũ, mở nút uống ực ực mà trào nước mắt. Xong, nói lớn cho mọi người trong trướng đều nghe: “Ngon ! Ngon quá ! Rượu của nghĩa huynh ta ngon quá ! Cay quá ! Làm ta chảy nước mắt”. Rồi truyền lệnh: “Rượu của nghĩa huynh ta tặng cho ta, vừa ngon vừa quý. Đứa nào rót vào là ta chém đầu. Nghe chưa ?” Rồi tự tay xách hai hũ rượu một cách trịnh trọng đem vào trong cất kỹ.



.....

Ông Sáu im lặng làm lưng tôi một lúc, bỗng nói:

- Hồi đó, lúc nào diễn đến lớp Tiết Nhơn Quý uống rượu giả của Dương Mậu Sanh, tôi cũng xúc động nên khóc thiệt. Khán giả nghĩ rằng tôi khóc giả mà như thật nên khen quá chừng. Có nhiều người liệng tiền lên sân khấu cho nữa, thầy Hai à !

- Rồi tại sao anh Sáu không đi hát nữa vậy ?

- Mấy ngày đầu tháng tư 75, ông bầu rã gánh, vì đâu còn hát hò gì nữa. Lúc đó tụi này vẫn “trụ” ở đình Thanh Nguơn là nơi mà tụi này hát thường xuyên .Đào kép nhạc công bỏ đi tứ tán. Còn lại ở đình có anh Ba thợ đèn, anh Tư Rựa người thủ vai Dương Mậu Sanh và tôi. Tụi này ở chòm nhum với nhau như vậy tới ngày giải phóng.

Ngừng một chút, rồi không đợi tôi hỏi, ông nói tiếp, giống như ông đang quay lại một cuốn phim :

- Rồi họ đến đuổi tụi tôi ra, lấy đình làm hội trường. Anh Ba và anh Tư đưa vợ con về quê. Còn lại mình tôi không vợ không con nên cũng dễ.Tôi đồ lý, “bám trụ”. Cuối cùng họ để tôi ở cái nhà xép phía sau đình nhưng bắt tôi làm gác dan cho họ luôn! Rồi bởi vì họ không trả lương nên tôi phải đi đấm bóp để sống.

- Bộ bây giờ người ta cũng kêu đấm bóp như hồi xưa, hả anh Sáu ?

- Đâu có ! Người như thầy Hai đây hiếm lắm. Chỉ có cán bộ là thích ba cái vụ này thôi. Bây giờ bọn đó mới có tiền. Tiền...” chùa” mà thầy Hai ! Tôi nói bao nhiêu là họ đưa bấy nhiêu, không thắc mắc gì hết. Cho nên khách của tôi phần đông là cán bộ...

Tôi bật cười:

- Vậy là anh phục vụ tốt chế độ rồi anh Sáu !

- Đâu có thầy Hai ! Thầy không biết chớ khi tôi làm lưng cho họ tôi đâu có làm theo bài bản như tôi làm cho thầy Hai đây.Tôi dẫn vật họ như một con thú. Tôi làm cho đã nư mà. Tôi làm lưng họ mà nghĩ như tôi đang rửa nhục vậy. Cho nên tôi cứ bẻ tay bẻ chân, rồi tôi vận đầu vận cổ. Tôi giẫm lên lưng giẫm lên đầu . Càng làm, tôi càng nghe hả dạ. Vậy mà họ khen ngón nghề của tôi có “trình độ cao” ! Cái thứ dốt mà thầy Hai !

Ngừng một chút rồi tiếp:

- Thầy Hai biết không, nói nghe khùng chớ nhiều khi tôi ao ước được biến thành Tiết Nhơn Quý thật, với trùng trùng binh mã trong tay như thuở đi chinh Đông, để tôi quét sạch bọn vô thần này một phát !

Ông nói mà hai tay ông vẫn mần mò đầu gân thớ thịt của hai chân tôi. Theo tuần tự lớp lang thì ông đang ở phần cuối của cử đấm. Bỗng ông Sáu thở dài :

- Coi vậy chớ lâu lâu tôi vẫn nhớ sân khấu, nhớ tuồng nhớ tích.Tôi thủ vai Tiết Nhơn Quý gần hai mươi năm mà thầy Hai. Nó thấm trong xương trong máu lặn. Để gì quên ?

Rồi ông chép miệng, cay đắng :

- Hồi đó, có bao giờ tôi nghĩ rằng tôi sẽ tuột xuống đi đấm bóp như bây giờ đâu, thầy Hai.

- Đòi đòi mà anh Sáu. Đều trời hết chó bộ !

Tôi nghe ổng khịt mũi rồi làm bầm: "Hừ !Đòi đòi !Đòi đòi ! Mẹ bà nó !" Tôi biết đã đến lúc tôi nên làm thỉnh để đừng khơi lại một vết thương nào khác nữa...

...Ông Sáu trở lại đấm cho tôi được hai lần. Đến kỳ hẹn sau, ổng không tới. Tôi nghĩ có lẽ ổng bệnh. Tôi đợi thêm một tuần. Cũng không thấy ổng tới. Thắc mắc, tôi đạp xe lại xóm đình Thanh Nguơn hỏi thăm mới biết là ông Sáu đã bị bắt. Người ta nói chánh quyền nghi ổng có ý đồ gì đó bởi vì theo dõi thì "phát hiện" đêm nào ổng cũng "lê la" ở nhà các cán bộ !

Trên đường về nhà, tôi miên man nghĩ : "Tiết Nhơn Quý trước sau như một, có ở tù, có bị chúng nó tẩm quất... chắc con người đó không bao giờ thay đổi.Và tôi lại nghĩ: bọn...'đỉnh cao trí tuệ' này không tình không nghĩa, hữu thủy vô chung, tiền hậu bất nhất ... thì làm gì biết được Tiết Nhơn Quý là ai ?"

## Con mẹ hàng xóm

Hắn tên là Cui, Đặng văn Cui. Thứ ba, nên người ta gọi là Ba Cui. Và vì nước da hắn ngăm ngăm, nên sau này khi đi lính quốc gia, bạn đồng đội đặt cho hắn biệt danh "Cui Đen". Không phải để phân biệt với thằng Cui khác, mà là để cho dễ nhớ ! Bởi vì tiếng "Cui" một mình vừa cộc lốc, tối nghĩa, vừa khó nhớ nữa !

Thật ra, hồi đi làm khai sanh, ông già hắn đặt tên hắn là "Qui", nghĩa là "Vè", vừa vắn vè lại vừa nhắc nhở năm đó ông đưa vợ con trở về quê làm ruộng sau một thời gian dài "bôn ba bá nghệ" ở Sài Gòn Chợ Lớn. Nhưng không biết tại vì ông phát âm không rõ hay tại vì ông chánh lục bộ lằng tai mà tiếng "Qui" trở thành "Cui" trong sổ bộ !

Thành ra, trong gia đình và trong xóm người ta gọi hắn là "Qui", còn trong trường và sau này khi ra đời, hắn vẫn mang cái tên "Cui" cứng ngắt đó và thường bị người ta hỏi "Cui là gì ?". Coi vậy chớ tên "Cui" có vẻ như là cái tên... "tiền định", bởi vì rất hợp với con người và tánh tình của hắn. Con người hắn không đến nỗi quá cục mịch nhưng, thật tình, cũng không có nét gì thanh tú hết ! Người gầy gầy, nước da đen đen như người Miên, mắt lộ, gò má cao, môi mỏng dánh, giọng nói thì nhọn hoắt. Vậy mà trong cử động đi đứng, hắn lại rất lạnh lẽ, không... ù lì chút nào. Còn tánh tình thì cứng cỏi, thẳng rặng, gan góc... như cây dùi cui !

Hồi đó – cái thời còn là lính quốc gia – hắn đánh giặc hăng lắm. Khi lâm trận, mặt nào địch bắn rất nhứt là có Cui Đen phóng tới. Làm như hắn không biết sợ là gì. Vậy mà suốt cuộc đời "binh nghiệp" của hắn, chưa bao giờ hắn bị thương ! Bạn đồng đội nói: "Chắc thằng Cui Đen nó có vô bùa !".

Hắn đánh giặc "hết mình" như vậy, không phải tại vì hắn có lý tưởng này lý tưởng nọ hay có ý thức chánh trị gì gì, mà tại vì hắn nghĩ rất đơn giản: "Nhà ai nấy ở. Mắc mớ ông cha gì tụi nó mà tụi nó kéo vô đánh mình ? Rõ ràng là tụi nó muốn đánh chiếm xứ mình để đô hộ như tụi Tàu tụi Tây hồi đó. Mẹ bà nó ! Phải đánh chết cha tụi nó hết !".

Đánh giặc "chết bỏ" như Cui Đen vậy mà Trời không thương. Cho nên mới có ngày 30 tháng tư năm 1975...

... Được lệnh đầu hàng, hắn tức muốn ói máu ! Hắn cắn chặt môi, chĩa súng lên trời bắn như điên. Bắn hết đạn, hắn liệng súng vào đồng binh cụ. Trước khi quay đi, hắn nhìn lại võ khí, ánh mắt căm hờn dịu xuống. Hắn nhìn với cái nhìn của người đàn ông nhìn cô nhân tình lần cuối, nhưng

hắn lại đưa tay lên trán chào như hắn chào người đồng đội vừa vĩnh viễn nằm xuống nơi chiến trường... Trong đời đánh giặc của hắn, hắn đã từng chào như vậy. Nhưng lần này hắn nghe như hắn đang chào vĩnh biệt một cái gì to lớn hơn, một cái gì quan trọng hơn, một cái gì quý giá hơn người lính cộng hòa chết trận. “Cái gì đó” hắn không định nghĩa được nhưng hắn cảm nhận được. “Cái gì đó” cũng bắt thần lảnh một viên đạn vào đầu, cũng ngã gục xuống không kịp trở. Nhưng, trong “cái gì đó”, hắn thấy rõ có hắn, có vợ con hắn, có bà con hắn, có đồng bào hắn nữa. Xưa nay, Cui Đen không biết khóc. Nhưng bây giờ, bỗng nhiên hắn nghe hai mắt mình xót xót...

Một người bạn trong đơn vị chờ Cui Đen về nhà bằng Honda.

Nhà Cui Đen ở gần chợ Bà Chiểu, trong một hẻm ngắn nhưng rộng, xe hơi vào được. Đó là loại phố trệt, có sân trước sân sau, và tường rào cao cỡ đầu người. Cui Đen, vợ và hai con nhỏ, ở căn cuối cùng trong hẻm. Vợ chồng hắn ở đó từ thời chưa có con, nên cả hẻm đó đều biết hắn. Ở đây, người ta gọi hắn là “Ba Cui”.

Ba Cui bước vào sân thấy cửa nhà đóng im ỉm. Mở cửa vội vã, thấy đồ đạc còn y nguyên, kể cả chiếc xe đạp của hắn. Hắn bước nhanh vào trong, vừa bước vừa gọi lớn: “Lựu ! Lựu à ! Mẹ con em đâu ? Anh về đây nè !”. Im lặng. Im lặng kéo dài ra tới sân sau. Căn nhà bỗng như rộng minh mong... Trong cái trống vắng đó, Ba Cui nghe như muốn ngộp thở. Hắn trở ra nhà trước, kéo ghế ngồi. Bỗng hắn để ý đến một tờ giấy trắng xếp hai năm dưới cái gạt tàn thuốc. Lấy lên xem, thì ra là thơ của vợ hắn. Thơ viết vắn tắt: “Em và hai con di tản theo anh Sáu. Anh ở lại, nhớ nhìn kỹ Thảm Thúy Hằng để mà sống. Em Lựu”. Đọc câu đầu, hắn nghe yên tâm vì anh Sáu – anh vợ hắn – là trung tá hải quân. Đọc câu sau, hắn “xì” một tiếng, bỏ lá thơ lên bàn rồi lấy tay vỗ lên đó nghe một cái bốp, miệng lẩm bẩm: “Đến nước này mà còn viết móc lò móc chảo!”. Nói như vậy, bởi vì Ba Cui vốn mê đào hát. Hắn cắt hình mấy cô minh tinh trong mấy tờ báo Tết, lộng vô khuôn kiếng treo đầy tường. Người mà hắn thường ngắm say mê nhất là Thảm Thúy Hằng !

Ba Cui đốt điếu thuốc, vừa hút vừa nhìn quanh. Rồi theo thói quen, mắt hắn dừng lại ở khuôn hình người minh tinh mà hắn ái mộ. Cặp mắt quá đẹp ! Cái mũi quá đẹp ! Nụ cười quá đẹp ! Bỗng hắn nghĩ: “Chẳng lẽ trong cái chộn rộn sanh tử của mấy ngày này mà Lựu còn nghĩ tới chuyện con nít như vậy à ?”. Một lúc lại nghĩ: “À ! Mà xưa nay Lựu đâu có ghen về vụ này !”. Rồi hắn lại nhìn chằm chằm khuôn hình, miệng lẩm nhẩm: “Nhớ-nhìn-kỹ-Thảm-Thúy-Hằng... Tại sao phải nhìn kỹ ? Mà tại sao để-mà-sống ? Và tại sao lại gạch đi trọn câu này ? Chắc Lựu muốn nói gì đây !”. Hắn đứng lên, bước lại gần để nhìn. Nhìn một lúc, rồi tò mò, hắn nhắc khuôn hình xuống, lật xem phía sau: trên miếng gỗ ép dính bụi có nhiều dấu tay nho nhỏ. Hắn chạy xuống bếp lấy con dao rồi cạy bật mấy cây đinh gài miếng gỗ ép. Miếng gỗ được lật ra, dán dính ở mặt trong bằng băng keo là ba lạng vàng. Ba Cui đứng ngẩn ngơ, quên mất điếu thuốc trên môi đang cháy dở !

Sau ngày 30 tháng tư là chuỗi dài... bận rộn ! Đi mét-tinh. Rồi họp rồi hội rồi học tập. Rồi họp rồi hội rồi học tập nữa. Khi tạm tạm yên, kiểm điểm lại thì những người trong hẻm không có ai đi di tản hết. Thành ra Ba Cui phải nói trớ là vợ con hắn về dưới quê “sống dễ thở hơn”.

Thời gian sau, lần lần người trong hẻm đổi nghề. Có lẽ cho hợp với thời cuộc, với cái gọi là “đổi đời” mà Nhà Nước cách mạng lúc nào “lên lớp” cũng nói. Cho nên thấy thầy Trần nghĩ dạy tiểu học ở phường Sáu, thầy giáo đó bây giờ... “tháo giày” đi làm thợ hồ. Thấy bác Năm thợ bạc bây giờ ngồi bán chuối chiên ở đầu ngõ. Thấy ông thầy chích hạ bằng “Y tá có bằng cấp” rồi sơn viết lại “Hớt tóc bình dân”. Thấy bà Ba “thớt thịt” nghĩ bán thịt heo ở chợ Bà Chiểu, tối ngày nằm nghe băng nhạc cải lương, để chồng con chạy áp-phe tuốt trong Chợ Lớn. Thấy ông “Chánh Ký” chuyên cho mượn xe ba bánh bây giờ bán hết dàn xe rồi ra đứng nấu mì cho thằng con có tiệm cà phê ở ngang hông chợ... vv.

Còn Ba Cui thì đi đạp xích-lô !

Một hôm, trong lúc đạp rề rề trước nhà thương để đón khách, Ba Cui bị xe bộ đội chạy loạn đụng gãy chân mặt. Hắn phải mang băng bột cả tháng. Lúc nào xe dịch cũng phải chống hai cây nạng gỗ. Hắn tức lắm ! Khi người trong hẻm qua thăm, hắn thường cầm cây nạng gỗ vô ống băng bột

cốp cốp, để nói: “Mẹ bà nó ! Hồi đó đánh giặc, tụi nó không bắn được tôi bị thương. Bây giờ yên rồi, tụi nó cũng ráng đụng cho tôi gãy chân, tụi nó mới nghe ! Quân chó chết !”.

Hồi còn ở nhà thương, khi nhận hai cây nạng gỗ, hấn cặp hai bên nách rồi chĩa thẳng về phía trước như hai cây súng. Mắt hấn trừng lên, hấn bắn bằng miệng: “Pằng ! Pằng ! Pằng ! Pằng !...”. Cho... đỡ tức ! Sau đó, hấn gỡ bỏ hai gù cao su của đầu nạng, để mỗi lần hấn chống đi có tiếng côm cốp khô khan sắc bén. Hay khi hấn nói chuyện, hấn gõ đầu nạng xuống mặt gạch nghe cảnh cạch. Cho... đỡ tức !

Hôm đi cắt băng bột, Ba Cui nói với đôi nạng gỗ: “Tụi bây chịu trận với tao bữa nay nữa là... lẽ tất !”. Nào dè, sau khi cắt băng, chân mặt bây giờ ngắn hơn chân trái, mà chỗ xương gãy lại cong cong, thành ra chân bị thương đó bây giờ không còn chống chỏi mạnh như xưa nữa. Hấn tức giận, quăng cặp nạng vào góc tường, chửi lớn: “Mẹ bà nó ! Gia tài có cặp giò để đạp xích-lô mà bị như vậy thì còn làm ăn khi gì được ?”. Cô y tá nói nhỏ: “Tại số anh xui. Hôm đó anh nhập viện nhằm ca của ông bác sĩ ngoài đó...”. Hấn làm bầm: “Mẹ bà nó !”. Rồi lò cò lại góc tường lượm đôi nạng lên chĩa thẳng về phía trước, miệng bắn lớn: “Pằng ! Pằng ! Pằng ! Pằng !...”. Mà lần này, hấn bắn đến ba bốn đợt nhưng sao vẫn chưa nghe hả tức ! Bỗng hấn thềm có khẩu M16 để hấn... ria một hơi...

Về sau, Ba Cui sắm thùng đồ nghề rồi ngày ngày đạp xe ra góc đường gần Ủy Ban Nhân Dân ngồi sửa xe đạp. Và lúc nào cũng có đôi nạng gỗ, bây giờ đầu dưới có bịt sắt ! Cho nó... oai ! ... Thầy Hai Khuê ở khít vách Ba Cui, hồi thời trước làm thợ kỹ kế toán cho một hãng buôn ở Chợ Cũ, sau thời gian đổi nghề đi đan mây tre chắc chịu không nổi nên... bán nhà. Người chủ mới là đàn bà, cỡ tuổi Ba Cui, con người thanh tú, “coi được lắm”. Cô ta ở một mình. Làm việc ở đâu không biết, nhưng ngày nào cũng thấy đi thấy về bằng chiếc xe Vélo-Solex. Vì vậy, trong hẻm gọi cô ta là “cô Hai Sô-lét”.

Cô Hai không giống người trong xóm. Thời buổi này mà cô ta vẫn ăn mặc như hồi đó, vẫn áo dài màu in bông trang nhả quần hàng trắng ống thon thon. Vẫn chút phấn chút son chút dầu thơm loại “xịn”. Cho nên người trong xóm cũng ngại, không muốn gần, mặc dầu thấy cô Hai Sô-lét cũng dễ thương, gặp ai cũng chào cũng hỏi. Riêng Ba Cui thì thẳng thừng: “Con mẹ này... Tôi coi không vô ! Cái thứ đàn bà ở một mình mà tối ngày son phấn... tôi nghi lắm”. Cho nên, gặp cô ta mấy lần mà hấn chẳng hỏi thăm xã giao một tiếng. Chỉ gặt đầu lậy lẹ rồi đi luôn !

Một buổi tối, tên công an phường đi xe Honda tới nhà cô Hai Sô-lét với một anh bạn. Họ và cô Hai chào hỏi nhau, giọng điệu chứng tỏ họ đã quen thân nhau từ lâu. Ba Cui nằm trên ghế bố đặt ở phòng khách – hấn ngủ ở đây cho nó mát – nghe cái lối chào đón của “con mẹ hàng xóm” mà phát ghét. Hấn làm bầm: “Mẹ bà nó ! Tao nói có sai đâu ! Cái thứ này... xài không được !”

Bên kia, chắc họ bày biện ăn uống ở ngoài sân nên Ba Cui nghe rõ mồn một:

- Biết bà chị neo đơn nên chúng tôi có mang đến thịt quay và phá lẩu đây này.

- Các anh bày vẽ. Hồi trưa, ở cơ quan, em đã bảo đừng mang gì hết. Em có bia nè. Em có tôm khô củ kiệu nè. Em có cua rang muối nè.

- Đấy ! Đồng chí thấy không ? Tôi đã bảo là chị Tâm chu đáo lắm mà đồng chí không tin.

- Ấy ! Đây là lần đầu, tở cũng phải có cái gì để ra mắt bà chị chứ !

- Mình là người nhà với nhau hết, mấy anh đừng khách sáo. Em không thích đâu.

- Vâng ! Thế thì cho tôi xin bà chị. Lần sau sẽ nghiêm túc hơn.

Nằm bên này, Ba Cui vừa lắng nghe vừa suy nghĩ: “Con mẹ này ghê lắm chớ không phải vừa. Thằng công an mà còn gọi bằng chị thì không phải thứ cóc cần đâu. Theo cách nói chuyện của con mẹ thì con mẹ vô ra cơ quan Nhà Nước như đi chợ. Vậy là người của tụi nó rồi”. Nghĩ đến đó, hấn có ngay một thái độ: “Mẹ bà nó ! Mình phải coi chừng. Trong hẻm này toàn là dân ngụ không mà con mẹ chen vô đây làm gì ? Phải có ý đồ gì đó ! Mình phải cho lối xóm biết mới được”.

Sau đó, cứ năm bảy hôm là cô Hai Sô-lét có nấu nướng ăn nhậu với bọn công an. Rồi công an kéo theo công an. Họ nói năng cười cợt như chỗ không người. Cả xóm đều biết. Cho nên mọi người đều dè dặt lẩn tránh cô Hai Sô-lét. Chỉ có Ba Cui là làm ngược lại. Trước đây, hấn không thềm chào một tiếng. Bây giờ thì hấn nghĩ: “Mình phải làm cho nó thấy là mình biết nó là ai. Mình

phải đương đầu với nó để cho nó thấy rằng mình không sợ nó, mặc dầu nó là bà chằn hay ông kẹ gì gì. Mẹ bà nó ! Phải như hồi đó, tao rĩa cho một trận là chết cha hết !”.

Cho nên, có hôm, nghe Ba Cui nhái giọng nửa Bắc nửa Nam của “tụi giải phóng” để hỏi cô Hai Sô-lét – hỏi trống:

- Thế nào ? Tốt chứ !

- Dạ... Cám ơn anh. Cũng tạm tạm.

- Chà... Đạo này thấy... béo ra đấy !

- Em thấy em cũng vậy, hà.

- Có chứ ! Cứ ăn nhậu mãi là phì ra thôi !

Bỗng cô Hai nhìn thẳng vào mắt Ba Cui, nghiêm giọng:

- Anh Ba à ! Mình ăn cây nào mình rào cây nấy, chớ anh !

Hắn phun nước miếng xuống đất, khoát tay rồi chống nạng cằn cạch đi vô nhà. Thiếu chút nữa là hắn phun thẳng vào mặt con mẹ hàng xóm đó ! Cho bỏ ghét !

Càng ngày, cô Hai Sô-lét càng tiếp đãi “tụi nó” thườg hơn, đông hơn và nhiều thành phần hơn.

Có cả cán bộ đến bằng xe hơi có tài xế nữa ! Ngoài việc ăn uống – hình như chủ nhà có tài nấu nướng nên lúc nào cũng nghe “thực khách” hết lời khen ngợi tán phục – không biết họ có... “làm gì” nữa không ? Ba Cui nhiều lần cố ý rình nghe nhưng chẳng thấy có gì khả nghi hết. Nhưng, đối với Ba Cui, nguyên cái sự ăn uống cười đùa thân mật thoải mái của “tụi nó” cũng đủ làm cho hắn “tức con mắt”. Còn con mẹ hàng xóm thì hắn dứt khoát: cái giống gì mà hắn... hử không vô ! “Cái giống” đó cũng rần rần gà nhà, mở ngõ đưa đường cho tụi ngoài đó vô xâm chiếm thống trị miền Nam rõ ràng mà nói là “đi giải phóng”. Mẹ bà nó !

Một đêm đó, cũng gần khuya, trong lúc bên kia, hai tên công an và gia chủ còn chuyện trò, bên này Ba Cui tắt đèn nằm trên ghế bỗ nghĩ vẩn vơ chờ giấc ngủ, thì nghe tiếng xe hơi chạy vào thẳng gấp trước nhà cô Hai. Hắn lẩm bẩm: “Giờ này mà còn kéo tới nữa ! Thiệt... cái lũ này...”. Nhưng sao không có tiếng mở cửa đóng cửa xe mà lại nghe có tiếng chân người phóng xuống. Vậy là thuộc loại xe “gíp” chớ không phải xe nhà. Lại nghe tiếng súng khua và tiếng lên cò lách cách. Ba Cui phóng nhanh lại cửa, lắng tai nghe. Giọng quen thuộc của tên công an phường vang lên:

- Này ! Các đồng chí làm gì thế ?

Một giọng lạ, nghiêm nghị:

- Hai đồng chí hãy ngồi yên. Con này, đứng vào góc tường kia !

Tiếng cô Hai la: “Ồi !”. Có vẻ đau. Tên công an la lên:

- Này ! Nhẹ tay chớ đồng chí. Có vấn đề gì thì ta hãy từ từ giải quyết. Loạn à ?

- Ừ ! Loạn ngay trong phường của đồng chí mà đồng chí còn hỏi nữa à ? Đồng chí hãy ngồi xuống ! Còn con này, quay mặt vào tường, đứng yên ! Không, tao bắn nát óc !

Rồi ra lệnh cho đồng bọn vào lục soát trong nhà xem “có tên nào ẩn nấp trong ấy hay có cất giấu vũ khí không” và “phải cảnh giác”.

Không khí bên đó có vẻ căng thẳng. Tên công an thấp giọng:

- Chị Tâm đây là người của Thành ủy. Chắc đồng chí làm người rồi.

Không nghe trả lời. Ba Cui đoán bọn mới tới là bộ đội và “thằng xếp” này có vẻ coi thường hai tên công an.

Một lúc sau, nghe:

- Báo cáo đồng chí: không phát hiện gì cả.

- Tốt ! Hai đồng chí ra ngoài.

Im lặng. Rồi lại nghe giọng “thằng xếp”:

- Các đồng chí có biết con này là ai không ?

Ngừng một chút. Chừng như để cho câu nói tiếp theo có hiệu lực hơn, bởi vì “thằng xếp” gần từng tiếng:

- Người ta biết nó là Trần thị Tâm, nhưng tên thật của nó là Nguyễn Kim Hoa. Nó được bọn nguy cại vào hàng ngũ của ta từ ngày giải phóng. Chính nó bao lâu nay bí mật đưa tin cho lũ phản động đang ẩn nấp ở vùng biên giới để chống phá cách mạng. Ác ôn như thế đấy !

Lại ngừng một chút, rồi tiếp:

- Bây giờ thì hai đồng chí về đi, để chúng tôi xử lý vụ này. Sáng mai chúng ta sẽ nói chuyện sau. Một lúc, có tiếng Honda của bọn công an rồ máy rồi chạy ra ngõ. “Thằng xếp” ra lệnh:

- Con này ! Đi ngay !

- Anh cũng phải để tôi dọn dẹp mấy thứ này vô nhà rồi tắt đèn đóng cửa chứ !

- Ủ ! Nhưng khăn trương lên !

Bên này, Ba Cui chống hai tay lên cửa, đầu gục xuống. Hấn cắn môi kèm xúc động. Hấn nghe ân hận vô cùng: “Cô Hai là người của mình mà lâu nay mình khinh miệt cổ như đồ phản quốc ! Còn đòi phun nước miếng vào mặt cổ nữa ! Mẹ bà nó ! Mình tệ quá ! Bây giờ làm sao xin lỗi cổ đây ?”. Trong đầu hấn bỗng hiện lên hình ảnh của cô Hai Sô-lết. Bây giờ, sao hấn thấy cô Hai đẹp quá, cao cả quá, rắn rỏi quá. Cô vẫn giữ nguyên nét ngụy, từ cái áo cái quần tới chút phấn chút son. Cô vẫn tự trọng chứ không làm ra vẻ lam lũ theo... thời trang cách mạng. Cô đáng phục quá ! Bây giờ mới hiểu câu nói “ăn cây nào mình rào cây nấy” của cô Hai. Phải rồi. Cô phải “rào” cho kỹ để rút tỉa tin tức cần thiết cho “Kháng Chiến Phục Quốc”, vậy mà mình đã nghĩ rằng cô là phường bợ đỡ chánh quyền ! Thiệt là bậy !

Bên kia, giọng cô Hai Sô-lết nghe rất bình tĩnh:

- Rồi. Tôi xong rồi.

- Mang gì thế kia ?

- Bao quần áo, bàn chải đánh răng, khăn, lược. Nè ! Anh xét đi !

- Thôi ! Được ! Lên xe !

Xe rồ máy, sang số de rồi lù ra hẻm.

Bên này, Ba Cui bỏ tay xuống, lắc đầu thờ dài. Bỗng, một tiếng nổ chát chúa, tiếp theo là tiếng xe đụng vào tường rào rầm rầm rầm rầm rồi im. Ba Cui giật mình, đứng thẳng người lên, lắng tai nghe.

Tiếng người xôn xao ngoài hẻm:

- Xe bộ đội nổ ! Xe bộ đội nổ !

- Nó đụng tường rào nhà bác Năm !

- Có ai sao không ?

- Có ai bị gì không ?

- Anh chị Năm với mấy đứa nhỏ có sao không ?

- Không ! Không có sao ! Tụi này đang ngủ trong nhà.

Ba Cui định mở cửa chạy ra coi nhưng nghĩ lại : “ Trong hẻm này, chỉ có mình mình là lính ngụy. đứng xó rớ ở đó nguy hiểm .” Bên ngoài vẫn nghe xôn xao :

- Đứa nào chạy kêu công an coi bây ! Trời ơi !

- Lấy đèn pin rọi coi !

- Rọi đây nè ! Mày rọi ở đâu vậy ?

- Sao không thấy ai nhúc nhích hết vậy nè !

- Thấy ghê quá !

- Mày rọi vô giữa coi ! Cứ rìa rìa ngoài này thì thấy khỉ gì được. Thằng... nhát gan quá mậy !

- Đưa đèn đây tao rọi coi.

- Trời ơi ! Cô Hai Sô-lết chết banh xác trong này nè !

Ba Cui bỗng thờ há ra, gục đầu vào tường, không nghe rõ gì gì nữa. Làm như tiếng nổ vừa rồi làm cho hấn lũng bùng lỗ tai. Kinh nghiệm chiến trường cho hấn biết đó là tiếng nổ của lựu đạn, loại lựu đạn mà hồi thời còn “đánh giặc chết bỏ” hấn vẫn thường dùng để diệt địch. Bây giờ, cô Hai đã dùng nó để nói lên tiếng nói cuối cùng. Một-tiếng-nói-cuối-cùng...

Hình ảnh cô Hai Sô-lết lại hiện về trong đầu Ba Cui, thật rõ, thật đẹp, nhưng thật hiên ngang, thật oai hùng, thật vĩ đại. Trong bóng tối, hấn bỗng đứng nghiêm, trịnh trọng đưa tay lên trán chào. Xưa nay, hấn không biết khóc. Vậy mà bây giờ hấn bật khóc ! Không biết nước mắt ở đâu mà tuôn ra nhiều như vậy ?

Mặc dầu một chân ngắn một chân dài, Ba Cui vẫn đứng thẳng, trong tư thế chào vĩnh biệt người đồng đội vừa tử trận, đứng lâu thật lâu...

## Xíu

Nàng là người Việt gốc Hoa. Tên nàng là Trịnh Tiểu Mi, một cái tên rất... "tài tử Hồng Kông". Mà thật sự, nàng cũng có nét tài tử Hồng Kông, bởi vì nàng đẹp. Ở nhà gọi nàng là "A Xíu", một cái tên có âm thanh thật dễ thương. Và cũng hợp với con người của nàng: nhỏ nhỏ thon thon, cân đối gọn gàng như con búp-bé.

Gia đình nàng có nhà ở Chợ Cũ Sài Gòn. Tầng dưới là cửa hàng bán cà phê đã rang rồi, cà phê hột và cà phê xay đủ loại. Hai tầng trên để ở và sân thượng là nơi rang cà phê.

Nàng là con gái duy nhất của gia đình, lại là đứa con út nên được cưng như trứng mỏng. Hai người anh đã có gia đình, đã "ra riêng", cũng bán cà phê nhưng ở tuốt trong chợ lớn. Ngày ngày, nàng phụ "mà má" đứng bán cà phê. Khách hàng tới mua nườm nượp, nhất là giới trai trẻ. Cà phê được pha trộn và rang theo lối thủ công gia truyền, ngon có tiếng. Bán đắt đã đành nhưng cửa hàng đông khách, có lẽ phần lớn tại vì nàng duyên dáng dễ thương ! Bằng có là thiên hạ nói "Cà phê A Xíu" chớ không ai nói "Cà phê Hối Ký" là bản hiệu của cửa hàng !

...Chàng là người Việt "chánh cống", quê ở Cần Thơ. Chàng thuộc gia đình nông dân, ba đời làm ruộng. Chàng tên là Bảy vì là thứ bảy. Dáng vóc chàng cao ráo, "đô" con, nhưng tánh tình thì trầm lặng ít nói, còn có vẻ... lù đù nữa ! Vì vậy nên hỏi đi lính quốc gia, bạn đồng đội "gán" cho hõn danh "thằng Bảy Lù".

Hồi thời trước, nhờ bà con quen lớn sao đó mà chàng được về làm việc văn phòng ở tổng tham mưu. Chàng mượn một căn gác nhỏ ở khu cổng xe lửa số 6 để ở, rồi ngày ngày đi làm bằng xe đạp. Chàng không đủ sức mua Honda nên lúc nào cũng thấy đi xe đạp, cho dầu phải đạp xa cách mấy...

Chàng và nàng gặp nhau lần đầu trong bữa tiệc cưới của một người bạn chung. Chú rể này cố tình sắp cho họ ngồi cạnh nhau, cùng bàn. Bởi vì khi giới thiệu, anh ta nói : "Đây là Tiểu Mi, người đẹp Chợ Cũ. Chưa có kếp nào được lọt mắt xanh của nàng hết. Mà liệu thử thời vận coi ra sau. Còn đây là thằng Bảy, bạn cùng đơn vị. Nó hơi cù lằn nhưng dễ thương như một tờ giấy trắng. Anh sắp nó ngồi cạnh Tiểu Mi để nó... hầu Tiểu Mi đó nghe !" Nàng nhìn chàng, mỉm cười mà hai vành tai đỏ ửng. Chàng gật đầu, nói lí nhí : "Hân hạnh...". Vậy rồi họ quen nhau...

Về đơn vị chàng giới thiệu "cà phê A Xíu". Máy xếp lớn xếp nhỏ uống thử, khen ngon. Sau đó, cứ vài hôm là chàng đạp xe xuống Chợ Cũ mua cà phê giùm mấy xếp. Nhờ vậy, họ thân nhau. "Pà-pá, mà-má" của Xíu cũng mến "thằng Bảy", nên thường nói : "Tội nghiệp thằng nhỏ ! Đạp xe lên xuống mua cà phê hoài mà không nghe than một tiếng".

Rồi họ được phép đi chơi với nhau. Đi xe đạp, mỗi đứa một chiếc, chạy song song. Những lúc đi như vậy, chỉ có mình nàng nói, còn chàng thì mỉm cười lắng tai nghe, lâu lâu góp vào vài câu, nhưng góp đúng lúc. Nàng thích chàng ở chỗ tế nhị đó. Còn chàng thì thích nghe nàng nói, nói bất cứ chuyện gì. Bởi vì giọng nói của nàng đã dễ thương mà cách nàng nói càng dễ thương gấp bội.

Vậy rồi họ yêu nhau lúc nào không biết ! Họ chưa từng nói "yêu nhau" nhưng họ biết họ yêu nhau. Bởi vì họ nói tình yêu bằng đôi mắt và họ nghe lời yêu bằng tất cả con tim...

Một hôm -chàng nhớ hoài cái hôm đó, đến bây giờ vẫn còn nhớ rõ, và có lẽ mãi mãi về sau ... ờ... mãi mãi về sau ... chắc chẳng bao giờ quên- hai đứa hẹn nhau đi chơi, Xíu nói : "Em để xe đạp ở nhà. Đi chơi mà đạp xe song song cứ phải nhìn qua ngó lại, sợ té sợ đụng, có khi quên bằng đi mình đang nói cái gì ... thành ra mất đi cái thú đi chung với nhau". Rồi nàng nghiêng nghiêng đầu nhìn chàng, cười cười : "Em muốn anh chở em đi, được không ?". Chàng sung sướng, gật đầu. Nàng ngồi lên pọt-ba-ga, hai chân buông thõng một bên, một tay nắm lấy phía sau yên xe. Dáng nàng ngồi thong dong thoải mái. Chàng đạp xe, nghe nhẹ phiêu phiêu. Một lúc, chàng hỏi "Xíu ngồi có được không ?". Nàng trả lời: "Được chớ anh". Rồi tiếp: "Anh thấy không ? Mình đi chung một xe như vậy, nói chuyện với nhau có phải thích hơn không ? Dĩ nhiên, anh ngồi phía trước, em phía sau, mình không nhìn nhau được trong khi nói chuyện. Nhưng mình đâu cần



nhìn nhau mà mình vẫn thấy nhau phải không anh ?".Chàng nghe mát cả lòng. Chàng gạt đầu rồi nhấn mạnh lên bàn đạp cho xe đi nhanh nhanh như để nói lên niềm phấn khởi ! Rồi đột nhiên chàng nói, lời lẽ không biết từ đâu tuôn ra : "Xíu à ! Chờ Xíu đi như vậy, có phải đạp suốt ngày, suốt tháng, suốt năm... anh cũng đạp nổi." Nàng cười sung sướng, đưa tay véo hông chàng một cái. Sao nàng thèm cắn người yêu thật đau cho hả "cái gì đó" đang căng đầy lòng ngực...

Từ đó, có đi chung thì luôn luôn chàng đeo nàng sau xe...Để thương quá là tình yêu của Bảy và Xíu !

Vậy rồi có ngày 30 tháng tư 1975... Phải có ngày đó, để đổ nát được cách mạng đề cao. Phải có ngày đó, để hoang tàn được cách mạng xem là thành tích. Miền Nam giống như núi giẻ rách, nhờ đã được giải phóng hoàn toàn !

Hai người anh của Xíu đã đưa vợ con di-tản. Pà-pá, mà-má và Xíu ở lại buôn bán lai rai, chờ coi có "làm ăn gì được không". Cửa hàng bây giờ thu gọn lại chỉ còn có hai thùng kiếng nhỏ đặt phía trước. Bảng hiệu đã được gỡ xuống cất trên sân thượng. Máy dụng cụ rang cà phê được chất ngổn ngang trong một góc, giống như đồ phế thải. Làm như vậy để thấy cái vẻ nghèo nàn, làm ăn khó khăn...

Bảy học tập ba hôm rồi về làm thợ phụ cho bác Năm thợ hồ ở cùng xóm. Chàng có "xệch" qua Chợ Cũ thăm người yêu mấy lần. Bây giờ họ không còn thì giờ để đi chơi với nhau bởi vì ai cũng bận rộn bởi các buổi hội họp, học tập, khai báo, đi mết tinh v.v... là những thứ sanh hoạt rất cần thiết để đưa nhân dân lên làm chủ (Nhà Nước nói như vậy). Thành ra mỗi lần họ gặp nhau, họ coi thời gian quý như vàng ! Có lẽ vì vậy mà bây giờ họ nhìn nhau nhiều hơn là họ nói chuyện với nhau...

Thời gian sau, chánh quyền "đánh tư sản mại bản".Gia đình Xíu không tránh khỏi "đại nạn" này. Những người "cách mạng" xông vào nhà ngang nhiên và hùng hổ như một bọn cướp. Họ "bươi" từ dưới lên trên, từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ sau ra trước... giống như gà bươi đồng rác. Gặp gì kiếm kê nấy. Vậy rồi... hốt hết ! Mà-má và Xíu chỉ biết ôm nhau mà khóc, còn Pà-pá thì ngồi trên ghế xích-đu, xích tới xích lui hút thuốc, nín thinh.

Sau "trận" đó, nhiều người nhảy lầu tự tử. Nghe thấy như vậy, Pà-pá nói: "Làm như vậy đâu có giải quyết cái gì ? Tụi nó còn cười, nói mình ngu ! Từ từ rồi tính nữa." Trong khi chờ đợi pà-pá "tính nữa", mẹ con Xíu ngồi xồm trên vỉa hè bán giò-cháo-quẩy bánh tiêu... Bây giờ, Bảy vẫn đạp xe xuống thăm Xíu. Lần nào cũng được nàng cho một cái bánh. Chàng ngồi xồm một bên, ăn. Không đói, nhưng vẫn ăn. Và ăn thấy ngon !

Cách mạng không..."quản lý" được thời gian nên thời gian vẫn đi qua, ngạo nghễ. Thiên hạ lần lượt đi chui-cũng gọi là "vượt biên" -Phần đông đi bằng đường biển. Có người đi thoát, có người bị bắt. Những người đi thoát, có khi mất tích, có khi bị cướp. Dầu vậy, đi chui cũng đã trở thành gần như là một phong trào !

Thấy mỗi người vượt biên phải đóng nhiều cây vàng cho người tổ chức, cán bộ cách mạng "nhào ra làm ăn". Họ cũng tổ chức đi chui, nhưng là một loại đi chui không sợ bị bắt vì có chánh quyền ... hộ tống. Vì vậy, thiên hạ gọi là "đi chui bán chánh thức" ! Người Tàu được ưu tiên đi bằng cách này. Cho nên họ đi ồ ạt...

Một hôm, được thơ hẹn của Xíu, Bảy xin nghỉ việc buổi chiều, đạp xe xuống "Con Rùa" đường Duy Tân, đợi. Một cô gái chở Xíu tới bằng Honda, gạt đầu chào Bảy, đợi Xíu bước xuống rồi quay xe đi vội vã. Xíu mặc áo dài trắng, tóc được cột túm lại sau ót. Nhìn đôi mắt mọng đỏ của người yêu, Bảy linh cảm có một cái gì không ổn. Bảy hỏi: "Có chuyện gì vậy, Xíu ?". Nàng không trả lời, nhưng nói giọng trống rỗng: "Anh chờ em đi. Đi đâu cũng được". Đợi nàng vén vạt áo ngồi vững vàng lên pọt-pa-ga, chàng mới đạp xe đi. Đi chậm chậm, đi thẳng. Lần này, Xíu không nắm phía sau yên xe. Xíu vòng một tay ôm lấy nửa người của Bảy. Lần đầu tiên được bàn tay thon nhỏ của người yêu đặt lên bụng mình, Bảy thật xúc động. Chàng đạp xe mà tưởng chừng như trên đường phố chỉ còn lại có hai đứa...

Một lúc sau, Xíu mới nói: "Pà-pá cho phép em đi chơi với anh từ giờ tới năm giờ chiều". Rồi nàng nghẹn ngào: "Đi với nhau lần cuối". Bỗng nàng chồm tới, vòng cả hai tay ôm chặt lấy người yêu, úp mặt lên lưng chàng, khóc ngất. Chàng nghe rớt ra từng tiếng rời rã trên lưng: "Tối

... nay ... em ... đi ...". Mồ hôi bỗng vã ra như tắm, nhưng Bảy vẫn còn tỉnh táo để đặt một bàn tay lên bàn tay người yêu bốp nhẹ. Cử chỉ đó làm Xíu không kèm được nữa. Nàng vừa khóc lớn vừa giúi giúi mặt lên lưng người yêu, mạnh thật mạnh- Làm như nàng muốn chui hẳn vào người của chàng để hai đứa chỉ còn là một, để nước mắt và mồ hôi của hai đứa hòa quyện với nhau cùng chung niềm thống khổ, để đừng thấy đừng nghe đừng biết gì gì nữa, chết lịm đi cho cuộc tình khép lại, vĩnh viễn khép lại... Tội nghiệp ! Rồi ngày mai, rồi mãi mãi, cuộc đời này còn ý nghĩa gì nữa đâu ?

Hai người vẫn đèo nhau đi... Đầu óc trống rỗng. Chẳng còn nói được với nhau chuyện gì hết. Và chắc cũng chẳng còn biết phát âm là gì nữa ! Niềm đau quá lớn đã làm cho họ như người câm. Hai người câm...

Xíu vẫn ôm lấy người yêu, áp một bên má lên cái lưng chắc nịch của người yêu, quên mất rằng đây là lần đầu tiên Xíu chạm vào người của Bảy ! Lâu nay, mặc dầu yêu nhau tha thiết, họ chỉ dám nắm tay nhau thôi, và nắm tay nhau chỉ có mấy lần. Xíu nhắm mắt, tưởng chừng như thời gian đang ngừng lại. Nàng bỗng nghe rõ hơi thở, nghe rõ nhịp tim của Bảy, những thứ mà lâu nay nàng chưa từng nghe. Mũi nàng bỗng hứng được mùi mồ hôi, hứng được mùi da thịt của Bảy, những thứ mà lâu nay nàng chưa từng dám nghĩ tới. Nàng bỗng nghe hơi ấm từ người của Bảy chuyển sang người nàng âm thầm nhưng rõ rệt, thứ cảm giác diu diu lân lân mà lâu nay nàng chưa từng được biết. Nàng bỗng nhận thức rằng người yêu nàng là đây, còn hiển hiện trong vòng tay. Rồi sẽ không bao giờ được như vậy nữa. Bởi vì đây là lần đầu và cũng là lần cuối, lần cuối... Thương xót quá ! Nàng siết chặt người yêu với tất cả sức mình mà nước mắt trào ra không dứt...

...Rồi Bảy cũng phải đưa Xíu về. Chàng vừa thắng xe, chống chân xuống đất, nàng đã đứng xuống chạy ù vào nhà. Tà áo dài trắng của nàng lật phất vài cái như vẫy chào lần cuối trước khi khuất sau cánh cửa. Bảy chống tay lên ghi-đông, đầu gục xuống giữa hai vai. Chàng có cảm giác như mình đã kiệt sức...

...Xíu đi rồi, ngày nào Bảy cũng đạp xe đi long bong. Không biết đi đâu, cứ đạp chậm chậm, đạp hoài. Khát, thì tắt vô uống cái gì đó. Đói, thì tắt vô ăn đại cái gì đó. Ăn gì uống gì, không cần để ý tới nữa.

Vậy mà Bảy cũng đạp tới cái công viên nhỏ mà hai đứa thường hẹn nhau. Chàng dựng xe cạnh chiếc băng xi măng mà hai đứa thường ngồi, rồi bước lại ngồi giống như ngày xưa chàng vẫn ngồi để đợi nàng tới. Nhưng bây giờ thì chàng ngồi một mình, ngồi thật lâu. Và không biết tại sao lại phải ngồi như vậy !

Rồi lại đạp xe đi loang quanh. Không cần biết đi đâu...

Vậy mà Bảy cũng đi đến "Con Rùa" đường Duy Tân, chỗ hai đứa thường đến ăn kem, uống nước dừa. Chàng dựng xe rồi lại ngồi lên bệ gạch, chỗ quen ngồi để đợi nàng đến. Chỗ đó nhìn thẳng xuống sau lưng nhà thờ Đức Bà, nàng luôn luôn đi từ hướng đó đi lên, hướng mà bây giờ chàng nhìn đăm đăm, nhìn mãi...

Vậy mà Bảy cũng đi đến con đường Đinh Tiên Hoàng, khúc rộng thênh thang dẫn dài xuống bờ sông. Hai đứa thường đi bộ ở đó vì đường vắng và mát. Đường đó bây giờ vẫn vắng và mát, Bảy dẫn xe đi bộ chậm chậm như ngày xưa...

Rồi Bảy còn đến nhiều nơi nữa : sở thú, vườn Tao Đàn, con đò Thủ Thiêm, chùa Vĩnh Nghiêm, quán thạch chè Hiên Khánh... Những nơi những chốn mà hai đứa, ngày xưa, đã từng đến một lần, hai lần, nhiều lần. Không biết cái gì đã đưa đẩy chàng đi như vậy ?

Bảy không biết rằng mình đang đi lượm những mảnh vụn của cuộc tình. Nếu không có cái "ngày cách mạng thành công", thì cuộc tình đó đã không bị đập tan thành mảnh vụn... Để thấy cái gọi là "cách mạng thành công" đã thật sự thành công trong nhiệm vụ phá tan đập nát tất cả những gì của miền Nam, kể cả những gì nhỏ bé nhứt tầm thường nhứt như tình yêu của chàng trai và cô gái đó !

Chuyện không nói Xíu có đi được đến bờ đến bến nào không. Điều mà người ta biết là có vài chiếc tàu "đi chui bán chánh thức" bị chìm vì gặp sóng to gió lớn. Việt cộng đã cho đi bằng loại tàu gàn như phé thải, không còn đủ tiêu chuẩn vượt đại dương.

Nhưng chuyện nói rằng Bảy vẫn đạp xe đi loanh quanh, hết ngày này qua tháng khác. Và bây giờ Bảy hay đứng ở bờ sông Sài Gòn, nhìn xa xăm rất lâu để chỉ gọi thầm có hai tiếng : "Xú ơi...".

## Tắm vạc giường

Hồi đó, tôi làm mướn cho ông Cả Bảy. Mấy ngày đầu, ngày nào cũng chèo xuồng qua bên kia sông để giữ ruộng cho ông. Hồi ông kêu tôi làm việc cho ông, ông nói : « Hồng có gì, nhưng có mặt mày ở bên tụi nó không giám phá lúa ! » . Ông nói ' phá' để tránh nói ' ăn cắp' nghe... nặng lỗ tai !

Mà thiệt ! Công việc hồng có gì gọi là nặng nhọc. Tôi treo võng giữa hai cây gáo lớn cạnh bờ sông, rồi nằm tòn ten trên đó ca tới ca lui mấy câu vọng cổ, lâu lâu trèo lên cây gáo ngồi nhìn ruộng lúa mình mông kéo dài tới rừng tràm năm phía trong xa, xa cỡ đôi ba dặm hú. Đó là chiều sâu. Còn chiều ngang là nằm dài theo con sông Cái, có con rạch No làm ranh phía trên, chỗ tôi treo cái võng, và con rạch Bù Xu làm ranh phía dưới. Từ rạch No muốn nhìn thấy rõ rạch Bù Xu phải xè bàn tay đưa lên ngang mày che bớt ánh sáng ! Nói như vậy, để thấy ruộng ông Cả Bảy lớn biết ngần nào...

Lần đầu tiên đi với ông Cả Bảy qua ruộng để ' nhận việc ', thấy mình mông thiên địa như vậy, tôi hết hồn, nói :

- Trời đất ! Mút chỉ như vậy, mình con coi sao thấu !

Ông Cả Bảy cười khi khi :

- Tao chỉ cần mày qua bên cho có mặt hằng ngày chớ đâu có biểu mày đi đánh lộn với tụi lưu manh đâu ! Cái lũ đó hể thấy có người canh ruộng là tụi nó rút đi chỗ khác hè !

Ngừng một chút để suy nghĩ rồi ông nói :

- Tạm tạm vài bữa rồi tao cho đám thằng Hai Lừa ở trại hòm qua cất cho mày cái chòi nhỏ có tháp canh cao phía trên, để có chỗ cho mày đụt mưa đụt nắng.

Có lẽ thấy tôi còn...ngơ ngơ nên ông nói tiếp :

- Trên tháp canh sẽ có cái ống tre lớn làm cái mõ. Hể mày thấy có bóng người vô ruộng thì mày cứ gõ mõ liên hồi là nó chạy. Hiểu chưa ?

Vậy là ít lâu sau, tôi có cái chòi tranh vách lá, có chỗ để treo võng, có chỗ để nấu cơm, phía trước có cây cầu ván chõm ra sông để tắm gội...

...Qua mùa lúa đó, ông Cả Bảy kêu tôi, nói :

- Tao thấy mày tuy coi cút một thân một mình mà làm việc siêng năng nên tao thương. Tao cho mày một miếng đất bên ruộng để mày cất nhà rộng rộng, còn lo cưới vợ nữa chớ !

Vậy rồi mấy hôm sau, ông dẫn nhóm chú Hai Lừa trại hòm qua ruộng của ông, đo đạc cắm cọc để cho tôi miếng đất nằm cạnh vòm rạch No, còn chỉ chỗ cho chú Hai Lừa cất cho tôi cái nhà nền đất nóc tôn vách ván nữa ! Tôi cảm động nghẹn lời, áp úng nói mấy tiếng cảm ơn mà cũng không tròn chữ tròn câu...Ông Cả cười cười :

- Mày lo đồn cây làm rào dậu, trồng tría cho thành khoảnh đi, rồi tao kiếm cho mày một con vợ ! Nói xong, ông cười ha hả, khoái chí !

...Ông Cả Bảy có hai người con trai đi học bên tây rồi ở luôn ở bên. Từ ngày bà Cả nằm xuống, ông vẫn sống cu ky một mình trong cái nhà sàn tổ chẳng nằm cạnh trại hòm và trại cửa của ông. Ông thôi làm cả trong ban hội tề từ lâu nhưng trong làng vẫn gọi ông là Cả. Nghe nói ông ' quen lớn ' dữ lắm, thấy mấy ông Quận ông Tỉnh thường ghé nhà ông chơi hay cùng đi bán le-le ... Hồi tôi tới tuổi đi quân dịch, ông nói : « Mày yên tâm lo canh ruộng, còn vụ này, để tao lo ». Vậy rồi mười hôm sau, ông trao cho tôi tờ hoãn dịch !

... Cất nhà xong, chú Hai Lừa vỗ vai tôi, nói :

- Tao có một cái giường đôi bằng gỗ không xài, để tao chở qua cho mày. Có điều là nó chỉ còn có mấy thanh ngang chớ không có tấm vạc giường, tại mấy thằng con tao nó lấy cửa ra làm sạp cho

ghe của tụi nó. Mây chịu khó đạp xe vô Xóm Mới nói thẳng Ba Kiên đương cho cái vạc bằng tre, rẻ hơn cái vạc gỗ mà nằm lại êm hơn gấp bội.

Ngừng một chút rồi ổng vò đầu tôi, nói :

- Chừng cưới vợ, nhớ cho tao nhậu với nghen !

Tôi nói ' Cám ơn chú' , lí nhí nghe chừng không rõ lắm !

... Cái giường đó ráp vô rồi thấy rộng rinh. Minh tôi ngủ thì cần gì đến tấm vạc ? Vậy là tôi thả lên hai tấm ván đủ cho tôi nằm, sung sướng vì nghe thẳng lưng hơn nằm võng !

Tôi ngủ không có tấm vạc giường như vậy cho đến hết mùa lúa năm đó thì tôi gặp ' Nàng'...

Cũng do Trời xui Đất khiến !

\* \* \*

Nàng tên là Huệ, mồ côi cha, con của bà Năm Cặng ở xóm Lò Gạch. Nàng làm công cho lò gạch ông Tám Tiếu. Nhờ đi chở gạch để ông Cả cho sửa lại cái đầu bờ kè trước nhà nên tôi gặp nàng. Gặp là tôi hạp nhãn liền ! Trời ! Con gái nhà quê gì mà nước da trắng bóc, còn thân hình thì cân đối thon thả kèm theo tướng đi lạng lạng là cứ bắt người ta phải nhìn theo !

... Vậy rồi nàng và tôi quen nhau. Vậy rồi, ngày một ngày hai, tôi đạp xe đến lò gạch. Không có gì : chỉ cần gặp nàng để nói đôi ba câu không đầu không đuôi, rồi chèo xuồng về nhà bên kia sông, trèo lên vọng gác ngồi ngắm ngời suốt buổi !

... Vậy rồi, tôi nghĩ đến tấm vạc giường ! Vậy rồi, tôi đạp xe vô Xóm Mới đặt chú Ba Kiên đương cho tấm vạc giường bằng tre. Tuần lễ sau, tôi cuốn tròn tấm vạc chở về nhà trải lên cái giường gỗ, nhìn nó mà nghe lòng phơi phới. Bởi vì đó là lần đầu tiên tôi sắm một món đồ tuy không có giá trị gì nhiều nhưng lại mang đầy ý nghĩa ...

... Để tránh tai mắt, tôi và nàng thường hẹn gặp nhau ở đường lên chùa vì đường đó vắng người và có mấy bụi tre lớn giao tàn che nắng. Hai đứa đứng nói chuyện ' trên trời dưới đất' cả canh, nàng hay cầm lấy cành tre non đầy lá vươn ra cạnh chỗ nàng đứng, lác qua lác lại như để đánh nhịp khi nàng nói, mắt nàng nhìn bụi tre, nhìn con dốc lên chùa chớ ít khi nhìn tôi. Vậy mà sao tôi vẫn nghe lòng phơi phới như được nàng nhìn thẳng vào mắt !

... Bây giờ thì rõ ràng tôi đã thương nàng, càng ngày càng thương đậm ! Mà giữ riết trong lòng thì ám ức quá đi ! Chắc phải nói ra cho nàng biết, rồi ra sao thì ra ! Vậy rồi một hôm đứng cạnh bụi tre đã thành quen thuộc, tôi làm gan nói :

- Huệ à ! Anh nói thiệt, Huệ đừng giận nghen ! Anh thương Huệ quá rồi Huệ à !

Nàng bỗng quay sang nhìn tôi, tay vẫn còn vin cành tre non, hỏi bằng một giọng nhẹ như tiếng gió trong lùm tre trước mặt :

- Vậy sao ?

Chỉ có hai tiếng nghe ngơ ngớ kỳ kỳ như vậy mà tôi lại thấy như là một sự chấp nhận ! Tôi bước lại gần nàng, nàng vẫn nhìn vào mắt tôi, cặp môi mấp má như muốn nói gì mà hai vành tai ửng đỏ. Đúng lúc đó, tôi hửi được mùi con gái của nàng làm tôi choáng váng ngây ngật. Trời ơi ! Tôi muốn ôm đạp nàng để siết chặt lại trong tôi, bởi vì chỉ có làm như vậy tôi mới nói được tôi thương nàng biết ngần nào ... Nhưng tôi lại sợ làm ầu, rồi nàng không hiểu rồi giận rồi vùng vằng bỏ đi tuốt thì chắc tôi ... chết quá ! Tôi ráng kèm tôi lại, nuốt nước miếng mấy lần mới nói được :

- Huệ à ...

Nàng ' dạ' , tiếng ' dạ' nghe như chờ đợi. Nàng không còn nhìn tôi mà quay về với cành tre non. Lần này, nàng bứt từng chiếc lá tre rồi bỏ rơi xuống đất, giống như nàng đếm lá !

- Huệ à ! Anh muốn xin cưới Huệ ...

Nói tới đó tôi bỗng nghe ... hụt hơi ! Nàng im lặng bứt từng chiếc lá ... Một lúc, tôi hỏi :

- Mà Huệ có ưng không ?

- Biết đâu nà !

Tôi ráng sức nói một hơi :

- Anh làm công cho ông Cả Bảy. Anh có nhà có đất ở bên kia sông. Anh được hoãn dịch không phải đi lính. Anh sẽ nhờ ông Cả đánh tiếng qua má của Huệ để xin cưới. Mà Huệ phải cho anh biết coi Huệ có ưng hay không, cái đã !

- Ờ ... Thì vậy !

Rồi, có lẽ thấy câu trả lời không mấy rõ nên nàng nói thêm :

- Tính sao cũng được !

Tôi mừng quá, nắm đấm bàn tay nàng vừa lắc vừa cảm ơn rí rít ! Nàng bỗng quay qua nhìn tôi, mỉm cười. Trời ! Cái cười của nàng sao mà đẹp hết nói ! Tôi như bị hốt hồn, cầm chặt bàn tay của nàng mà tưởng chừng như đang cầm cây sào cắm xuống lòng rạch để giữ cho xuống đứng theo con nước mà bỏ bờ ...

Đêm đó, trải chiếu chiếu trên tấm vạc giường, tôi nằm lên mà nghe mát rượi. Tôi nghĩ : rồi đây, hai đứa sẽ nằm chung một vạc giường. Chỉ bao nhiêu đó thôi cũng đủ làm tôi sung sướng đi vào giấc ngủ. Cuộc đời sao dễ thương quá hồng biết ?

\* \* \*

Chuyện của nàng và tôi chưa ai biết hết thì xảy ra vụ tháng tư 1975. Lúc đó, nghe tin dân miền trung chạy rần rần vô nam, ông Cả Bảy kêu tôi , nói :

- Chuyến này, mày đi giùm tao xuống Cần Thơ. Tao có con em mấy chục năm nay theo chồng ở dưới. Địa chỉ nó đây.

Ông đưa tôi miếng giấy có ghi tên họ, số nhà, tên đường :

- Tao nhờ mày ôm một số tiền xuống đưa cho tụi nó, biểu tụi nó lo chạy về đây ở với tao sớm sớm cho có anh có em. Có gì cũng còn có nhau còn hơn là đưa một nơi người một ngã, loạn lạc này không biết đâu mà rờ. Tao có biểu tụi thằng Hai trại hòm qua ở nhà mày, vừa giữ giùm nhà vừa coi ruộng luôn. Đừng lo !

... Vậy là tôi lặn lội xuống Cần Thơ tìm người em gái của ông Cả. Bà này có sạp vải ở chợ Cần Thơ, ông chồng là thiếu tá hải quân. Khi tôi tìm ra được bà thì có tin thiên hạ ở Sài Gòn đang chạy di tản, làm dân chúng Cần Thơ cũng rối ren hồi hải quân ghê xuống xuống tranh nhau đi. Ông thiếu tá hải quân hốt hết gia đình đem lên tàu chiến, kéo tôi theo luôn ! Đứng trên tàu, tôi nhìn đồng ruộng chạy lùi về phía sau mà chết điếng ở trong lòng, không biết làm sao báo tin cho ông Cả Bảy và nhứt là cho Huệ ...

... Vậy rồi sau thời gian nằm trên đảo của quân đội đồng minh, tôi định cư ở Mỹ, tiểu bang Cali . Tôi làm công cho một tiệm ăn Việt Nam ở khu Sài Gòn Nhỏ, rửa chén quét dọn lau nhà ...

Lương lậu không bao nhiêu nhưng được bà chủ cho ở trong một phòng nhỏ nằm cạnh nhà bếp, ở để làm gác-dan cho bà luôn !

Thời gian sau, khi đã ổn định đời sống, tôi có gởi thơ về nhưng không thấy hồi âm. Tôi biết làng tôi nhỏ bé lại nằm tuốt trên vùng Ngọn - gọi là ' Ngọn ' bởi vì nằm trên ngọn sông Vàm Cỏ - giáp ranh với đất Cao Miên. Hồi thời trước, trong làng không có nhà bưu điện nên mỗi tuần một lần ông Sáu làm biệch trong làng phải đạp xe xuống quận cách đó mười mấy cây số để lấy thơ ở nhà bưu điện đem về để trong nhà làng. Dân chúng cứ tự động đến coi trong đồng thơ, cái nào mang tên mình thì lấy, có khi lấy giùm hàng xóm hay họ hàng bạn bè nữa ! Tôi nghĩ chắc bây giờ cũng vậy thôi, thơ tôi gởi không đến tay Huệ thì làm gì có hồi âm được ?

Dẫu vậy, tôi vẫn tin tưởng rằng nàng không bao giờ quên tôi, cũng như tôi lúc nào cũng nghĩ tới nàng. Tôi hay nghe mấy người có đọc sách nói ' Lời thề trăm năm ' . Nàng và tôi đâu có thể thốt gì đâu, nhưng câu nói ' Tính sao cũng được ' và cái mỉm cười tiếp theo sau đó của nàng ở đường lên chùa hồi tôi ngõ ý xin cưới ... tôi đã khắc ghi vào lòng. Như vậy, chẳng phải là một ' Lời thề trăm năm ' hay sao ?

Nhứt định tôi sẽ trở về Việt Nam để cưới Huệ. Để hai đứa cùng nằm chung một vạc giường, cái vạc giường đương bằng thanh tre già chuốt giẹp giẹp, nằm vừa êm vừa mát. Để thấy cái mà mấy người biết đọc sách gọi là ' Hạnh phúc lứa đôi ' đối với tôi, nó chỉ vốn vẹn là sự sung sướng được chia đôi với người mình thương một tấm vạc giường ... Mà muốn được vậy, tôi phải có tiền. Vậy là tôi để dành tiền, cắc ca cắc củm !

\* \* \*

Nhờ hỏi thăm mấy người có về Việt Nam nên tôi đã ước lượng được số tiền cần thiết để làm đám cưới và để hai vợ chồng tôi có một số vốn làm ăn. Vậy mà phải năm năm sau tôi mới có tạm đủ ! Chừng đó, tôi mới dám ‘ lên kế hoạch ’ : nhờ ông Cả Bảy làm chủ hôn bên đảng trai, rước dâu về nhà của ông, đãi đảng hai họ ở đó, xong rồi tôi chèo xuồng đưa cô dâu về nhà bên kia sông để tôi khoe với nàng tấm vạc giường mà tôi sắm cho hai đứa, từ hơn sáu năm nó vẫn nằm chờ...

Ngồi trên máy bay về Việt Nam, trong đầu tôi sắp xếp. Trước tiên là về nhà tôi để nghỉ ngơi cho tỉnh minh. Sáng hôm sau sẽ đi thăm ông Cả Bảy, còn xé chiều thì qua nhà nàng vì giờ đó nàng mới từ lò gạch về nhà, tôi sẽ bắt thần bước vô nói lớn : « Huệ ơi ! Huệ ! Anh về rồi nè ! ». Tưởng tượng đến đó, tôi bỗng ứa nước mắt ! Đầu óc tôi tự nhiên sao mù mờ. Làm như bao nhiêu năm nay tôi chỉ chờ có như vậy ! Tôi thấy tội nghiệp tôi, tội nghiệp nàng : nếu không có cái ngày nghiệt ngã 30 tháng tư 1975 thì làm gì hai đứa phải cắn răng chịu đựng khắc khe cỡ này ?

...Làng tôi bây giờ lạ hoắc. Không phải có thêm đường ngang nẻo dọc mà thấy đầy cờ xí biểu ngữ, loa trên loa dưới ồn ào không giống cái gì hết !

Tôi xuống xóm chợ nhờ một chị chèo xuồng mượn đưa tôi sang sông.

Khi xuồng vừa cập vô cây cầu ván thì có con chó chạy ra sủa râng, rồi hai ông bà già từ trong nhà bước ra dòm. Té ra là chú thím Hai Lúa hồi xưa thủ trại hòm của ông Cả Bảy ! Chú Hai nhìn ra tôi ngay. Ông la lên :

- Trời đất ! Mày còn sống hả ? Ở đâu mà về vậy ?

- Dạ ở Mỹ.

- Cha...xa ớn há !

Rồi chú lật đật vừa la chó vừa bước xuống cầu phụ tôi đem hành lý lên. Trước nhà thấy có phơi chiếc chiếu với hai ba cái gối. Trong nhà vẫn như xưa, cái giường gỗ vẫn nguyên chỗ cũ với tấm vạc giường tôi đem về từ trong Xóm Mới. Chỉ có thêm là hai cái võng nằm song song gần đó, còn thì bàn ghế tủ...v.v...không có gì thay đổi. Tôi xúc động đến nghẹn lời. Chú Hai nói :

- Mày uống miếng trà rồi nằm võng nghỉ lưng. Trong làng tưởng mày chết rồi chứ , đầu dè ... Để tao kể mày nghe ...

Vậy rồi chú nằm trên võng cạnh tôi, vừa hút thuốc vừa kể :

- Hôm mày đi Cần Thơ, cha con tao theo lời ông Cả biểu, thay phiên nhau qua đây giữ nhà giữ ruộng. Kế đó, tụi nó - tụi cách mạng ó ! – tràn vô làng, bắt hết hội đồng xã, bắt luôn ông Cả Bảy trói bằng kẽm gai thành một dọc, chở đi mất. Rồi tụi nó chiếm hết, nhà cửa đất đai ruộng vườn, đuổi tụi tao ra để lấy trại hòm. Nhờ có cái nhà của mày mà tụi này dọn qua ở tạm. Tao và hai thằng con tao cất thêm cho cái chòi giữ ruộng rộng ra để để đồ đạc của tụi tao và để hai thằng con tao có chỗ hành nghề thợ mộc của tụi nó. Hai thằng này coi vậy mà gan ! Tụi nó vượt biên rồi định cư ở Úc. Bây giờ, tụi nó có xưởng mộc ở bên, coi bộ làm ăn khá ! Thấy lâu lâu gởi tiền về nhờ thằng bạn tụi nó ở thành phố chạy Honda lên đưa ! ... Á ! Mày biết hông ? Tụi có cách cách mạng có kêu tao về trại hòm làm cho tụi nó, tao đâm thêm ! Mày nghĩ coi : trại hòm mà cũng bày đặt trưng biểu ngữ đề ‘ Hạ quyết tâm hoàn thành tốt kế hoạch của Nhà Nước ’. Mẹ ! ... Hòm chôn người chết mà cũng vô kế hoạch nữa thì khủng hết nước nói ! Còn chuyện này chắc mày chưa biết : con Huệ, con bà Năm Căng ...

Hai tiếng ‘ Con Huệ ’ làm tôi giật mình. Tôi nhòm dậy, lắng tai nghe. Chú nói tiếp :

- Hồi cuối 75, không biết nó nghe lời ai mà ôm gói xuống thành phố nói kiếm việc làm rồi lặn mất luôn cho đến năm ngoài đây, nó trở về mà đi bằng xe hơi nhà có tài xế, trên băng sau có người đàn ông có vẻ ông chủ. Mày biết, trong làng chỉ có thằng Cói gia nhân của ông Cả Bảy là được ông sắm cho chiếc Honda để đưa ông đi đây đi đó, chứ đâu có ai có xe hơi. Vì vậy, khi con Huệ đi xe hơi thẳng vô xóm Lò Gạch là thiên hạ để ý. Bà Năm Căng kể lại nói bả nhìn nó không ra, tưởng là một bà nhà giàu nào đó đi làm nhà ! Chừng nó xưng tên, mẹ con nó và bầy em nó ôm nhau khóc làm hàng xóm chạy qua mừng cũng rớt nước mắt. Nó đem cho má nó hai bao đồ rồi nhét trong túi áo má nó một cục tiền. Sau đó, nó chỉ nói được có mấy tiếng ‘ Con lạy má ! Con lạy má ! ’ rồi vừa khóc vừa chạy vội ra xe lên ngồi cạnh ông người á-đông ở băng sau, tài xế rồ máy chạy ào đi gáp. Từ đó tới giờ không có tin tức gì hết !. Còn đồ nó cho má nó toàn là tở lượm mắc

tiền nằm kín trong từng bao ni-long có in nhiều chữ tàu. Thầy Ba trên chùa đọc rồi nói đó là sản phẩm cao cấp của Thượng Hải ...

Tôi ngả người nằm xuống võng mà nghe lũng bùng hai lỗ tai, chét đếng ở trong lòng. Chú Hai Lừa hỏi :

- Màỵ còn nhớ con Huệ hông ?

Tôi ' dạ ', tiếng dạ bị nước mắt trào lên chặn ngang. Tôi nuốt xuống mà nghe miệng mồm đắng chác. Không kèm được nữa, tôi đưa hai tay lên bụm mặt. Chắc chú Hai Lừa thấy, hiểu, nên nghe chú tăng háng một tiếng rồi làm thinh ...

\* \* \*

Trên máy bay trở về Mỹ, tôi nhìn qua cửa sổ thấy nhà cửa ruộng đồng cây cối mờ lẩn mờ lẩn rồi mất hút ... mà tôi nghe buồn rười rượi. Ở tuốt dưới đó, trong một làng quê nằm xa mút trên vùng đất Ngọn, tôi đã bỏ lại một tấm vạc giường, tấm vạc giường tưởng để nằm chung với người con gái nhà quê mà tôi thương, đâu ngờ chuyện hai đứa chưa kịp thành duyên thành nợ thì nàng đã như chiếc xuống bả bờ mà trôi theo nước, đành đoạn trôi theo nước ...

Mối tình dành riêng cho nàng mà tôi giữ miết ở trong lòng từ bao nhiêu năm, giờ nghĩ lại sao thấy quá khù khờ ! Dầu vậy, tôi vẫn muốn gặp nàng, gặp một lần thôi, để chỉ hỏi có một câu : « Tại sao ? ... Tại sao ? ... Tại sao ? ... »

Nghĩ đến đó, tự nhiên tôi trào nước mắt ...

## Chuyện di tản 1975

Tôi không có đi di tản hồi những ngày cuối tháng tư 1975 nên không biết cảnh di tản ở Sài Gòn ra làm sao. Mãi đến sau này, khi đã định cư ở Pháp, nhờ xem truyền hình mới biết !

Sau đây là vài cảnh đã làm tôi xúc động, xin kể lại để cùng chia sẻ...

### Chuyện 1

Ở bến tàu, thiên hạ bồng bế nhau, tay xách nách mang, kêu réo nhau âm ỉ, hốt hơ hốt hải chạy về phía chiếc cầu thang dẫn lên bong một chiếc tàu cao nghều nghệu. Cầu thang đầy người, xô đẩy chen lán nhau, kêu gọi nhau, gậy gõ nhau... ồn ào. Trên bong tàu cũng đầy người lố nhố, giành nhau chồm lên be tàu để gọi người nhà còn kẹt dưới bến, miệng la tay quơ ra dấu chỉ trở... cũng ồn ào như dòng người trên cầu thang !

Giữa cầu thang, một bà già. Máy quay phim zoom ngay bà nên nhìn thấy rõ : bà mặc quần đen áo túi trắng đầu cột khăn rằn, không mang bao bị gì hết, bà đang bò nặng nhọc lên từng nấc thang. Bà không dáo dác nhìn trước ngó sau hay có cử chỉ tìm kiếm ai, có nghĩa là bà già đó đi một mình. Phía sau bà thiên hạ dồn lên, bị cản trở nên la ó ! Thấy vậy, một thanh niên tự động lòn lưng dưới người bà già công bà lên, xóc vài cái cho thăng bằng rồi trèo tiếp.

Chuyện chỉ có vậy, nhưng sao hình ảnh đó cứ đeo theo tôi từ bao nhiêu năm, để tôi cứ phải thắc mắc : bà già đó sợ gì mà phải đi di tản ? con cháu bà đâu mà để bà đi một mình ? rồi cuộc đời của bà trong chuỗi ngày còn lại trên xứ định cư ra sao ? còn cậu thanh niên đã làm một cử chỉ đẹp – quá đẹp – bây giờ ở đâu ?... Tôi muốn gửi đến người đó lời cảm ơn chân thành của tôi, bởi vì anh ta đã cho tôi thấy cái tình người trên quê hương tôi nó vẫn là như vậy đó, cho dù ở trong một hoàn cảnh xô bồ hỗn loạn như những ngày cuối cùng của tháng tư 1975...

### Chuyện 2



Cũng trên chiếc cầu thang dẫn lên tàu, một người đàn ông tay ôm bao đồ to trước ngực, cõng một bà già tóc bạc phều lất phất bay theo từng cơn gió sông. Bà già ốm nhom, mặc quần đen áo bà ba màu cốt trầu, tay trái ôm cổ người đàn ông, tay mặt cầm cái nón lá. Bà nép má trái lên vai người đàn ông, mặt quay ra ngoài về phía máy quay phim. Nhờ máy zoom vào bà nên nhìn rõ nét mặt rất bình thản của bà, trái ngược hẳn với sự thất thanh sợ hãi ở chung quanh !

Lên gần đến bong tàu, bỗng bà già vượt tay làm rơi cái nón lá. Bà chồm người ra, hốt hoảng nhìn theo cái nón đang lộn qua chao lại trước khi mất hút về phía dưới. Rồi bà bật khóc thâm thiết...

Bà già đó chắc đã quyết định bỏ hết để ra đi, yên chí ra đi, vì bà mang theo một vật mà bà xem là quý giá nhứt, bởi nó quá gần gũi với cuộc đời của bà : cái nón lá ! Đến khi mất nó, có lẽ bà mới cảm nhận được rằng bà thật sự mất tất cả. Cái nón lá đã chứa đựng cả bầu trời quê hương của bà, hỏi sao bà không xót xa đau khổ ? Nghĩ như vậy nên tôi thấy thương bà già đó vô cùng. Tôi hy vọng, về sau trên xứ sở tạm dung, bà mua được một cái nón lá để mỗi lần đội lên bà sống lại với vài ba kỷ niệm nào đó, ở một góc trời nào đó của quê hương...

### Chuyện 3

Cũng trên bến tàu này. Trong luồng người đi như chạy, một người đàn bà còn trẻ mang hai cái xác trên vai, tay bồng một đứa nhỏ. Chắc đuối sức nên cô ta quỵ xuống. Thiên hạ quay đầu nhìn nhưng vẫn hối hả đi qua, còn tránh xa cô ta như tránh một chướng ngại vật nguy hiểm ! Trong sự ồn ào hỗn tạp đó, bỗng nghe tiếng được tiếng mất của người đàn bà vừa khóc la vừa làm cử chỉ cầu cứu. Đứa nhỏ trong tay cô ta ôm nhom, đầu chờ vờ mắt sâu hõm, đang lả người về một bên, tay chân xụi lơ. Người mẹ – chắc là người mẹ, bởi vì chỉ có người mẹ mới ôm đứa con quặt quẹo xấu xí như vậy để cùng đi di tản, và chỉ có người mẹ mới bất chấp cái nhìn bàng quan của thiên hạ mà khóc than thống thiết như vậy – người mẹ đó quỳnh quáng ngược nhìn lên luồng người, tiếp tục van lạy cầu khẩn.

Bỗng, có hai thanh niên mang ba lô đi tới, nhìn thấy. Họ dừng lại, khom xuống hỏi. Rồi họ ngồi thụp xuống, một anh rờ đầu rờ tay vạch mắt đứa nhỏ, họ nói gì với nhau rồi nói gì với người đàn bà. Thấy cô ta trao đứa bé cho một anh thanh niên. Anh này bồng đứa nhỏ úp vào ngực mình rồi vén áo đưa lưng đứa nhỏ cho anh kia xem. Thằng nhỏ ốm đến nỗi cái xương sống lồi lên một đường dài...

Anh thứ hai đã lấy trong túi ra chai dầu từ lúc nào, bắt đầu thoa dầu rồi cạo gió bằng miếng thẻ bài của quân đội.

Thiên hạ vẫn rần rần hối hả đi qua. Hai thanh niên nhìn về hướng cái cầu thang, có vẻ hốt hoảng. Họ quay qua người đàn bà, nói gì đó rồi đứng lên, bồng đứa nhỏ, vừa chạy về phía cầu thang vừa cạo gió ! Người mẹ cố sức đứng lên, xiêu xiêu muốn quỵ xuống, vừa khóc vừa đưa tay vẫy về hướng đứa con. Một anh lính Mỹ chợt đi qua, dừng lại nhìn, rồi như hiểu ra, vội vã chạy lại đỡ người mẹ, bỗng xóc lên đi nhanh nhanh theo hai chàng thanh niên, cây súng anh mang chéo trên lưng lắc la lắc lự theo từng nhịp bước....

Viết lại chuyện này, mặc dù đã hơn ba mươi năm, nhưng tôi vẫn cầu nguyện cho mẹ con thằng nhỏ được tai qua nạn khỏi, cầu nguyện cho hai anh thanh niên có một cuộc sống an vui tương xứng với nghĩa cử cao đẹp mà hai anh đã làm. Và dĩ nhiên, bây giờ, tôi nhìn mấy anh lính Mỹ với cái nhìn có thiện cảm !

### Chuyện 4

Cũng trên bến tàu. Cầu thang đã được kéo lên. Trên tàu đầy người, ồn ào. Dưới bến vẫn còn đầy người và cũng ồn ào. Ở dưới nói với lên, ở trên nói vọng xuống, và vì thấy tàu sắp rời bến nên càng quỳnh quáng tranh nhau vừa ra dấu vừa la lớn, mạnh ai nấy la nên không nghe được gì rõ rệt hết !



Máy quay phim zoom vào một người đàn ông đứng tuổi đang hướng lên trên ra dấu nói gì đó. Bên cạnh ông là một thằng nhỏ cỡ chín mười tuổi, nép vào chân của ông, mặt mày ngơ ngác. Một lúc sau, người đàn ông chấp tay hướng lên trên xá xá nhiều lần như van lạy người trên tàu, gương mặt sạm nắng của ông ta có vẻ rất thành khẩn. Bỗng trên tàu thò xuống một sợi thừng cỡ nửa cườm tay, đầu dây đong đưa. Máy người bên dưới tranh nhau chụp. Người đàn ông nắm được, mỉm cười sung sướng, vội vã cột ngang eo ếch thằng nhỏ. Xong, ông đưa tay ra dấu cho bên trên. Thằng nhỏ được từ từ kéo lên, tòn ten dọc theo hông tàu. Nó không la không khóc, hai tay nắm chặt sợi dây, ráng nghiêng người qua một bên để cúi đầu nhìn xuống. Người đàn ông ngược nhìn theo, đưa tay ra dấu như muốn nói : « Đi, đi ! Đi, đi ! ». Rồi, mặt ông bỗng nhăn nhúm lại, ông úp mặt vào hai tay khóc ngất ! Bấy giờ, tôi đoán ông ta là cha của thằng nhỏ đang tòn ten trên kia... Không có tiếng còi tàu hụ buồn thê thiết khi lia bên, nhưng sao tôi cũng nghe ứa nước mắt !

Không biết thằng nhỏ đó – bây giờ cũng đã trên bốn mươi tuổi — ở đâu ? Cha con nó có gặp lại nhau không ? Nếu nó còn mạnh giỏi, tôi xin Ông Trên xui khiến cho nó đọc được mấy dòng này...

## Chuyện thuở giao thời

Tháng 3, rồi tháng 4 năm 1975, thiên hạ chạy di tản rần rần từ miền trung vào trong nam, rồi từ đất liền “chạy” ra biển, nhốn nháo hỗn loạn chẳng biết “trời trăng” gì hết... chỉ có một ý nghĩ rõ rệt ở trong đầu là “Ở lại với tụi nó là chết !”. Vậy rồi giai đoạn di tản đó chấm dứt vào ngày 30 tháng 4.....

Giữa tháng 4, một thằng bạn gọi điện thoại cho tôi, nói: “*Mày đừng đi di tản. Ở lại đi ! Không có sao hết ! Tao bảo đảm*”. Thằng này làm lớn trong “Tổng Nha”, nó nói “chắc như bấp” ! Lại một thằng bạn khác – thằng này người Pháp, làm việc ở sứ quán Pháp – nói trong điện thoại, giọng rất bình thản: “*Mày đừng đi đâu hết ! Mọi việc đều đã thoả thuận trước rồi ! Yên tâm !*”. Riêng tôi, tôi nghĩ: “*Minh làm việc cho hãng dầu ngoại quốc trực thuộc hãng quốc tế SIPC ( Shell International Petroleum Company – Anh Quốc ) chắc không sao !*”. Vậy là tôi quyết định ở lại.....

Ngày 30 tháng tư năm 1975 ! Việt cộng vào “đớp” hết, công tư gì cũng đớp hết, thượng vàng hạ cám gì cũng đớp hết. Họ gọi hành động đó bằng một danh từ nghe cũng... văn chương: “*Tiếp Quản*”. Không biết hai thằng bạn tôi kể ở trên có... tức hộc máu hay không khi thấy mình bị gạt dễ dàng như con nít ? Riêng tôi, tôi thấy như tôi từ trên trời rơi xuống, thấy những gì xưa nay mình học, mình hỏi, mình hiểu biết, mình suy luận v.v... đều sai bét đối với “cái gọi là cách mạng” !

Hãng dầu tôi làm việc bị tiếp thu bởi... “ê-kíp” có bí số K7. Những người này mặc đồ đen đội mũ tai bèo đen. Máy tay có vẻ “xếp” mang túi dết ngang hông và bao súng lục nằm... sau đít ! Họ chiếm kho dầu Nhà Bè và văn phòng trung ương ở đường Thống Nhất. Hai hôm sau, có tin bộ đội vào kho Nhà Bè “vít” K7 ra ngoài, vì kho dầu không thuộc quyền quản lý của mấy cha K7. Vậy là trong cái tổ chức rất là... “cách mạng” này, cái “đầu não” của công ty không còn dính với cái thân mình là kho dầu nữa ! Phải nói thiệt : tôi làm việc cho hãng dầu hơn 19 năm, đã đi thăm viếng nhiều hãng dầu ở các quốc gia khác, nhưng chưa thấy một tổ chức hãng dầu nào... khùng như vậy ! Qua sáng ngày thứ ba, tôi được chở xuống kho Nhà Bè để hướng dẫn một ông tướng VC đi viếng kho ( *Có lẽ mấy tên “nằm vùng” đã cho bọn “cách mạng” biết rằng tôi... rành kho dầu này lắm !* ) Đến kho, tôi được “ông” bộ đội xếp kho cho biết ông tướng là “xếp” cục hậu cần. Tôi tưởng tượng sẽ gặp lão ta với bộ quân phục thẳng nếp và một ngực mề đai như thường thấy ở mấy tướng các nước cộng sản !...Xe ông tướng đến. Bước xuống là một người cao lớn mặc bộ đồ “xá xầu” tàu bằng lụa màu ngà, đội nón Panama trắng, miệng ngậm ống đót có điếu thuốc đang cháy dở. Được giới thiệu, ông ta không bắt tay tôi, chỉ gật nhẹ đầu, nói: “Ta đi thôi !”. Tôi

lưu ý ông ta đừng hút thuốc trước khi vào kho. Ông gạt bỏ mẫu thuốc nhưng vẫn ngậm ống đót trên môi...

Kho Nhà Bè lớn lắm. Ngoài bốn cầu tàu chiếm hết mặt sông, trên bờ có khu bồn chứa và các khu nhà máy trộn nhớt, trộn hoá chất, sản xuất thùng thiếc 20 lít đựng dầu hôi, châm dầu vào thùng 200 lít, nhà máy nhựa đường.v.v... “Phái đoàn” đi viếng gồm có ông tướng, hai người hộ vệ và xếp kho. Vì kho dầu không làm việc nên tôi chỉ đưa họ đi... phớt phớt vòng ngoài các khu nhà máy. Tôi có ý đợi họ đặt câu hỏi, nhưng không nghe cha nào nói một tiếng. Sau này, tôi mới biết rằng ngoài bắc không có những gì chúng tôi có ở trong nam, cho nên họ không biết... khi gì để mà hỏi!

Đến khu bồn chứa, bỗng ông tướng chỉ một cái bồn, hỏi: “Cái bể này bao nhiêu khối?”. Tôi trả lời: “Mười lăm ngàn m<sup>3</sup>”. Hỏi: “Mỹ nó làm cho các anh đấy à?”. Trả lời: “Không có thằng Mỹ nào vô đây hết! Toàn là dân Việt Nam thực hiện”. Nghe vậy, lão ta cười khẩy: “Làm gì có! Ở ngoài ta, trên 2000 khối là phải ông Liên Xô hay ông Trung Quốc thực hiện cơ!”. Cái cách thẳng chả nghi ngờ lời tôi nói đã chạm mạnh tự ái của tôi, đồng thời cũng cho tôi thấy rằng miền bắc của mấy chả nó dở ẹc hà! Tôi nhấn mạnh: “Tất cả ba mươi mấy cái bồn này, lớn nhỏ gì cũng do nhà thầu thực hiện với thầy thợ hoàn toàn người Việt”. Tôi đưa mấy người đến xem cái bồn mới làm xong cách đây mười hôm. Đó là cái bồn lớn nhứt kho Nhà Bè, 30000 m<sup>3</sup>, do nhà thầu Việt Nam EVS thực hiện, nó lớn bằng nửa cái sân banh!. Từ đó, mấy chả làm thình luôn cho đến về văn phòng để họp với mấy anh em cấp chỉ huy cũ theo ý muốn của ông tướng! Sau khi nghe mấy anh em lần lượt trình bày lý lịch, cấp bậc, phần việc và lương bổng của mình, ông tướng nói: “Các anh yên tâm: Đảng và Nhà Nước sẽ trả lương các anh y như cũ. Cứ yên chí phục vụ!”. Nghe giọng ông ta rất tin tưởng vào những gì ông nói, mình cũng thấy tin tưởng theo... ..Thời gian sau, hãng dầu đường Thống Nhất được mang tên “Công Ty Xăng Dầu Khu Vực Hai”. Hỏi “Khu Vực Một” ở đâu thì được trả lời “Chưa có, nhưng đã có Tổng Công Ty ở Hà Nội!” Cách mạng có khác!

Rồi là “xếp thang lương”, nghĩa là mỗi ngành mỗi nghề đều được xếp cấp bậc trên từng thang lương, từ đó lãnh lương mỗi tháng 2 kỳ, mỗi kỳ nửa lương. Tôi được xếp “kỹ sư bậc 2 trên 6”, nghe... khoẻ re. Thang lương có 6 bậc mà mình nằm gần trên đỉnh rồi, họ cũng biết... chấm điểm đó chớ! Ai dè khi lãnh lương mới... té ngựa: mấy chả xếp thang lương ngược, hạng nhứt là bậc 6 nằm trên hết, rồi tuột lần xuống dưới chót là hạng một. Tôi bậc 2 trên 6, là hạng... áp chót! Mẹ!...Tôi lãnh 80 đồng tiền mới (Vây là thằng cha tướng Tổng Cục Hậu Cần đã nói láo!) Bực mình, chạy đi gặp thủ trưởng, ảnh nói: “Trời đất! Bác Hồ chủ tịch nước mà chỉ lãnh có 200 đồng. Còn anh, anh lãnh tới 80 đồng còn muốn gì nữa?”. Thấy thằng chả đem “Bác Hồ” ra... làm chứng, tôi biết có cãi cũng vô ích. Rồi tôi nhớ ra là anh tài xế cũ của tôi bây giờ lãnh 90 đồng, tôi... đánh đòn chót: “Vây thôi anh cho tôi làm tài xế, đi!”. Thằng chả cười, thấy như tôi sao quá khùng, nên vừa lắc đầu vừa trả lời: “Đâu được! Anh là Kỹ Sư đâu làm tài xế được!”. Tôi làm thình, bước ra khỏi văn phòng thủ trưởng mà thấy như mình từ trên trời rơi xuống!

\* \* \*

...Tôi “chịu trận” với cái gọi là “cách mạng” hết ba năm. Vượt biên thất bại hết ba lần, qua lần thứ tư đi thoát, để bây giờ – ba mươi mấy năm sau – ngồi viết mấy dòng này nhân ngày 30 tháng tư thứ 37... mà thấy không phải tôi đã từ trên trời rơi xuống, chính mấy thằng cha “cách mạng” mới là từ trên trời rơi xuống!

## Ngày này, năm 1975

Năm nay tôi 80 tuổi. Vợ tôi thường nói với mấy con: « Ông bà mình nói người già hay sanh tật, đúng quá! Bây coi: ba bây bây giờ sáng nào uống cà phê xong cũng lại đứng trước tấm lịch tháng treo ở phòng khách, nhìn trầm ngâm một chút rồi lấy bút gạch chéo ô vuông đề ngày hôm

qua ! Chi vậy hồng biết ? Hỏi ông thì ông nói gạch để nhớ rằng đến ngày này tháng này mình vẫn còn trôi sông lạc chợ ! Trời đất ! Định cư ở Pháp từ hơn ba mươi năm chớ phải mới đây đâu mà đi gạch lịch từng ngày ! Ông còn nói gạch để coi chừng nào mình mới thôi gạch để về lại Việt Nam... »

Câu nói của tôi là sự thật nhưng vì vợ tôi không hiểu nên cho là tôi già sanh tật ! Làm sao giải thích được mỗi lần tôi gạch tréo một ngày như vậy tôi có cảm tưởng như là tôi vừa nhích lại gần quê hương một chút – một chút thôi – đủ để nuôi hy vọng thấy một ngày nào đó mình vẫn còn sống mà trở về...

Sáng nay, cũng giống như mọi ngày, tôi cầm bút gạch tréo ô vuông ngày hôm qua. Ô vuông ngày hôm nay đập vào mắt tôi làm tôi giật mình : ngày này, năm 1975 ! Tôi bỗng nhớ ra, nhớ rõ, những gì đã xảy ra ngày đó, nhớ như in. Rồi sợ « cái ngày đó » nó vượt khỏi ký ức vốn đã quá hao mòn của tuổi già , tôi vội vã lấy giấy bút ghi lại...

...Hồi thời trước 75, tôi làm việc cho một hãng dầu ở Việt Nam, phụ trách nhập cảng xăng dầu từ Singapore vào kho dầu Nhà Bè để cung ứng cho thị trường dân sự và quân sự miền nam Việt Nam. Vì trong xứ có giặc nên thị trường quân sự chiếm 60%, trong đó xăng máy bay dẫn đầu. Các bạn tôi trong quân đội giải thích cho tôi biết rằng ở chiến trường miền nam sự yểm trợ của không lực là quan trọng nhứt. Do đó, tôi luôn luôn theo dõi sát tình hình dự trữ xăng máy bay ở các kho dầu miền nam, từ kho Nại Hiền Đà Nẵng dẫn xuống kho Cần Thơ thông qua kho lớn ở Nhà Bè...

Vào cuối tháng 3 năm 1975, sau lệnh triệt thoái cao nguyên, tình hình quân sự trở nên ồ ạt. Sợ trở tay không kịp, tôi cò-m-ặng Singapore một tàu xăng máy bay. Hay tin này, hãng bảo hiểm có hợp đồng với hãng dầu tôi làm việc đánh điện phản đối, không cho tàu dầu qua Việt Nam viện có tình hình bất ổn. Đánh điện qua, đánh điện lại, cù cựa cả tuần họ mới bằng lòng cho tàu dầu qua, với điều kiện phải có hộ tống của Navy Mỹ họ mới cho tàu vào sông Sài Gòn để cập kho Nhà Bè ! Tôi báo cáo với ban giám đốc vì lúc đó ở kho lớn Nhà Bè trữ lượng xăng máy bay chỉ còn đủ có bày ngày tác chiến của không quân. Ban giám đốc chấp thuận điều kiện của hãng bảo hiểm. Tôi vội vã gọi điện thoại lại cơ quan yểm trợ Mỹ để xin hợp khẩn. Ông trưởng sở trả lời : « Tôi sẽ đến ngay văn phòng ông. Cho tôi mười phút ! ». Tôi quen ông này – tên W, thường được gọi là « Xếp » – nhờ hay đi họp chung. Ông ta dễ thương nhã nhặn, biết chút đỉnh tiếng Pháp nên lần nào gặp tôi cũng nói : " *Bonjour ! ça va ?* " ( Chào ông ! Mạnh hả ? )

Xếp W đến văn phòng tôi với hai người phụ tá. Tôi đã làm sẵn hồ sơ nên sau khi mời ngồi, tôi trao ngay cho họ để họ dễ theo dõi những gì tôi sẽ trình bày. Mười phút sau, tôi kết luận xin can thiệp gấp để tàu dầu xăng máy bay của hãng tôi được hộ tống, không quên nhắc lại điểm chánh yếu là trữ lượng xăng máy bay chỉ còn đủ để chiến đấu trong vòng có bảy bữa !

Nghe xong, Xếp W xin phép bước ra ngoài gọi radio về trung ương. Một lúc sau, ông trở vào, nét mặt và giọng nói vẫn tự nhiên như chẳng có gì quan trọng hết : « Rất tiếc ! Chúng tôi không giúp được ! Thôi ! Chúng tôi về ! ». Tôi đang nghe nghẹn ngang ở cổ thì ông W vỗ vai tôi nói nhỏ bằng tiếng Pháp : « *Allez-vous-en !* » ( Ông hãy đi, đi ! ) Ra đến cửa phòng, ông ngừng lại nhìn tôi, gật nhẹ đầu một cái như để chào nhưng tôi nghĩ là ông muốn nhắc lại câu nói cuối cùng " *Allez-vous-en !* " ( Ông hãy đi, đi ! ) ...

Tôi ngồi bất động, nghe tức tràn lên cổ vì thấy mình bất lực quá và cũng nghe thương vô cùng cái quê hương nhỏ bé của mình, nhược tiểu đến mức độ mà khi cần nắm tay để kéo đi theo thì « họ » dấn...đầy đường cái nhẩn « hai bàn tay nắm lấy nhau » để chứng tỏ sự thật tình « khấn khít », rồi khi không còn cần nữa thì cứ tự nhiên buông bỏ không nương tay giấu mặt, vì biết mười mươi rằng « thằng nhược tiểu đó không làm gì được mình » !

Tôi ráng kèm xúc động, bước qua phòng họp của ban giám đốc, chỉ nói được có mấy tiếng : « Chánh quyền Mỹ từ chối ! ». Sau đó, tôi đánh điện qua Singapore, cũng chỉ bằng một câu : « Không có hộ tống ». Họ trả lời ngay : « *OK ! Good Luck !* » ( Nhận được ! Chúc may mắn ! ) Hai chữ cuối cùng, trong hoàn cảnh này và vào thời điểm này, nghe sao thật đầy chua xót !

Thấy mới có ba giờ chiều, nhưng không còn lòng dạ đâu để ngồi lại làm việc nên tôi lái xe về nhà. Tôi lái như cái máy, cứ theo lộ trình quen thuộc mà đi. Về đến trước nhà, tôi bỏ xe ngoài

ngỏ, đi bộ vô. Vợ tôi chạy ra, ngạc nhiên : « Sao về vậy anh ? ». Tôi không nói được gì hết, chỉ gục đầu vào vai vợ tôi rồi bật khóc . Vợ tôi chưa biết những gì đã xảy ra nhưng chắc nàng đoán được rằng tôi phải đau khổ lắm mới phát khóc như vậy. Cho nên nàng vừa đưa tay vuốt vuốt lưng tôi vừa nói, giọng đầy cảm xúc : « Ờ...Khóc đi anh ! Khóc đi ! »  
Ngày đó, tháng tư năm 1975...Đúng là ngày này !

## Chuyện chẳng có gì hết

Thật vậy, chuyện chẳng có gì hết. Nhưng sao nó cứ đeo theo ám ảnh tôi từ mấy hôm nay. Tôi cứ nghĩ đến nó, nhớ rõ từng chi tiết, hình ảnh, từng xúc động trong lòng mình lúc đó. Để rồi trần trở bản khoăn, không biết những người khác – những người Việt Nam cũng lưu vong như tôi – có cùng một tâm trạng như tôi hay không, nếu họ chứng kiến câu chuyện chẳng có gì hết này. Đó là lý do tôi muốn kể lại những gì tôi đã nghe thấy cách đây mấy hôm. Và tôi nghĩ : kể lại, chắc sẽ làm nhẹ bớt những gì từ bao lâu nay tôi chất chứa trong lòng...

...Hôm đó, tôi đi mua đồ ở siêu thị. Sau khi kiểm điểm lại những gì mà vợ tôi dặn mua – một danh sách mười mấy món – tôi đẩy xe caddie lại xếp hàng để ra két. Vì đông người nên hàng thật dài, kéo sâu vào hành lang giữa hai dải kệ đầy bánh kẹo. Tôi đứng ở cuối cái đuôi, kiên nhẫn đợi, bởi vì người xếp hàng đã đông mà caddie của người nào cũng đầy ăm ắp.

Phía trước tôi, cách hai người, có ba con đầm tuổi choai choai chắc đi chung nên thấy xô đẩy nhau cười nói. Chúng nó nói chuyện với nhau, nói lớn tiếng như chúng đang ở ngoài đồng và như đùa nầy cách đùa kia hàng trăm thước ! Một đứa bỗng lấy ra một điện thoại di-động bấm nút rồi nói chuyện. Vì hai đứa kia đang nói lớn tiếng nên nó phải la lớn hơn để người đối thoại mới nghe. Đại khái, nó hỏi : " Hôm qua mày đi với thằng nào ? ... Super... Ủ ! Ủ !... Thằng Alex hả ?... Génial ! ... Ủm ! Ủm ! ... Génial ! ... Rồi mày làm sao ?...Ủm ! Ủm !...". Bỗng nó rú lên vừa nhảy cẫng vừa hét vào máy : " Ố ! Ố !...Super ! Super ! Génial !... Ờ... Thôi ! Mày gọi lại tao há ! Bye ! " Nó đóng máy lại mà mắt môi vẫn còn đầy kích động ! Có vài người nhìn nó, nhưng cái nhìn dừng dừng. Chẳng thấy có ai cau mày hay lắc đầu nhè nhẹ để thấy họ có phản ứng, dù là gián tiếp !  
Coi như chuyện bình thường...

Tôi thì tôi không chịu được ! Thật là mất dạy. Mà ở xứ Pháp này, cái thứ mất dạy như vậy, đầy ! Chẳng còn nề nếp gì hết, chẳng còn lễ độ gì hết, chẳng còn kiêng nề gì hết. Loạn !

Chính trong lúc đó tôi nghe phía sau tôi giọng đàn bà nói tiếng Việt Nam : " Sophie ! Đừng làm như vậy ! Mẹ nói đừng làm như vậy !". Ngạc nhiên, tôi nhìn lại : đứng ngay sau tôi là một thiếu phụ Việt Nam tuổi độ ba mươi và một đứa bé gái tóc vàng mắt xanh cỡ chừng bảy tám tuổi.

Thấy tôi nhìn, cô ta mỉm cười gật đầu chào, rồi tiếp tục nói với đứa con : " Mẹ dạy con làm sao ? Muốn cái gì cũng phải hỏi ý mẹ trước. Thứ này ở nhà con còn tới hai hộp lận, ăn chưa hết mà con lấy nữa làm gì ?" Đứa bé đứng cúi đầu. Cô ta nói tiếp, giọng hơi gắt : " Sophie ! Nhìn vào mắt mẹ nè !" Đứa bé ngược lên nhìn mẹ, đôi mắt xanh chớp chớp. Người mẹ vừa nói vừa chỉ hộp bánh nằm trong caddie : " Con đem hộp bánh trả lại trên kệ hàng cho mẹ ! Đừng làm cho mẹ giận, Sophie !" Đứa bé làm theo lời mẹ, rồi trở về nắm ống tay áo mẹ giựt giựt nhẹ, giọng như sắp ướm nước mắt : " Mẹ đừng giận con, nghe mẹ. Mẹ đừng giận con..."

Ngạc nhiên, tôi nói : " Cháu nói tiếng Việt giỏi quá, há cô !". Mẹ nó cười tươi : " Dạ, lúc nào nó nói chuyện với cháu nó cũng nói bằng tiếng Việt. Còn nói với ba nó thì nó nói tiếng Pháp". Rồi cô ta quay qua nói với con : "Chào ông đi con". Con bé khoanh tay cúi đầu : "Dạ chào ông". Tôi đưa tay xoa đầu nó, nói được có một tiếng "Giỏi" rồi nghẹn ngang. Tôi vội nhắm mắt quay mặt đi để che giấu niềm xúc động. Nhắm mắt mà tôi vẫn thấy đứa bé khoanh tay cúi đầu chào, một cử chỉ rất tầm thường nhưng sao nó bật lên cho tôi hình ảnh quê hương, cái quê hương ngàn trùng xa cách ? Từ lâu, rất lâu – có lẽ cũng gần ba mươi năm – tôi không còn thấy cái cung cách lễ độ đó. Ở Việt Nam, phần lớn các bà mẹ đều dạy con như vậy. Bây giờ, trên xứ Pháp xa xôi này, một người mẹ Việt Nam trẻ tuổi chẳng những dạy đứa con lai nói rành rọt tiếng Việt mà còn dạy cả

cung cách Việt Nam nữa. Người mẹ đó bỏ xứ ra đi, đã biết mang theo những gì quý nhứt của quê hương. Hình ảnh Việt Nam bỗng ngời lên trước mắt...

Trả tiền xong, tôi quay lại nói : "Thôi ! Chào cô nhen ! Thấy cô dạy cháu bé như vậy, tôi thật cảm phục. Ở đây, hiếm lắm, cô biết không ?". Cô ta cười : "Dạ ! Có gì đâu? Mình là người Việt Nam mà bác. Dạ ! Chào bác". Bé gái đang phụ mẹ chất đồ lên quầy cũng ngừng tay nhìn tôi cúi đầu chào... Thấy thương quá !

Trên đường về tôi miên man nghĩ tới người thiếu phụ trẻ tuổi đó và thấy quý những người như vậy vô cùng. Không phải tại vì hiếm mà quý. Mà tại vì nhờ có những người như vậy cái gốc Việt Nam vẫn còn, vẫn có trên khắp các nẻo đường lưu vong.

Rồi liên tưởng nhắc tôi một thằng bạn. Tụi tôi quen thân nhau từ nhỏ. Lớn lên, nó làm trong nhà nước, tôi làm hãng tư, nhưng vẫn thường gặp nhau. Nó di tản trước tháng tư 75 rồi định cư ở Pháp. Tôi bị kẹt lại, sống mấy năm trời lận đận. Sau đó tôi vượt biên. Rồi cũng định cư ở Pháp. Chúng tôi lại gặp nhau ở Paris. Nó làm việc cho nhà nước Pháp, cuộc đời ổn định từ lâu. Tôi lêu bêu một dạo rồi trôi qua Phi Châu mới có công ăn việc làm. Từ đó, chúng tôi bật tin nhau...

Phải hai mươi năm sau, về Paris tôi mới lại gặp nó. Nó có nhà ở dưới tỉnh, cách Paris cả ngàn cây số. Nhân dịp lên Paris ở hai ngày để dự đám cưới thằng cháu, nó tìm gặp lại tôi ở nhà một người bạn chung. Nói chuyện suốt cả buổi chiều vẫn chưa thấy đã. Sau đó, nó biên cho tôi địa chỉ của nó trên một tờ giấy nhỏ, tôi nhìn mà nhớ lại thuở thiếu thời. Hồi đó, nó là một trong vài thằng viết chữ đẹp nhứt lớp, cho nên ông thầy chỉ định nó mỗi buổi sáng vào lớp trước giờ học để viết trên đầu tám bảng đen cái thứ trong tuần và ngày tháng năm. Hồi thời đó, được chỉ định như vậy, "hách" ghê lắm ! Bây giờ, tuồng chữ của nó vẫn còn đẹp như xưa nhưng cứng rắn hơn. Mấy hôm sau, tôi viết cho nó một bức thư dài, nhắc lại những kỷ niệm cũ mà hôm gặp lại nhau còn quên chưa kịp nhắc. Thằng con tôi bảo tôi viết xong đưa nó đánh vào máy vi tính rồi in ra cho tôi. Máy của nó có hệ VNI nên đánh chữ Việt Nam được. Tôi nói : "Không ! Ba muốn gởi thư viết tay, nó trang trọng hơn. Ngoài ra, khi bạn của ba cầm lá thư trên tay, chưa đọc, chỉ nhìn tuồng chữ thôi, ông ta cũng sẽ thấy được ba trong từng nét bút. Còn thư đánh máy, nó không mang một bản sắc nào hết, nó cứng ngắt, vô hồn..."

Mười ngày sau, tôi nhận được lá thư hồi âm của nó. Thư đánh máy và bằng tiếng Pháp. Tôi cảm thấy thật hụt hẫng. Tôi đâu có dè nó "mất gốc" đến độ như vậy ! Tôi chỉ còn nhìn ra được thằng bạn tôi ở cái chữ ký, còn lại là một thằng tây nào đó chứ không phải một thằng Việt Nam ! Tôi chưa xốt, nhưng cũng ráng đọc cho hết bức thư trước khi thả nó rơi vào sọt rác. Tình bạn mà tôi đã dành cho nó từ thời tuổi nhỏ chắc cũng đã rơi theo vào sọt rác, nghe nhẹ như hơi thở dài... Đó ! Câu chuyện không có gì hết mà tôi muốn kể lại. Suy cho cùng, chắc nó có mang một "cái gì đó" chứ không phải "không có gì hết". Tại vì tôi không thấy. Chớ nếu nó không "nói" lên cái gì hết thì tại sao tôi cứ phải nghĩ ngợi băn khoăn ?

Có lẽ tại vì lâu nay tôi thường nghe người Việt lưu vong than đã mất quê hương, mà tôi thì cứ cho là chuyện bình thường, chẳng có gì phải suy nghĩ. Chính cái cung cách khoanh tay cuối đầu chào của cô bé tóc vàng mắt xanh đã bắt tôi phải suy nghĩ. Nếu người Việt lưu vong giống thằng bạn của tôi thì đúng là họ đã để mất quê hương thật. Còn như họ giống mẹ con người thiếu phụ trẻ tuổi mà tôi gặp trong siêu thị thì làm sao nói mất quê hương ? Quê hương còn nguyên đó chớ, thể hiện bằng tư duy, bằng ngôn ngữ, bằng phong cách đặc thù Việt Nam. Đó là cái gốc mà mình đã mang theo, chỉ cần một quyết tâm gìn giữ, vun bồi là nó sẽ đâm chồi nảy lộc... Còn hay hơn nữa : mình nên bắt chước người mẹ trẻ tuổi đó, coi chuyện gìn giữ cái gốc là chuyện tự nhiên, ai ai cũng phải làm. Tôi nhớ hoài câu nói của cô ta : "Dạ ! Có gì đâu ? Mình là người Việt Nam mà bác !". Và tôi tin chắc : một người như cô ta chẳng bao giờ than rằng đã mất quê hương ! Bây giờ thì tôi thấy "câu chuyện không có gì hết" thật sự không phải không có gì hết !

**Những hình ảnh không in ra được**



Tôi không có đi di tản hồi những ngày cuối tháng tư 1975 nên không biết cảnh di tản ở Sài Gòn ra làm sao. Mãi đến sau này, khi đã định cư ở Pháp, nhờ xem truyền hình mới biết ! Sau đây là vài cảnh đã làm tôi xúc động, xin kể lại để cùng chia sẻ...



## Chuyện 1



Ở bến tàu, thiên hạ bồng bế nhau, tay xách nách mang, kêu réo nhau ầm ĩ, hót hơ hót hải chạy về phía chiếc cầu thang dẫn lên bong một chiếc tàu cao nghều nghệu. Cầu thang đầy người, xô đẩy chen lấn nhau, kêu gọi nhau, gậy gõ nhau... ồn ào. Trên bong tàu cũng đầy người lố nhố, giành nhau chồm lên be tàu để gọi người nhà còn kẹt dưới bến, miệng la tay quơ ra dấu chỉ trở... cũng ồn ào như dòng người trên cầu thang !

Giữa cầu thang, một bà già. Máy quay phim zoom ngay bà nên nhìn thấy rõ : bà mặc quần đen áo túi trắng đầu cột khăn rằn, không mang bao bị gì hết, bà đang bò nặng nhọc lên từng nấc thang. Bà không dáo dác nhìn trước ngó sau hay có cử chỉ tìm kiếm ai, có nghĩa là bà già đó đi một mình. Phía sau bà thiên hạ dồn lên, bị cản trở nên la ó ! Thấy vậy, một thanh niên tự động lòn lượm dưới người bà già cõng bà lên, xóc vài cái cho thẳng bằng rồi trèo tiếp.

*Chuyện chỉ có vậy, nhưng sao hình ảnh đó cứ đeo theo tôi từ bao nhiêu năm, để tôi cứ phải thắc mắc : bà già đó sợ gì mà phải đi di tản ? con cháu bà đâu mà để bà đi một mình ? rồi cuộc đời của bà trong chuỗi ngày còn lại trên xứ định cư ra sao ? còn cậu thanh niên đã làm một cử chỉ đẹp – quá đẹp – bây giờ ở đâu ?... Tôi muốn gửi đến người đó lời cảm ơn chân thành của tôi, bởi vì anh ta đã cho tôi thấy cái tình người trên quê hương tôi nó vẫn là như vậy đó, cho dù ở trong một hoàn cảnh xô bồ hỗn loạn như những ngày cuối cùng của tháng tư 1975...*

## Chuyện 2

Cũng trên chiếc cầu thang dẫn lên tàu, một người đàn ông tay ôm bao đồ to trước ngực, cõng một bà già tóc bạc phều lất phất bay theo từng cơn gió sông. Bà già ốm nhom, mặc quần đen áo bà ba màu cốt trầu, tay trái ôm cổ người đàn ông, tay mặt cầm cái nón lá. Bà nép má trái lên vai người đàn ông, mặt quay ra ngoài về phía máy quay phim. Nhờ máy zoom vào bà nên nhìn rõ nét mặt rất bình thản của bà, trái ngược hẳn với sự thất thanh sợ hãi ở chung quanh ! Lên gần đến bong tàu, bỗng bà già vượt tay làm rơi cái nón lá. Bà chồm người ra, hốt hoảng nhìn theo cái nón đang lộn qua chao lại trước khi mất hút về phía dưới. Rồi bà bật khóc thảm thiết...

*Bà già đó chắc đã quyết định bỏ hết để ra đi, yên chí ra đi, vì bà mang theo một vật mà bà xem là quý giá nhất, bởi nó quá gần gũi với cuộc đời của bà : cái nón lá ! Đến khi mất nó, có lẽ bà mới cảm nhận được rằng bà thật sự mất tất cả. Cái nón lá đã chứa đựng cả bầu trời quê hương của bà, hỏi sao bà không xót xa đau khổ ? Nghĩ như vậy nên tôi thấy thương bà già đó vô cùng. Tôi hy vọng, về sau trên xứ sở tạm dung, bà mua được một cái nón lá để mỗi lần đội lên bà sống lại với vài ba kỷ niệm nào đó, ở một góc trời nào đó của quê hương...*

### Chuyện 3

Cũng trên bến tàu này. Trong luồng người đi như chạy, một người đàn bà còn trẻ mang hai cái xác trên vai, tay bồng một đứa nhỏ. Chắc đuối sức nên cô ta quỵ xuống. Thiên hạ quay đầu nhìn nhưng vẫn hối hả đi qua, còn tránh xa cô ta như tránh một chướng ngại vật nguy hiểm ! Trong sự ồn ào hỗn tạp đó, bỗng nghe tiếng được tiếng mất của người đàn bà vừa khóc la vừa làm cử chỉ cầu cứu. Đứa nhỏ trong tay cô ta ôm nhom, đầu chờ vờ mắt sầm sẫm, đang là người về một bên, tay chân xụi lơ. Người mẹ – chắc là người mẹ, bởi vì chỉ có người mẹ mới ôm đứa con quặt quẹo xấu xí như vậy để cùng đi di tản, và chỉ có người mẹ mới bất chấp cái nhìn bàng quan của thiên hạ mà khóc than thống thiết như vậy – người mẹ đó quỳnh quáng ngược nhìn lên luồng người, tiếp tục van lạy cầu khẩn.

Bỗng, có hai thanh niên mang ba lô đi tới, nhìn thấy. Họ dừng lại, khom xuống hỏi. Rồi họ ngồi thụp xuống, một anh rờ đầu rờ tay vạch mắt đứa nhỏ, họ nói gì với nhau rồi nói gì với người đàn bà. Thấy cô ta trao đứa bé cho một anh thanh niên. Anh này bồng đứa nhỏ úp vào ngực mình rồi vén áo đưa lưng đứa nhỏ cho anh kia xem. Thằng nhỏ ốm đến nỗi cái xương sống lồi lên một đường dài...

Anh thứ hai đã lấy trong túi ra chai dầu từ lúc nào, bắt đầu thoa dầu rồi cạo gió bằng miếng thẻ bài của quân đội.

Thiên hạ vẫn rần rần hối hả đi qua. Hai thanh niên nhìn về hướng cái cầu thang, có vẻ hốt hoảng. Họ quay qua người đàn bà, nói gì đó rồi đứng lên, bồng đứa nhỏ, vừa chạy về phía cầu thang vừa cạo gió ! Người mẹ cố sức đứng lên, xiêu xiêu muốn quỵ xuống, vừa khóc vừa đưa tay vẫy về hướng đứa con. Một anh lính Mỹ chợt đi qua, dừng lại nhìn, rồi như hiểu ra, vội vã chạy lại đỡ người mẹ, bỗng xóc lên đi nhanh nhanh theo hai chàng thanh niên, cây súng anh mang chéo trên lưng lắc la lắc lư theo từng nhịp bước....

*Viết lại chuyện này, mặc dù đã hơn ba mươi năm, nhưng tôi vẫn cầu nguyện cho mẹ con thằng nhỏ được tai qua nạn khỏi, cầu nguyện cho hai anh thanh niên có một cuộc sống an vui tương xứng với nghĩa cử cao đẹp mà hai anh đã làm. Và dĩ nhiên, bây giờ, tôi nhìn mấy anh lính Mỹ với cái nhìn có thiện cảm !*

### Chuyện 4

Cũng trên bến tàu. Cầu thang đã được kéo lên. Trên tàu đầy người, ồn ào. Dưới bến vẫn còn đầy người và cũng ồn ào. Ở dưới nói với lên, ở trên nói vọng xuống, và vì thấy tàu sắp rời bến nên

càng quỳnh quáng tranh nhau vừa ra dấu vừa la lớn, mạnh ai nấy la nên không nghe được gì rõ rệt hết !

Máy quay phim zoom vào một người đàn ông đứng tuổi đang hướng lên trên ra dấu nói gì đó. Bên cạnh ông là một thằng nhỏ cỡ chín mười tuổi, nép vào chân của ông, mặt mày ngơ ngác. Một lúc sau, người đàn ông chấp tay hướng lên trên xá xá nhiều lần như van lạy người trên tàu, gương mặt sạm nắng của ông ta có vẻ rất thành khẩn. Bỗng trên tàu thò xuống một sợi thừng cỡ nửa cườm tay, đầu dây đong đưa. Mấy người bên dưới tranh nhau chụp. Người đàn ông nắm được, mỉm cười sung sướng, vội vã cột ngang eo ếch thằng nhỏ. Xong, ông đưa tay ra dấu cho bên trên. Thằng nhỏ được từ từ kéo lên, tòn ten dọc theo hông tàu. Nó không la không khóc, hai tay nắm chặt sợi dây, ráng nghiêng người qua một bên để cúi đầu nhìn xuống. Người đàn ông ngược nhìn theo, đưa tay ra dấu như muốn nói : « Đi, đi ! Đi, đi ! ». Rồi, mặt ông bỗng nhăn nhúm lại, ông úp mặt vào hai tay khóc ngất ! Bây giờ, tôi đoán ông ta là cha của thằng nhỏ đang tòn ten trên kia... Không có tiếng còi tàu hụ buồn thê thiết khi lìa bến, nhưng sao tôi cũng nghe ứa nước mắt !

*Không biết thằng nhỏ đó bây giờ cũng đã trên bốn mươi tuổi ở đâu ? Cha con nó có gặp lại nhau không? Nếu nó còn mạnh giỏi, tôi xin Ông Trên cho nó đọc được mấy dòng này...*